

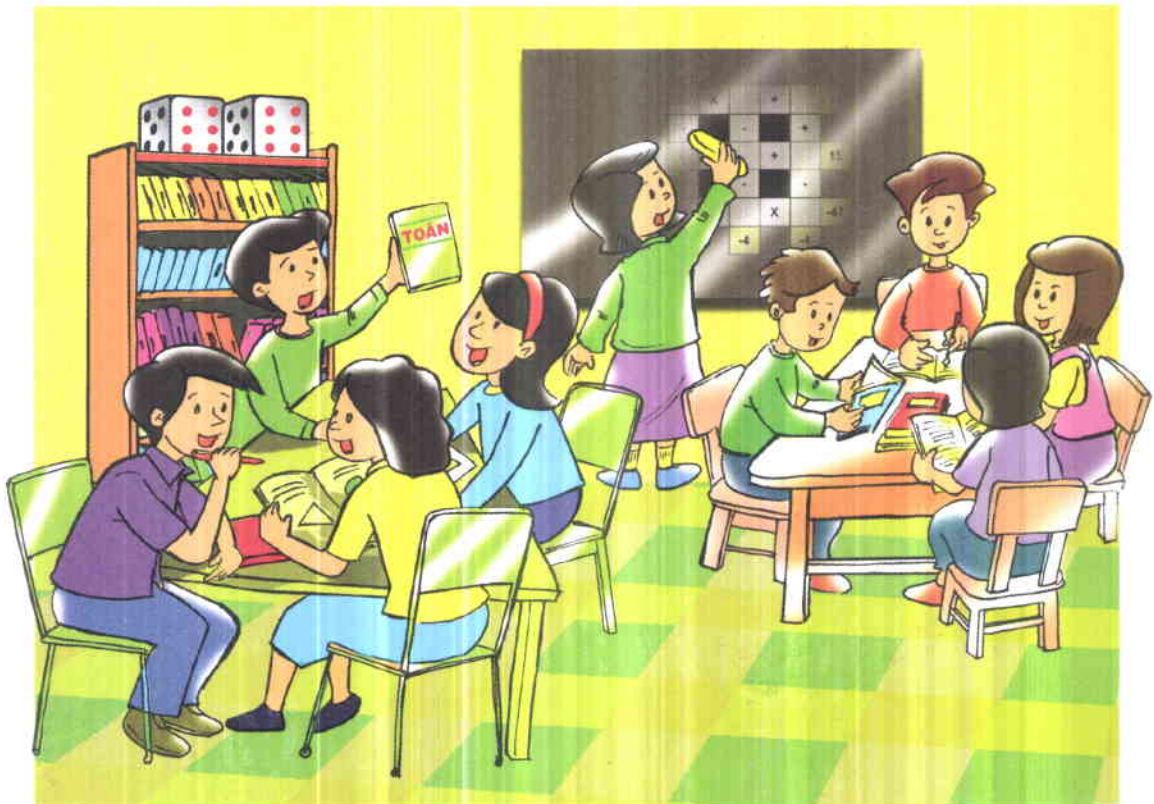
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC

DỰ ÁN MÔ HÌNH
TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN

MÔN TOÁN LỚP 4



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN

Tài liệu Hướng dẫn Giáo viên được *Dự án Mô hình Trường học mới Việt Nam* cấp cho giáo viên sử dụng. Giáo viên được cấp sách vào đầu năm học, ghi rõ Họ và tên, lớp, năm học vào bảng dưới đây và có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản cẩn thận, không được viết vào **Tài liệu Hướng dẫn Giáo viên** để hết năm học nộp lại thư viện nhà trường dành cho các giáo viên năm học tiếp theo sử dụng.

Trường :

Huyện : Tỉnh :

Số TT	Họ và tên giáo viên sử dụng sách	Lớp	Năm học
1	2014 – 2015
2	2015 – 2016
3	2016 – 2017
4	2017 – 2018
5	2018 – 2019
6	2019 – 2020
7	2020 – 2021

KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH



Hoạt động cá nhân



Hoạt động cặp đôi



Hoạt động nhóm



Hoạt động chung cả lớp



Hoạt động với cộng đồng

LỜI NÓI ĐẦU

Một trong những định hướng của đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) hiện nay là tạo điều kiện giúp người học phát huy tính tích cực, độc lập, phát triển năng lực tự học, năng lực tìm tòi, phát hiện, giải quyết vấn đề. Việc tìm tòi những mô hình tạo cơ hội thuận lợi hơn cho việc đổi mới cách dạy, đổi mới cách học, qua đó nâng cao chất lượng dạy học nói chung, dạy học môn Toán nói riêng luôn được quan tâm nghiên cứu.

Mô hình "Trường học mới Việt Nam" (VNEN) là một trong các mô hình nhà trường hướng tới việc đáp ứng các yêu cầu của đổi mới PPDH, thể hiện ở chỗ : Học sinh (HS) được học theo tốc độ phù hợp với trình độ nhận thức của cá nhân ; Nội dung học thiết thực, gắn kết với thực tiễn đời sống hằng ngày của HS ; Kế hoạch dạy học được bố trí linh hoạt ; Môi trường học tập thân thiện, phát huy tinh thần dân chủ, ý thức tập thể ; Tài liệu học có tính tương tác cao và là tài liệu hướng dẫn HS tự học ; Chú trọng kỹ năng làm việc theo nhóm hợp tác ; Phối hợp chặt chẽ giữa phụ huynh, cộng đồng và nhà trường ; Tăng quyền chủ động cho giáo viên (GV) và nhà trường, phát huy vai trò tích cực, sáng tạo của các cấp quản lý giáo dục địa phương.

Trong mô hình VNEN, đổi mới việc biên soạn hệ thống tài liệu phục vụ dạy học là một trong các yếu tố cơ bản, tác động tới cả ba đối tượng HS, GV và phụ huynh HS. Vì vậy cùng với bộ tài liệu "**Hướng dẫn học**" (chủ yếu dành để tổ chức cho HS thực hành, tự học), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tổ chức biên soạn hệ thống tài liệu hướng dẫn GV dạy học một số môn học và hoạt động giáo dục. Cuốn "**Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Toán lớp 4**" thuộc hệ thống sách nói trên.

Nội dung cuốn sách thể hiện trong hai phần :

Phần thứ nhất. Một số vấn đề chung về dạy học môn Toán lớp 4 VNEN

I. Một số đặc điểm của dạy học môn Toán lớp 4 VNEN

II. Kế hoạch, nội dung dạy học môn Toán lớp 4 VNEN

III. Phương pháp dạy học môn Toán lớp 4 VNEN

IV. Đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học môn Toán lớp 4 VNEN

V. Một số vấn đề khác.

Phần thứ hai. Gợi ý tổ chức dạy học một số dạng bài cơ bản trong môn Toán lớp 4 VNEN, với các chủ đề :

Chủ đề 1 : Số tự nhiên

Chủ đề 2 : Dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3

Chủ đề 3 : Các phép tính với số tự nhiên

Chủ đề 4 : Phân số

Chủ đề 5 : Các phép tính với phân số

Chủ đề 6 : Đại lượng và đo đại lượng

Chủ đề 7 : Biểu đồ

Chủ đề 8 : Các yếu tố hình học

Chủ đề 9 : Tỷ lệ bản đồ và ứng dụng

Chủ đề 10 : Giải bài toán có lời văn

Nội dung chính ở Phần thứ nhất của cuốn sách là giúp GV quán triệt tinh thần dạy học trên cơ sở tổ chức các hoạt động học tập độc lập, tích cực, tự học có hướng dẫn của HS. Trong mỗi bài học, từng đơn vị kiến thức, kỹ năng cơ bản tối thiểu được lấy làm nền tảng để xác định các hoạt động học tập tương thích, phù hợp với trình độ nhận thức của HS, đồng thời khuyến khích GV tổ chức quá trình dạy học thông qua các hoạt động trải nghiệm, khám phá, phát hiện của HS (*quy trình 5 bước giảng dạy*). Cách dạy học này đòi hỏi GV thiết kế, đạo diễn các hoạt động học tập để giúp HS tự phát hiện kiến thức, phân tích kiến thức và sử dụng kiến thức, tránh lối "đọc" cho HS "chép", hoặc thuyết giảng theo kiểu "áp đặt". Tuy nhiên GV cần chú ý tới phần "toát yếu kiến thức" (thường được đặt trong khung tô màu xanh). Phần này chứa một tổng kết (hoặc tiểu kết) ngắn về kiến thức hoặc kỹ năng thực hành mà HS cần ghi nhận và các em có thể tái hiện lại một cách nhanh chóng, tích cực khi cần thiết phải sử dụng đến những kiến thức này.

Ngoài ra, tài liệu cũng đề cập đến quy trình tổ chức cho HS tự học trong tiến trình thực hiện một bài học thông qua các *Hoạt động cơ bản*, *Hoạt động thực hành* và *Hoạt động ứng dụng*. Để HS dễ nhớ, dễ vận dụng và thuận tiện cho GV trong tổ chức hoạt động tự học của HS, chúng tôi gợi ý một quy trình gồm 10 bước học tập cụ thể (*quy trình 10 bước học tập*).

Với một quá trình dạy học đòi hỏi phải có những chuyển biến như vậy, vấn đề đánh giá kết quả học tập của HS cũng cần được đổi mới. Phương hướng đổi mới cơ bản là : chuyển trọng tâm từ đánh giá "kết thúc", đánh giá "tổng kết" sang việc coi trọng đánh giá theo "từng phần", đánh giá theo "tiến trình" ; chuyển trọng tâm từ việc đánh giá bằng cách cho "điểm số" sang việc đánh giá bằng "nhận xét", bằng việc "đo tiến độ", đo hiệu quả công việc và năng lực thực hành của HS, lôi cuốn, khuyến khích HS tham gia vào quá trình đánh giá và tự đánh giá.

Trên cơ sở theo dõi thường xuyên hoạt động của HS, GV nêu nhận xét đánh giá về mức độ tự giác, tích cực tham gia hoạt động học, sự chủ động chia sẻ với bạn bè, mức độ hoàn thành yêu cầu của các hoạt động cơ bản, hoạt động thực hành trong bài học.

Từ đánh giá kết quả mỗi bài học, GV có cơ sở đánh giá cả môn học vào cuối năm, đồng thời khuyến khích HS tự đánh giá, các nhóm đánh giá mỗi HS, cha mẹ đánh giá HS. Kết hợp các đánh giá đó sẽ đánh giá được kết quả của cả quá trình học tập của HS.

Nội dung chính ở Phần thứ hai là những gợi ý tổ chức dạy học một số dạng bài cơ bản trong môn Toán lớp 4 VNEN thuộc các chủ đề : Số tự nhiên ; Dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 ; Các phép tính với số tự nhiên ; Phân số ; Các phép tính với phân số ; Biểu đồ ; Đại lượng và đo đại lượng ; Các yếu tố hình học ; Tỷ lệ bản đồ và ứng dụng ; Giải bài toán có lời văn.

Nội dung mỗi chủ đề gồm 2 phần : A. Mục tiêu ; B. Hướng dẫn học tập một số dạng bài cơ bản.

Trong phần *Gợi ý tổ chức dạy học một số dạng bài cơ bản*, với mỗi dạng bài cụ thể có gợi ý chi tiết về *Các hoạt động tự học chủ yếu* (đối với HS) khi học dạng bài đó, kèm theo là trích dẫn một hoặc một vài *Vi dụ minh họa*.

Hi vọng cuốn "**Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Toán lớp 4**" sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích, hỗ trợ tích cực các thầy, cô giáo trong quá trình dạy học môn Toán theo mô hình "Trường học mới", góp phần thực hiện tốt chủ trương của Bộ GD&ĐT về việc triển khai vận dụng mô hình VNEN tại các địa phương có nhu cầu và điều kiện, góp phần thiết thực đổi mới giáo dục tiểu học.

PHẦN THỨ NHẤT
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG
VỀ DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 4 VNEN

I. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA VIỆC DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 4 VNEN

I.1. Một số định hướng chung

Dạy học môn Toán lớp 4 (Toán 4) theo mô hình VNEN cần bảo đảm các yêu cầu chung sau đây :

I.1.1. Quán triệt mục tiêu giáo dục ; Bảo đảm Chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình môn Toán tiểu học hiện hành ; Có thể có những điều chỉnh về nội dung theo hướng cơ bản, tinh giản, thiết thực.

I.1.2. Thực hiện với những trường/lớp dạy học 2 buổi/ngày.

I.1.3. Tạo điều kiện đẩy mạnh đổi mới PPDH và các hình thức dạy học trên cơ sở tổ chức các hoạt động phát huy tính tích cực, chủ động, khả năng tự học của HS.

I.1.4. Thể hiện quan điểm tích hợp các nội dung giáo dục, trong đó môn Toán hỗ trợ, gắn bó với việc dạy học các môn học khác. Hạn chế những trùng lặp không cần thiết, giảm mức độ khó của các kiến thức lí thuyết, tăng khả năng thực hành, vận dụng, chú ý tích hợp với hoạt động phát triển ngôn ngữ của HS.

I.1.5. Chú trọng khai thác và sử dụng những kinh nghiệm của HS trong đời sống hằng ngày. Gắn kết giữa nội dung dạy học với đời sống thực tiễn của HS, của cộng đồng.

I.1.6. GV chủ động, linh hoạt vận dụng chương trình phù hợp với đặc điểm của HS và điều kiện, hoàn cảnh dạy học cụ thể của địa phương, của nhà trường.

I.2. Một số đặc điểm cụ thể

I.2.1. Nội dung chương trình Toán 4 VNEN được phân chia thành các bài học, tổng cộng cả năm học lớp 4 có 112 bài học (Toán 4 hiện hành có 175 tiết). Mỗi bài học có thể gồm 1 hoặc 2 tiết học thông thường. Kết cấu như vậy sẽ tạo điều kiện để GV và HS chủ động điều tiết thời gian hoàn thành bài học, đồng thời giúp tăng cường hoạt động thực hành cho HS.

I.2.2. Quán triệt tinh thần dạy học trên cơ sở tổ chức các hoạt động học tập của HS, vì vậy trong mỗi bài học, từng đơn vị kiến thức, kĩ năng cơ bản tối thiểu được lấy làm nền tảng để xác định các hoạt động học tập tương thích, phù hợp với trình độ nhận thức của HS. Quá trình dạy học được tổ chức thông qua một chuỗi các hoạt động khuyến khích HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện và tự học một cách tích cực. Do đó, tài liệu

"Hướng dẫn học Toán 4" chú trọng chỉ dẫn tổ chức các hoạt động tự học, tự tìm tòi kiến thức, gợi động cơ, tạo lập tình huống có vấn đề, thông qua đó giúp HS tự phát hiện, giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của GV. Qua đó người học không chỉ tiếp thu tri thức khoa học mà còn học được cách học, cách giải quyết vấn đề.

Đồng thời, tài liệu "Hướng dẫn học Toán 4" cũng bao hàm các chỉ dẫn và gợi ý giúp GV triển khai các hoạt động dạy, giúp GV thay đổi lối dạy theo hướng thiết kế các hoạt động học tập của HS, tránh lối mòn "đọc" cho HS "chép", hoặc thuyết giảng theo kiểu áp đặt.

Ngoài ra, tài liệu còn có các gợi ý về tổ chức các trò chơi học tập nhằm tạo hứng thú, khai thác vốn kinh nghiệm, giúp HS thấy được niềm vui trong học tập đồng thời phát triển khả năng suy nghĩ, trí tưởng tượng.

I.2.3. Tiến trình của mỗi bài học gồm 3 phần :

– Phần *Hoạt động cơ bản* giúp HS học qua trải nghiệm, học qua việc làm thực tế, học qua tìm tòi, khám phá, phát hiện với sự giúp đỡ thích hợp của GV.

– Phần *Hoạt động thực hành* thể hiện các hoạt động thực hành của HS nhằm củng cố, rèn luyện, phát triển các kiến thức, kĩ năng vừa học. Phần này thường có các câu hỏi và bài tập, có thể kết hợp cả yêu cầu lí thuyết và thực hành.

– Phần *Hoạt động ứng dụng* khuyến khích HS bước đầu biết vận dụng kiến thức trong thực tế cuộc sống. Nhấn mạnh sự quan tâm hỗ trợ HS học tập từ gia đình và cộng đồng. Khuyến khích HS mở rộng vốn kiến thức qua các nguồn thông tin khác nhau (từ gia đình, cộng đồng làng bản, thôn xóm).

Dạng bài học *Luyện tập* hoặc *Luyện tập chung* giúp HS luyện tập củng cố, vận dụng các kĩ năng thực hành giải quyết vấn đề. Với các dạng bài này chỉ kết cấu thành 2 phần : *Hoạt động thực hành* và *Hoạt động ứng dụng*.

I.2.4. Tài liệu "Hướng dẫn học Toán 4" chú trọng thiết kế các hoạt động tăng cường cho HS thực hành nói thông qua yêu cầu phát biểu kiến thức mới, phát biểu bài toán thành lời hay phát biểu kết quả bài tập, kết quả thực hành. Hoạt động phát triển ngôn ngữ thể hiện ở các lệnh yêu cầu HS "đọc kĩ nội dung sau", "đọc và giải thích cho bạn" ; "em và bạn cùng đọc" ; "đó bạn" hoặc "đọc thông tin cho bố mẹ nghe" và "báo cáo với thầy/cô giáo".

I.2.5. Bắt đầu của mỗi hoạt động đều có một hình vẽ (lô gô) để HS dễ dàng nhận ra yêu cầu và các hình thức tổ chức hoạt động (cá nhân, theo cặp, nhóm nhỏ, hoạt động toàn lớp hoặc hoạt động với cộng đồng).

I.2.6. Giảm độ khó, tăng thực hành vận dụng, tăng cường tính trực quan, tăng cường sử dụng kênh hình....

II. KẾ HOẠCH, NỘI DUNG DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 4 VNEN

II.1. Thời lượng dạy học môn Toán lớp 4 VNEN

Thời lượng tối thiểu để dạy học Toán 4 VNEN bảo đảm đúng như quy định của chương trình Toán 4 hiện hành (bố trí theo tiết học thông thường), thể hiện cụ thể trong bảng sau :

Số tiết/ tuần	Số tuần	Số tiết/ năm
5	35	$5 \times 35 = 175$

Tuy nhiên, do Toán 4 VNEN được kết cấu theo bài học nên tùy theo điều kiện cụ thể của lớp học, GV có thể tổ chức hoạt động học tập cho HS trong từng bài học một cách linh hoạt. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, với những bài học liên quan đến tìm tòi kiến thức mới, phần hoạt động cơ bản thường kết thúc sau tiết học đầu tiên và chỉ dấu kết thúc là hình vẽ biểu thị việc HS báo cáo với thầy cô giáo kết quả có được dưới đây :



Báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc các em đã làm.

II.2. Nội dung dạy học môn Toán lớp 4 VNEN

II.2.1. Phạm vi nội dung dạy học môn Toán lớp 4 VNEN

a) Về số học gồm :

– *Số tự nhiên* : Các số đến lớp triệu ; Phép cộng và phép trừ các số có đến sáu chữ số, có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp ; Phép nhân các số có nhiều chữ số với số có không quá ba chữ số (tích có không quá sáu chữ số) ; Phép chia các số có nhiều chữ số cho số có không quá ba chữ số (thương có không quá bốn chữ số) ; Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng và phép nhân các số tự nhiên ; Nhân một số với một tổng.

– *Phân số* : Khái niệm ban đầu về phân số ; Đọc viết các phân số ; Rút gọn, quy đồng mẫu số, so sánh, sắp thứ tự các phân số ; Phép cộng, phép trừ hai phân số (trường hợp đơn giản, mẫu số của tổng hoặc hiệu không quá 100) ; Giới thiệu quy tắc nhân, quy tắc chia hai phân số (mẫu số của tích không vượt quá 100) ; Giới thiệu tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân các phân số, nhân một tổng hai phân số với một phân số.

– *Tỉ số* : Khái niệm ban đầu về tỉ số ; Tỉ lệ bản đồ và một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ.

– *Một số yếu tố đại số* : Tính giá trị của biểu thức số (số tự nhiên hoặc phân số) có đến ba dấu phép tính (có hoặc không có dấu ngoặc) và biểu thức có chứa một, hai, ba chữ dạng đơn giản ; Biết giải các bài tập dạng tìm một thành phần chưa biết của phép tính (dạng tìm x).

– *Một số yếu tố thống kê* : Số trung bình cộng, biểu đồ, biểu đồ cột.

b) Về đại lượng và đo đại lượng gồm :

Các đơn vị đo khối lượng : yến, tạ, tấn, đề-ca-gam (dag), héc-tô-gam (hg) ; Mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài, khối lượng, diện tích ; Các đơn vị đo thời gian : giây, thế kỉ, hệ thống hoá các đơn vị đo thời gian.

c) Về các yếu tố hình học gồm :

Góc nhọn, góc tù, góc bẹt ; Hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song ; hình bình hành, hình thoi, diện tích hình bình hành và hình thoi.

d) Về giải bài toán có lời văn gồm : Giải các bài toán có đến hai hoặc ba bước tính với các số tự nhiên hoặc phân số ; Giải các bài toán liên quan đến : tìm hai số biết tổng (hoặc hiệu) và tỉ số của chúng ; tìm hai số biết tổng và hiệu của chúng ; tìm số trung bình cộng ; tìm phân số của một số ; các bài toán có nội dung liên quan đến các hình đã học.

II.2.2. Một số điều chỉnh trong nội dung và phương pháp dạy học môn Toán lớp 4 VNEN so với môn Toán lớp 4 theo chương trình hiện hành

Về cơ bản Toán 4 VNEN giữ nguyên nội dung như trong Toán 4 hiện hành, có một số điều chỉnh cụ thể như sau :

Chủ đề	Nội dung	Toán 4 hiện hành	Toán 4 VNEN
I. Số tự nhiên	1. Đếm, đọc, viết, so sánh, sắp thứ tự các số đến lớp triệu	<p>Số tự nhiên được dạy học từ lớp 1 đến hết học kì I của lớp 4 theo kiểu "đồng tâm, mở rộng dần" và trong mỗi vòng số, HS đều được học về đọc, viết, so sánh, sắp thứ tự các số và ngầm giới thiệu một số đặc điểm của dãy số tự nhiên, của hệ thập phân.</p> <p>Ở lớp 4, ngoài việc ôn tập các số đến 100 000 (tức là các số có năm chữ số), HS được rèn luyện kỹ năng đọc, viết, so sánh, sắp thứ tự các số có đến sáu chữ số và các số thuộc phạm vi lớp triệu.</p>	<p>Dạy học các số tự nhiên vẫn theo nguyên tắc mở rộng dần các vòng số như trong Toán 4 hiện hành, tuy nhiên có điều chỉnh cho gọn hơn. Cụ thể : trong phạm vi các số có sáu chữ số và các số thuộc lớp triệu, trước hết HS học riêng về đọc, viết các số có nhiều chữ số mà không đồng thời học ngay về so sánh, sắp thứ tự các số.</p> <p>Ngoài ra, khi dạy đọc, viết các số có đến sáu chữ số thì bỏ qua mô hình trung gian (tức là không dùng đến mô hình các thẻ số), mà chỉ căn cứ trực tiếp vào các chữ số có ở từng hàng để đọc, viết các số.</p>
		<p><i>So sánh, sắp thứ tự các số tự nhiên</i> được trình bày trong 2 bài : "So sánh các số có nhiều chữ số" (SGK Toán 4, tr.12) và "So sánh và xếp thứ tự các số tự nhiên" (SGK Toán 4, tr.21)</p>	<p><i>Quy tắc so sánh, sắp thứ tự các số tự nhiên</i> chỉ trình bày trong bài số 9 : "So sánh và xếp thứ tự các số tự nhiên" (HDH Toán 4, tập 1A, tr.31).</p>
		<p><i>Về hàng và lớp</i></p> <p>Khái niệm hàng (hàng chục, hàng trăm, hàng đơn vị) đã được giới thiệu ở các lớp dưới.</p> <p>Khái niệm <i>lớp</i> (lớp đơn vị, lớp nghìn), được giới thiệu qua bài "Hàng và lớp" khi học các số có sáu chữ số.</p> <p>Khái niệm <i>lớp triệu</i> được giới thiệu qua bài "Triệu và lớp triệu" khi học các số triệu, chục triệu và trăm triệu.</p>	<p><i>Về hàng và lớp</i></p> <p>Mục đích của giới thiệu về hàng và lớp là để có cơ sở đọc, viết số tự nhiên có nhiều chữ số. Vì vậy Toán 4 VNEN chỉ giới thiệu trong bài số 6 : "Hàng và lớp" (HDH Toán 4, tập 1A, trang 19).</p>

	<p>2. Giới thiệu về dãy số tự nhiên ; Viết số tự nhiên trong hệ thập phân.</p>	<p>Hệ thống hoá và tổng kết về số tự nhiên, bao gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu chính thức tên gọi số tự nhiên, dãy số tự nhiên và một số đặc điểm của dãy số tự nhiên. – Giới thiệu đặc điểm của viết số tự nhiên trong hệ thập phân. 	<p>Vẫn giữ 2 nội dung :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu về dãy số tự nhiên và một số đặc điểm của dãy số tự nhiên ; – Giới thiệu về viết số tự nhiên trong hệ thập phân, nhưng trình bày theo lối bài đọc, giúp HS dễ tiếp thu hơn.
<p>II. Phép tính với các số tự nhiên</p>	<p>Phép nhân và Phép chia.</p>	<p>Các phép nhân (chia) với (cho) số có một (hai hoặc ba) chữ số :</p> <p>Ví dụ, với nội dung <i>chia cho số có hai chữ số</i>, SGK Toán 4 hiện hành trình bày theo các mức độ như sau :</p> <p>+ $672 : 21$; $779 : 18$ (số có ba chữ số chia cho số có hai chữ số, chia hết và chia có dư).</p> <p>+ $8192 : 64$; $1154 : 62$ (số có bốn chữ số chia cho số có hai chữ số, chia hết và chia có dư).</p> <p>+ $10105 : 43$; $26345 : 35$ (số có năm chữ số chia cho số có hai chữ số, chia hết và chia có dư).</p>	<p>Chú ý giúp HS hiểu rõ <i>cách chia</i>, đồng thời giảm bớt độ khó của các bài tập.</p> <p>Số bị chia có hai, ba, bốn hay năm chữ số không phải là tiêu chí cần thiết khi xem xét các ví dụ và bài tập. Ngoài ra trường hợp chia có dư được giới thiệu như một ví dụ mẫu trong hoạt động thực hành.</p>
<p>III. Phân số</p>	<p>Quy đồng mẫu số các phân số</p>	<p>Thực hiện theo quy tắc :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Lấy tử số và mẫu số của phân số thứ nhất nhân với mẫu số của phân số thứ hai. – Lấy tử số và mẫu số của phân số thứ hai nhân với mẫu số của phân số thứ nhất. 	<p>Giới thiệu cách tìm mẫu số chung của các phân số đơn giản.</p> <p>Không trực tiếp ngay từ đầu giới thiệu quy tắc như SGK Toán 4 hiện hành. Mà lần lượt các trường hợp cụ thể như : MS của phân số này chia hết cho MS của phân số kia ; hoặc có thể dễ dàng tìm được MSC của hai phân số (xem bài 66, HDH Toán 4).</p>

IV. Đại lượng và đo đại lượng	Đại lượng và đo đại lượng	<ul style="list-style-type: none"> – Hoàn chỉnh bảng đơn vị đo khối lượng. – Giới thiệu đơn vị đo thời gian : Giây – Thế kỉ. – Không lập bảng đơn vị đo thời gian. 	<ul style="list-style-type: none"> – Tăng cường biểu tượng trực quan. – Chú ý thực hành cân, đo, đong, đếm và thực hành giải quyết vấn đề gắn với đời sống thực tế của HS.
V. Các yếu tố hình học	Hai đường thẳng vuông góc ; Hai đường thẳng song song		<ul style="list-style-type: none"> – Giảm yêu cầu về vẽ và dựng chính xác các hình. – Chú ý tăng cường bài tập ứng dụng gắn với đời sống thực tế của HS.
VI. Giải bài toán có lời văn	Giải bài toán có lời văn		Chú trọng hoạt động nhận biết dạng toán và các bước trong quy trình giải dạng toán đó.

II.3. Phân phối kế hoạch dạy học trong chương trình Toán lớp 4 VNEN

HỌC KÌ I (Tuần 1 – Tuần 18)

Bài (số tiết)	Tên bài	Mục tiêu
Bài 1 (1t)	Ôn tập các số đến 100 000	Em ôn tập về đọc, viết, cấu tạo các số đến 100 000.
Bài 2 (2t)	Ôn tập các số đến 100 000 (tiếp theo)	Em ôn tập phép cộng, phép trừ các số có đến năm chữ số ; nhân (chia) số có đến năm chữ số với (cho) số có một chữ số.
Bài 3 (2t)	Biểu thức có chứa một chữ	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết biểu thức chứa một chữ – Tính được giá trị của biểu thức chứa một chữ với giá trị cho trước của chữ.

Bài 4 (2t)	Các số có sáu chữ số	<ul style="list-style-type: none"> – Viết và đọc được các số có đến sáu chữ số. – Biết giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong một số.
Bài 5 (1t)	Triệu. Chục triệu. Trăm triệu	Nhận biết triệu, chục triệu, trăm triệu.
Bài 6 (2t)	Hàng và lớp	<ul style="list-style-type: none"> – Biết được các hàng trong lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu. – Biết giá trị của chữ số theo vị trí của từng chữ số đó trong mỗi số. – Biết đọc và viết được một số đến lớp triệu. – Biết viết số thành tổng theo hàng.
Bài 7 (2t)	Luyện tập	<ul style="list-style-type: none"> – Đọc, viết thành thạo số đến lớp triệu. – Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong một số.
Bài 8 (2t)	Dãy số tự nhiên. Viết số tự nhiên trong hệ thập phân	<ul style="list-style-type: none"> – Em biết thêm thông tin về dãy số tự nhiên và một số đặc điểm của dãy số tự nhiên. – Biết sử dụng mười chữ số để viết số trong hệ thập phân.
Bài 9 (2t)	So sánh và xếp thứ tự các số tự nhiên	Em nhận biết được bước đầu về so sánh hai số tự nhiên, xếp thứ tự các số tự nhiên. Bước đầu làm quen với dạng bài : Tìm x , biết $x < 5$, $2 < x < 5$ với x là số tự nhiên.
Bài 10 (1t)	Yến, tạ, tấn	<p>Em biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Các đơn vị đo khối lượng yến, tạ, tấn ; Mối quan hệ của yến, tạ, tấn với ki-lô-gam. – Chuyển đổi số đo có đơn vị yến, tạ, tấn và ki-lô-gam. – Thực hiện phép tính với các số đo : yến, tạ, tấn.
Bài 11 (1t)	Bảng đơn vị đo khối lượng	<p>Em biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tên gọi, kí hiệu của hai đơn vị đo khối lượng đề-ca-gam, héc-tô-gam ;

		<ul style="list-style-type: none"> – Thứ tự các đơn vị đo khối lượng trong bảng đơn vị đo khối lượng. – Quan hệ giữa các đơn vị đo liền kề trong bảng đơn vị đo khối lượng và chuyển đổi đơn vị đo khối lượng. – Thực hiện được phép tính với số đo khối lượng.
Bài 12 (2t)	Giây, thế kỉ	<p>Em biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đơn vị đo thời gian : giây, thế kỉ. – Mọi quan hệ giữa phút và giây, thế kỉ và năm. – Xác định một năm cho trước thuộc thế kỉ nào. – Số ngày của từng tháng trong năm, của năm nhuận và năm không nhuận. – Chuyển đổi được đơn vị đo giữa ngày, giờ, phút, giây.
Bài 13 (2t)	Tìm số trung bình cộng	<p>Em biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trung bình cộng của nhiều số. – Tìm trung bình cộng của hai, ba, bốn số. – Giải bài toán về tìm số trung bình cộng.
Bài 14 (1t)	Biểu đồ tranh	<p>Em biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đọc một số thông tin trên biểu đồ tranh. – Bước đầu xử lí số liệu trong biểu đồ tranh. – Lập biểu đồ tranh đơn giản.
Bài 15 (2t)	Biểu đồ cột	<p>Em biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đọc một số thông tin trên biểu đồ cột. – Bước đầu xử lí số liệu trong biểu đồ cột. – Lập biểu đồ cột đơn giản.
Bài 16 (2t)	Em ôn lại những gì đã học	<p>Em luyện tập về :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Viết, đọc, so sánh các số tự nhiên ; nêu giá trị của chữ số trong một số. – Đọc được thông tin trên biểu đồ cột. – Xác định được một năm thuộc thế kỉ nào.

Bài 17 (2t)	Phép cộng. Phép trừ	Em biết thực hiện phép cộng, phép trừ các số có đến sáu chữ số.
Bài 18 (1t)	Luyện tập	Em biết : – Thực hiện phép cộng, phép trừ và cách thử lại phép cộng, phép trừ. – Tìm một thành phần chưa biết trong phép cộng, phép trừ.
Bài 19 (2t)	Biểu thức có chứa hai chữ. Tính chất giao hoán của phép cộng	– Em nhận biết được biểu thức chứa hai chữ. – Tính được giá trị của biểu thức chứa hai chữ với giá trị cho trước của chữ. – Biết tính chất giao hoán của phép cộng.
Bài 20 (2t)	Biểu thức có chứa ba chữ. Tính chất kết hợp của phép cộng	– Em nhận biết được biểu thức có chứa ba chữ. – Tính được giá trị của biểu thức có chứa ba chữ với giá trị cho trước của các chữ. – Biết tính chất kết hợp của phép cộng. – Vận dụng được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng để tính tổng ba số.
Bài 21 (1t)	Luyện tập	Em biết : – Tính tổng của ba số. – Vận dụng một số tính chất để tính tổng của ba số một cách thuận tiện nhất.
Bài 22 (2t)	Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó	Em biết : – Cách tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó. – Bước đầu giải bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.
Bài 23 (2t)	Em ôn lại những gì đã học	Em ôn lại : – Phép cộng, phép trừ các số có nhiều chữ số. – Vận dụng một số tính chất của phép cộng để tính giá trị của biểu thức số. – Giải các bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.
Bài 24 (1t)	Góc nhọn, góc tù, góc bẹt	Em nhận biết được góc nhọn, góc tù và góc bẹt.

Bài 25 (1t)	Hai đường thẳng vuông góc	<ul style="list-style-type: none"> – Em nhận biết được hai đường thẳng vuông góc. – Biết dùng êke để kiểm tra hai đường thẳng vuông góc.
Bài 26 (1t)	Hai đường thẳng song song	Em nhận biết được hai đường thẳng song song.
Bài 27 (1t)	Vẽ hai đường thẳng vuông góc	Em biết vẽ hai đường thẳng vuông góc.
Bài 28 (1t)	Vẽ hai đường thẳng song song	Em biết vẽ hai đường thẳng song song.
Bài 29 (1t)	Thực hành vẽ hình chữ nhật, hình vuông	Em biết vẽ hình chữ nhật, hình vuông.
Bài 30 (1t)	Luyện tập	Em ôn tập về các góc đã học, về cách vẽ hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song, vẽ hình chữ nhật, hình vuông.
Bài 31 (1t)	Em đã học được những gì	<p>Em tự đánh giá về :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đọc, viết, so sánh số tự nhiên ; hàng và lớp. – Đặt tính và thực hiện phép cộng, phép trừ các số có đến sáu chữ số. – Chuyển đổi số đo thời gian đã học ; thực hiện phép tính với số đo đại lượng. – Nhận biết góc vuông, góc nhọn, góc tù ; hai đường thẳng song song, vuông góc ; tính chu vi, diện tích hình chữ nhật, hình vuông. – Giải bài toán : Tìm số trung bình cộng ; Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.
Bài 32 (2t)	Nhân với số có một chữ số	Em biết : Cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số.
Bài 33 (2t)	Tính chất giao hoán của phép nhân. Nhân với 10, 100, 1000,... ; Chia cho 10, 100, 1000,...	<p>Em biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tính chất giao hoán của phép nhân. – Nhân một số với 10, 100, 1000,... ; Chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000,...

Bài 34 (2t)	Tính chất kết hợp của phép nhân. Nhân với số có tận cùng là chữ số 0.	Em biết : – Tính chất kết hợp của phép nhân. – Cách nhân với số có tận cùng là chữ số 0.
Bài 35 (1t)	Đề-xi-mét vuông	Em biết : – Đề-xi-mét vuông là đơn vị đo diện tích. – Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị đề-xi-mét vuông. – $1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2$. Bước đầu biết chuyển đổi từ dm^2 sang cm^2 và ngược lại.
Bài 36 (1t)	Mét vuông	Em biết : – Mét vuông là đơn vị đo diện tích. – Đọc, viết số đo diện tích có đơn vị mét vuông. – $1\text{m}^2 = 100\text{dm}^2$. Bước đầu biết chuyển đổi từ m^2 sang dm^2 , cm^2 .
Bài 37 (2t)	Nhân một số với một tổng. Nhân một số với một hiệu	Em biết : – Thực hiện phép nhân một số với một tổng ; nhân một số với một hiệu. – Vận dụng giải toán có lời văn và tính giá trị biểu thức.
Bài 38 (1t)	Em ôn lại nhân một số với một tổng (hiệu)	Em vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân, nhân một số với một tổng (hiệu) trong thực hành tính, tính nhanh.
Bài 39 (2t)	Nhân với số có hai chữ số	Em biết thực hiện nhân với số có hai chữ số và vận dụng vào giải toán có lời văn.
Bài 40 (1t)	Giới thiệu nhân nhẩm số có hai chữ số với 11	– Em biết cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11. – Em biết giải toán có lời văn liên quan đến nhân số có hai chữ số với 11.
Bài 41 (2t)	Nhân với số có ba chữ số	– Em biết thực hiện nhân với số có ba chữ số. – Em biết tính giá trị biểu thức và biết vận dụng giải toán có lời văn.
Bài 42 (2t)	Em ôn lại những gì đã học	Em biết : – Nhân với số có hai, ba chữ số ; vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính.

		<ul style="list-style-type: none"> – Công thức tính (biểu thức chữ) và tính được diện tích hình chữ nhật. – Chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng, diện tích. – Giải bài toán có lời văn liên quan đến nhân với số có hai, ba chữ số.
Bài 43 (1t)	Chia một tổng cho một số	<p>Em biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Chia một tổng cho một số. – Bước đầu vận dụng tính chất chia một tổng cho một số trong thực hành tính.
Bài 44 (2t)	Chia cho số có một chữ số	<p>Em biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số. – Bước đầu vận dụng chia cho số có một chữ số trong thực hành tính.
Bài 45 (2t)	Chia một số cho một tích. Chia một tích cho một số	<p>Em biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Chia một số cho một tích. – Chia một tích cho một số. – Vận dụng vào giải toán.
Bài 46 (1t)	Chia hai số có tận cùng là các chữ số 0	Em biết : Chia hai số có tận cùng là các chữ số 0.
Bài 47 (1t)	Chia cho số có hai chữ số	<p>Em biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện phép chia số có ba chữ số cho số có hai chữ số. – Vận dụng phép chia cho số có hai chữ số vào giải toán.
Bài 48 (1t)	Chia cho số có hai chữ số (tiếp theo)	<p>Em biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện phép chia số có bốn chữ số cho số có hai chữ số. – Vận dụng phép chia cho số có hai chữ số vào giải toán.

Bài 49 (2t)	Chia cho số có hai chữ số (tiếp theo)	Em biết : – Thực hiện phép chia số có năm chữ số cho số có hai chữ số. – Vận dụng phép chia cho số có hai chữ số vào giải toán.
Bài 50 (2t)	Thương có chữ số 0	Em biết thực hiện phép chia cho số có hai chữ số trong trường hợp có chữ số 0 ở thương.
Bài 51 (1t)	Chia cho số có ba chữ số	Em biết : – Thực hiện phép chia cho số có ba chữ số. – Vận dụng phép chia cho số có ba chữ số vào giải toán.
Bài 52 (1t)	Luyện tập	Em luyện tập thực hành kỹ năng chia cho số có ba chữ số.
Bài 53 (2t)	Em ôn lại những gì đã học	Em ôn lại : – Cách thực hiện phép nhân, phép chia. – Đọc thông tin trên biểu đồ.
Bài 54 (2t)	Dấu hiệu chia hết cho 2. Dấu hiệu chia hết cho 5	Em biết : – Dấu hiệu chia hết cho 2 ; số chẵn, số lẻ. – Dấu hiệu chia hết cho 5. – Bước đầu vận dụng các dấu hiệu đó.
Bài 55 (1t)	Luyện tập	– củng cố về dấu hiệu chia hết cho 2, dấu hiệu chia hết cho 5. – Thực hành vận dụng đơn giản.
Bài 56 (2t)	Dấu hiệu chia hết cho 9. Dấu hiệu chia hết cho 3	Em biết : – Dấu hiệu chia hết cho 9. – Dấu hiệu chia hết cho 3. – Thực hành vận dụng đơn giản.

Bài 57 (2t)	Em ôn lại những gì đã học	Em biết : – Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9, dấu hiệu chia hết cho 3, dấu hiệu chia hết cho 2, dấu hiệu chia hết cho 5. – Vận dụng làm các bài tập về viết các số chia hết cho 2 và cho 5, chia hết cho 2 và cho 3.
Bài 58 (1t)	Em đã học được những gì ?	Em tự đánh giá kết quả học tập về : – Đọc, viết các số tự nhiên có nhiều chữ số. – Cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên. Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9. – Tìm hai số biết tổng và hiệu hai số đó. – Đường thẳng song song, đường thẳng vuông góc. – Giải bài toán có đến 3 bước tính.

HỌC KÌ II (Tuần 19 – Tuần 35)

Bài (số tiết)	Tên bài	Mục tiêu
Bài 59 (2t)	Ki-lô-mét vuông	Em biết : – Ki-lô-mét vuông là đơn vị đo diện tích. – Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị ki-lô-mét vuông. – Đổi $1\text{km}^2 = 1\,000\,000\text{m}^2$. – Chuyển đổi các số đo diện tích.
Bài 60 (1t)	Hình bình hành	– Em nhận dạng được hình bình hành và nhận biết được một số đặc điểm của hình bình hành.
Bài 61 (2t)	Diện tích hình bình hành	Em biết : – Cách tính diện tích của hình bình hành. – Vận dụng quy tắc tính diện tích hình bình hành để giải toán.
Bài 62 (1t)	Phân số	Em nhận biết được bước đầu về phân số ; Biết phân số có tử số, mẫu số ; Biết đọc, viết phân số.

Bài 63 (2t)	Phân số và phép chia số tự nhiên	Em biết : Thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số ; tử số là số bị chia, mẫu số là số chia.
Bài 64 (1t)	Luyện tập	Em luyện tập thực hành đọc, viết phân số ; nhận biết được quan hệ giữa phép chia số tự nhiên và phân số.
Bài 65 (2t)	Phân số bằng nhau	Em biết được tính chất cơ bản của phân số, phân số bằng nhau.
Bài 66 (2t)	Rút gọn phân số	Em biết cách rút gọn phân số và bước đầu nhận biết được phân số tối giản.
Bài 67 (2t)	Quy đồng mẫu số các phân số	Em biết cách quy đồng mẫu số hai phân số trong trường hợp đơn giản.
Bài 68 (1t)	Quy đồng mẫu số các phân số (tiếp theo)	Em biết cách quy đồng mẫu số hai phân số.
Bài 69 (1t)	Luyện tập	Em thực hành luyện tập quy đồng mẫu số các phân số.
Bài 70 (2t)	So sánh hai phân số cùng mẫu số	Em biết cách so sánh hai phân số có cùng mẫu số ; biết so sánh một phân số với 1.
Bài 71 (2t)	So sánh hai phân số khác mẫu số	Em biết cách so sánh hai phân số khác mẫu số.
Bài 72 (2t)	Em đã học được những gì	Em thực hành luyện tập : – Đọc, viết, so sánh, rút gọn phân số. – Thực hiện các phép tính với số tự nhiên. – Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.
Bài 73 (1t)	Phép cộng phân số	Em biết cộng hai phân số có cùng mẫu số.
Bài 74 (2t)	Phép cộng phân số (tiếp theo)	Em biết cách cộng hai phân số khác mẫu số.
Bài 75 (1t)	Phép trừ phân số	Em biết trừ hai phân số có cùng mẫu số.

Bài 76 (2t)	Phép trừ phân số (tiếp theo)	Em biết cách trừ hai phân số có mẫu số khác nhau.
Bài 77 (2t)	Em ôn lại những gì đã học	Em thực hành luyện tập cộng, trừ các phân số.
Bài 78 (2t)	Phép nhân phân số	Em biết thực hiện phép nhân hai phân số, nhân phân số với số tự nhiên, nhân số tự nhiên với phân số.
Bài 79 (1t)	Luyện tập	Em biết : <ul style="list-style-type: none"> – Khi đổi chỗ các phân số trong một tích thì tích của chúng không thay đổi. – Khi nhân một tích hai phân số với phân số thứ ba, ta có thể nhân phân số thứ nhất với tích của phân số thứ hai và phân số thứ ba. – Khi nhân một tổng hai phân số với phân số thứ ba, ta có thể nhân từng phân số của tổng với phân số thứ ba rồi cộng các kết quả lại.
Bài 80 (2t)	Tìm phân số của một số	Em biết : <ul style="list-style-type: none"> – Tìm phân số của một số. – Giải bài toán về tìm phân số của một số.
Bài 81 (2t)	Phép chia phân số	<ul style="list-style-type: none"> – Em biết thực hiện phép chia hai phân số. – Biết tìm thành phần chưa biết trong phép nhân, phép chia.
Bài 82 (1t)	Luyện tập	Em luyện tập về cộng, trừ, nhân phân số.
Bài 83 (2t)	Em ôn lại những gì đã học	Em ôn tập về : <ul style="list-style-type: none"> – Cộng, trừ, nhân, chia phân số ; chia phân số cho số tự nhiên. – Giải bài toán liên quan đến phân số ; cộng, trừ các số có nhiều chữ số.
Bài 84 (1t)	Em ôn lại những gì đã học	Em ôn tập về : <ul style="list-style-type: none"> – Rút gọn phân số, nhận biết phân số bằng nhau. – Giải bài toán liên quan đến phân số.

Bài 85 (1t)	Em đã học được những gì ?	Em tự đánh giá về : – Nhận biết phân số ; đọc, viết, so sánh phân số. – Cách thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số. – Cách tính diện tích hình bình hành. – Giải bài toán tìm phân số của một số.
Bài 86 (1t)	Hình thoi	– Em nhận dạng được hình thoi. – Em nhận biết được một số đặc điểm của hình thoi.
Bài 87 (2t)	Diện tích hình thoi	– Em biết cách tính diện tích hình thoi.
Bài 88 (2t)	Em ôn lại những gì đã học	Em ôn tập về : – Một số tính chất của hình chữ nhật, hình thoi. – Cách tính diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi.
Bài 89 (1t)	Giới thiệu về tỉ số	Em biết lập tỉ số của hai đại lượng cùng loại.
Bài 90 (2t)	Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó	Em biết cách giải toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.
Bài 91 (1t)	Luyện tập	Em luyện tập giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.
Bài 92 (1t)	Em ôn lại những gì đã học	Em ôn tập về : – Viết tỉ số của hai đại lượng cùng loại. – Giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.
Bài 93 (2t)	Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó	Em biết cách giải toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.
Bài 94 (2t)	Luyện tập	Em luyện tập giải toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.
Bài 95 (2t)	Em ôn lại những gì đã học	Em ôn tập về : – Thực hiện các phép tính với phân số.

		<ul style="list-style-type: none"> – Tìm phân số của một số và tính diện tích hình bình hành. – Giải bài toán tìm hai số biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó.
Bài 96 (1t)	Tỉ lệ bản đồ	Em nhận biết và hiểu được ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ.
Bài 97 (2t)	Ứng dụng của tỉ lệ bản đồ	Em biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ.
Bài 98 (2t)	Thực hành	Em biết : <ul style="list-style-type: none"> – Cách đo và ước lượng độ dài đoạn thẳng trong thực tế. – Giống các vật thẳng hàng. – Ứng dụng của tỉ lệ bản đồ vào vẽ hình.
Bài 99 (3t)	Ôn tập về số tự nhiên	Em ôn tập về : <ul style="list-style-type: none"> – Đọc, viết, so sánh, xếp thứ tự các số tự nhiên. – Nhận biết giá trị của mỗi chữ số trong một số cụ thể. – Dãy số tự nhiên và một số đặc điểm của nó. – Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.
Bài 100 (3t)	Ôn tập về các phép tính với số tự nhiên	Em ôn tập về : <ul style="list-style-type: none"> – Cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên. – Vận dụng các tính chất của phép cộng và phép nhân để tính bằng cách thuận tiện nhất. – Giải bài toán liên quan đến các phép tính với số tự nhiên.
Bài 101 (1t)	Ôn tập về biểu đồ	Em biết nhận xét một số thông tin trên biểu đồ cột.
Bài 102 (1t)	Ôn tập về phân số	Em ôn tập về : <ul style="list-style-type: none"> – So sánh các phân số. – Rút gọn phân số. – Quy đồng mẫu số các phân số.

Bài 103 (2t)	Ôn tập về các phép tính với phân số	Em ôn tập về : – Cách thực hiện phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia phân số. – Cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính với các phân số. – Giải bài toán với các phân số.
Bài 104 (2t)	Ôn tập về phép tính với các phân số (tiếp theo)	Em ôn tập về : – Cách thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số. – Tính giá trị biểu thức với các phân số. – Giải bài toán với các phân số.
Bài 105 (1t)	Ôn tập về đại lượng	Em ôn tập về : – Chuyển đổi số đo khối lượng. – Thực hiện phép tính với số đo khối lượng.
Bài 106 (2t)	Ôn tập về đại lượng (tiếp theo)	Em ôn tập về : – Chuyển đổi các đơn vị đo thời gian, diện tích. – Thực hiện phép tính với số đo thời gian, diện tích.
Bài 107 (2t)	Ôn tập về hình học	Em ôn tập về : – Nhận biết về hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc. – Tính diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành.
Bài 108 (1t)	Ôn tập về tìm số trung bình cộng	Em ôn tập về giải bài toán tìm số trung bình cộng.
Bài 109 (1t)	Ôn tập về tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó	Em ôn tập về giải bài toán tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.
Bài 110 (1t)	Ôn tập về tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó.	Em ôn tập về giải bài toán tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó.

Bài 111 (2t)	Em ôn lại những gì đã học	<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện tính giá trị của biểu thức với phân số, so sánh hai phân số. – Đọc, viết, thực hiện các phép tính với các số có nhiều chữ số. – Giải được bài toán : Tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó.
Bài 112 (1t)	Em đã học được những gì ?	<p>Em tự đánh giá về :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết phân số ; phân số bằng nhau ; đọc, viết, so sánh phân số. – Cách thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số. – Cách chuyển đổi số đo đại lượng.

Lưu ý : Để thực hiện Phân phối kế hoạch dạy học môn Toán lớp 4 VNEN như nêu trên, trong trường hợp cần dẫn thời lượng dạy học, GV có thể sử dụng các tiết "tăng cường" cho môn Toán và tiến hành vào buổi thứ hai trong ngày.

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 4 VNEN

III.1. Năm bước giảng dạy theo mô hình VNEN

III.1.1. Có nhiều kiểu cấu trúc một bài học, trong đó thường dùng nhất là kiểu cấu trúc gồm ba bước : Nghe giảng lí thuyết – Theo dõi bài tập mẫu – Luyện tập. Tuy nhiên, nếu GV sử dụng không hợp lí sẽ dẫn đến lối dạy học mang tính áp đặt, bình quân, đồng loạt.

Để góp phần tích cực hoá hoạt động học tập của HS, người ta thường khuyến khích sử dụng kiểu dạy học thông qua các hoạt động trải nghiệm, khám phá, phát hiện của HS, gồm 5 bước chủ yếu :

Gợi động cơ, tạo hứng thú → Trải nghiệm → Phân tích, khám phá, rút ra kiến thức mới → Thực hành → Vận dụng (kiểu quy trình 5 bước).

a) *Trải nghiệm* : Để nhận thức được về một đối tượng, một sự việc hay một vấn đề nào đó, người học phải dựa trên vốn kiến thức, vốn kinh nghiệm đã có từ trước. Nếu HS không có vốn kiến thức cần thiết (có liên quan đến kiến thức mới), hoặc không có những trải nghiệm nhất định thì không thể hình thành được kiến thức mới. Hơn nữa, trong dạy học môn Toán, kiến thức hình thành trước thường là cơ sở để hình thành, phát triển những kiến thức tiếp theo.

Do đó, trong dạy học, người GV cần phải tìm hiểu vốn kinh nghiệm và những hiểu biết sẵn có của HS trước khi học một kiến thức mới và tổ chức cho HS trải nghiệm. Sự định hướng và tổ chức các hoạt động của GV là quan trọng, nhưng vốn kiến thức của HS, những trải nghiệm của HS vẫn là yếu tố quyết định trong việc hình thành kiến thức mới.

b) *Phân tích, khám phá* : Là quá trình xem xét, nhìn nhận, tìm hiểu đối tượng, sự việc ; phát hiện đặc điểm, ý nghĩa của chúng, trên cơ sở đó tìm tòi, khám phá ý tưởng mới.

c) *Rút ra bài học* : Đúc rút thành bài học, khái niệm, quy tắc lí thuyết hay thực hành mới.

d) *Thực hành, vận dụng* : Vận dụng điều đã học để giải quyết các tình huống trong thực hành hoặc thay đổi cách làm cũ.

Dạy học thông qua trải nghiệm là cách thức tổ chức quá trình dạy học thông qua một chuỗi các hoạt động trải nghiệm của người học.

III.1.2. Dạy học thông qua trải nghiệm khuyến khích tổ chức các hoạt động độc lập, tự học hoặc nhóm hợp tác của HS, đòi hỏi GV thiết kế, đạo diễn các hoạt động học tập giúp HS tự phát hiện, phân tích và vận dụng kiến thức. GV sẽ thành công hơn nếu có khả năng sử dụng kiểu quy trình 5 bước.

Dưới đây là một số gợi ý cụ thể về việc thực hiện quy trình 5 bước :

Bước 1. Gợi động cơ, tạo hứng thú cho HS

Kết quả cần đạt :

- Kích thích sự tò mò, khơi dậy hứng thú của HS về chủ đề sẽ học ; HS cảm thấy vấn đề nêu lên rất gần gũi với mình.
- Không khí lớp học vui, tò mò, chờ đợi, thích thú.

Cách làm : Đặt câu hỏi ; Đố vui ; Kể chuyện ; Đặt một tình huống ; Tổ chức trò chơi,... Có thể thực hiện với toàn lớp, nhóm nhỏ, hoặc cá nhân từng HS.

Bước 2. Tổ chức cho HS trải nghiệm

Kết quả cần đạt :

- Huy động vốn hiểu biết, kinh nghiệm có sẵn của HS để chuẩn bị học bài mới.
- HS trải qua tình huống có vấn đề, trong đó chứa đựng những nội dung kiến thức, những thao tác, kỹ năng để làm nảy sinh kiến thức mới.

Cách làm : Tổ chức các hình thức trải nghiệm gần gũi với HS. Nếu là tình huống diễn tả bằng lời văn, thì câu văn phải đơn giản, gần gũi với HS. Có thể thực hiện với toàn lớp, nhóm nhỏ, hoặc cá nhân từng HS.

Bước 3. Phân tích, khám phá, rút ra kiến thức mới

Kết quả cần đạt :

- HS rút ra được kiến thức, khái niệm hay quy tắc lí thuyết, thực hành mới.
- Nếu là một dạng toán mới thì HS phải nhận biết được dấu hiệu, đặc điểm và nêu được các bước giải dạng toán này.

Cách làm : Dùng các câu hỏi gợi mở, câu hỏi phân tích, đánh giá để giúp HS thực hiện tiến trình phân tích và rút ra bài học.

Có thể sử dụng các hình thức thảo luận cặp đôi, thảo luận theo nhóm, hoặc các hình thức sáng tạo khác nhằm kích thích trí tò mò, sự ham thích tìm tòi, khám phá phát hiện của HS... Nên soạn những câu hỏi thích hợp giúp HS đi vào tiến trình phân tích thuận lợi và hiệu quả.

Bước 4. Thực hành

Kết quả cần đạt :

- HS nhớ dạng cơ bản một cách vững chắc ; làm được các bài tập áp dụng dạng cơ bản theo đúng quy trình.
- HS biết chú ý tránh những sai lầm điển hình thường mắc trong quá trình giải bài toán dạng cơ bản.

Cách làm :

- Thông qua việc giải những bài tập rất cơ bản để HS rèn luyện việc nhận dạng, áp dụng các bước giải và công thức cơ bản. GV quan sát giúp HS nhận ra khó khăn của mình, nhấn mạnh lại quy tắc, thao tác, cách thực hiện.
- Tiếp tục ra các bài tập với mức độ khó dần lên phù hợp với khả năng của HS. GV tiếp tục giúp các em giải quyết khó khăn bằng cách liên hệ lại với các quy tắc, công thức, cách làm, thao tác cơ bản đã rút ra ở trên.
- Có thể giao bài tập áp dụng cho cả lớp, cho từng cá nhân, hoặc theo nhóm, theo cặp đôi, theo bàn, theo tổ HS.

Bước 5. Vận dụng

Kết quả cần đạt :

- HS củng cố, nắm vững các nội dung kiến thức trong bài đã học.
- HS biết vận dụng kiến thức đã học trong hoàn cảnh mới, đặc biệt trong những tình huống gắn với thực tế đời sống hằng ngày.
- Cảm thấy tự tin khi lĩnh hội và vận dụng kiến thức mới.

Cách làm :

- HS thực hành, vận dụng từng phần, từng đơn vị kiến thức cơ bản của nội dung bài đã học.
- GV giúp HS thấy được ý nghĩa thực tế của các tri thức toán học, từ đó khắc sâu kiến thức đã học.
- Khuyến khích HS diễn đạt theo ngôn ngữ, cách hiểu của chính các em. Khuyến khích HS tập phát biểu, tập diễn đạt bước đầu có lí lẽ, có lập luận.

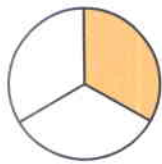
Lưu ý : Năm bước giảng dạy nêu trên là một cách để quy trình hoá cách dạy học dựa trên cơ sở tổ chức hoạt động trải nghiệm, khám phá, phát hiện của HS. Tuy nhiên,

trong quá trình dạy học GV cần vận dụng một cách linh hoạt, mềm dẻo các phương pháp dạy học, tránh lối quan niệm cứng nhắc, một chiều, không nên hoàn cảnh nào cũng đều bó buộc theo "5 bước".

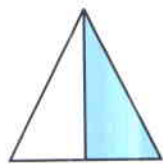
III.1.3. Dưới đây chúng tôi xin minh họa các ý tưởng nói trên thông qua ví dụ về tiến trình tổ chức các hoạt động hướng dẫn HS học tập về "**Phân số**" ở lớp 4.

Hoạt động 1. Thông qua trò chơi gọi động cơ tạo hứng thú cho HS.

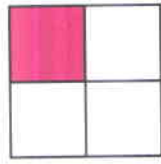
HS ghép các thẻ với các hình thích hợp :



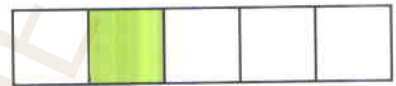
$$\frac{1}{2}$$



$$\frac{1}{3}$$



$$\frac{1}{4}$$



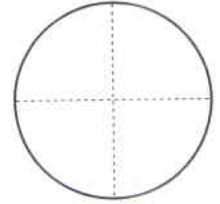
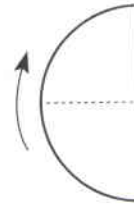
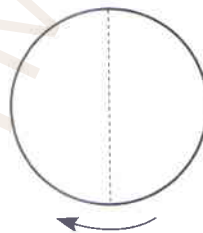
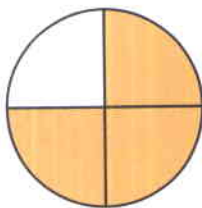
$$\frac{1}{5}$$

Nói cho bạn nghe cách ghép thẻ của mình.

Hoạt động 2. HS hoạt động trải nghiệm, khám phá để nhận biết khái niệm ban đầu về phân số.

HS thực hiện các hoạt động trải nghiệm, thực hiện các thao tác bằng tay, nhận biết trực giác khái niệm ban đầu về phân số :

- Lấy tờ giấy hình tròn.
- Gấp thành 4 phần bằng nhau.
- Tô màu vào 3 phần.



- Em nói : Đã tô màu vào ba phần tư hình tròn.

- Em viết : $\frac{3}{4}$.

- Em đọc : ba phần tư.

Hoạt động 3. Phân tích rút ra kiến thức mới.

HS đọc kỹ nội dung trong sách, thảo luận và nghe thầy/cô giáo hướng dẫn để nắm được :

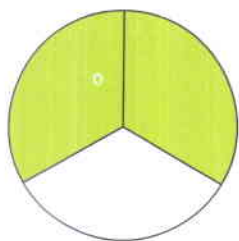
- $\frac{3}{4}$ là phân số.
- Phân số $\frac{3}{4}$ có tử số là 3, mẫu số là 4.

$$\frac{3}{4} \leftarrow \begin{array}{l} \text{Tử số} \\ \text{Mẫu số} \end{array}$$

Tử số là số tự nhiên viết trên gạch ngang. **Tử số** cho biết 3 phần bằng nhau đã được tô màu.

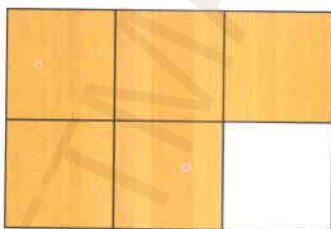
Mẫu số là số tự nhiên viết dưới gạch ngang. **Mẫu số** cho biết hình tròn được chia thành 4 phần bằng nhau.

– HS thảo luận cách viết và đọc phân số chỉ phần đã tô màu trong mỗi hình dưới đây :



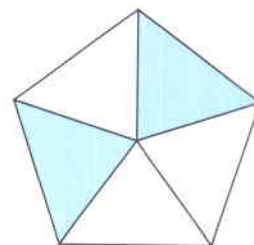
Viết : $\frac{2}{3}$

Đọc : hai phần ba



Viết : $\frac{5}{6}$

Đọc : năm phần sáu



Viết : $\frac{2}{5}$

Đọc : hai phần năm

– HS đọc kỹ nhận xét sau :

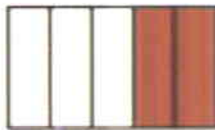
Mỗi phân số có tử số và mẫu số. Tử số là số tự nhiên viết trên gạch ngang. Mẫu số là số tự nhiên khác 0 viết dưới gạch ngang.

Hoạt động 4. Thực hành.

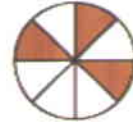
1. a) Viết rồi đọc phân số chỉ phần đã tô màu trong mỗi hình dưới đây :



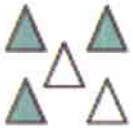
Hình 1



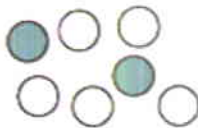
Hình 2



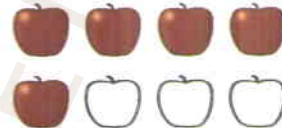
Hình 3



Hình 4

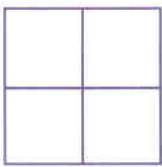


Hình 5

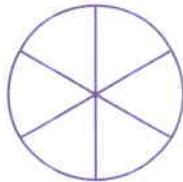


Hình 6

b) Tô màu vào mỗi hình vẽ để được phân số tương ứng :



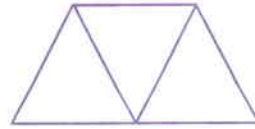
$$\frac{3}{4}$$



$$\frac{1}{6}$$



$$\frac{3}{5}$$



$$\frac{1}{3}$$

2. Viết theo mẫu :

Phân số	Tử số	Mẫu số
$\frac{4}{5}$	4	5
$\frac{7}{9}$		
$\frac{8}{13}$		

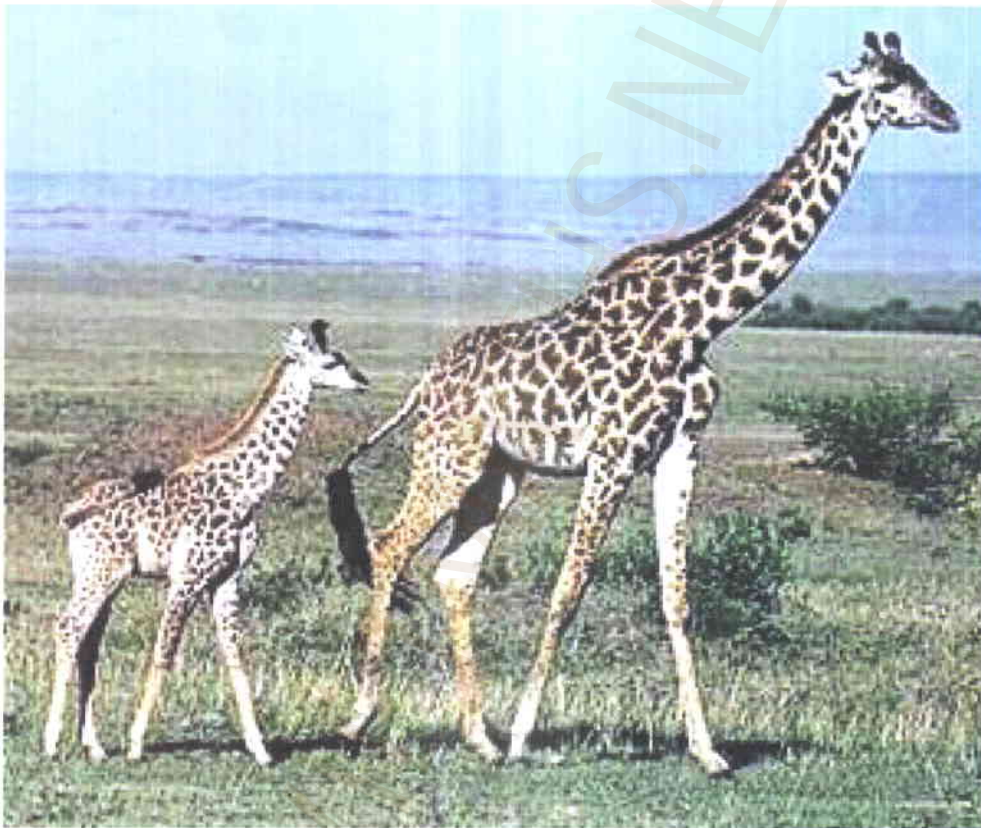


3. Vẽ hình biểu diễn phân số : $\frac{1}{2}$; $\frac{3}{4}$.

Hoạt động 5. Ứng dụng.

HS đọc thông tin về hươu cao cổ và nói với mọi người trong gia đình về những thông tin em đọc được trong ví dụ :

Hươu cao cổ có thể cao hơn 5m. Cổ của chúng cao khoảng $\frac{2}{5}$ chiều cao cơ thể.



Hoạt động này giúp HS vận dụng, liên hệ kiến thức đã học vào đời sống thực tiễn.

III.1.4. Phân tích tiến trình thực hiện bài "Phân số"

Các bước dạy học	Hoạt động của HS
(1) Gọi động cơ, tạo hứng thú	Chơi trò chơi "Ghép thẻ" nhằm gọi động cơ học tập, tạo hứng thú cho HS đồng thời khai thác kinh nghiệm đã có của HS về $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \dots; \frac{1}{9}$.
(2) Trải nghiệm	Thực hiện Hoạt động 2 + Thực hiện chia hình tròn thành 4 phần bằng nhau, tô màu vào 3 phần. + Nhận xét : Đã tô màu vào ba phần tư hình tròn.
(3) Phân tích, khám phá, rút ra kiến thức mới	– Rút ra kiến thức mới (thể hiện trong khung bôi xanh của tài liệu). – Thực hiện củng cố trực tiếp kiến thức về phân số vừa học.
(4) Thực hành	Thực hiện Hoạt động 4 : HS giải những bài tập rất cơ bản về khái niệm phân số, cách đọc, cách viết phân số.
(5) Vận dụng	– Thực hiện Hoạt động 5 : HS củng cố, vận dụng kiến thức đã học trong hoàn cảnh mới, trong những tình huống gắn với thực tế đời sống hằng ngày để bước đầu thấy được ý nghĩa thực tế của tri thức toán học, từ đó khắc sâu kiến thức đã học. – HS thực hiện <i>Hoạt động ứng dụng</i> với sự giúp đỡ hợp lí của người lớn.

III.2. Mười bước học tập của VNEN

III.2.1. Như chúng ta đã biết, mọi ý tưởng đổi mới phương pháp dạy học suy cho cùng đều tìm cách tạo điều kiện giúp người học phát huy tính tích cực, độc lập, biết cách tự học, tự tìm tòi, phát hiện, giải quyết vấn đề. Trong đó, sự *trải nghiệm và tự kiến tạo kiến thức cho bản thân* của người học có vai trò hàng đầu. Những nỗ lực cá nhân của HS là trung tâm của quá trình giáo dục. Người học phải tự tạo dựng sự hiểu biết của riêng mình là chủ yếu chứ không chỉ đơn giản là tiếp thu một cách thụ động từ môi trường bên ngoài. GV phải biết cách khéo léo đặt vấn đề và tổ chức môi trường sư phạm cho HS tự tìm tòi, khám phá, phát hiện, trong đó coi trọng việc *học hợp tác*, làm việc theo *nhóm* để giải quyết vấn đề.

III.2.2. Đối với HS tiểu học, quá trình *tự học* chỉ diễn ra với điều kiện :

- HS phải có nhận thức tự giác về mục đích học tập và tự lực, tích cực thực hiện mục đích đó bằng hành động của chính mình.
- HS được học tập theo khả năng và nhịp độ của riêng mình (phù hợp với trình độ nhận thức của cá nhân HS). Vì vậy, kế hoạch dạy học cần được bố trí một cách linh hoạt.
- HS phải được rèn luyện để có khả năng điều khiển, điều chỉnh hoạt động của bản thân.
- Có sự chỉ đạo, hướng dẫn khéo léo, hợp lí của GV hoặc của người hướng dẫn.

III.2.3. Để tổ chức các hoạt động *tự học trong môi trường có tính hợp tác cao*, cần bảo đảm một số yêu cầu :

- HS có kĩ năng làm việc theo nhóm hợp tác (kĩ năng tổ chức nhóm ; kĩ năng chia sẻ, sàng lọc ý kiến ; kĩ năng thảo luận, tranh luận...), tự tin trong giao tiếp, có ý thức tự giác, tự quản trong hoạt động tập thể.
- Môi trường học tập thân thiện, phát huy tinh thần dân chủ, hợp tác, ý thức tập thể.
- HS luôn có cơ hội được GV chỉ dẫn khi cần thiết.

III.2.4. Nội dung, phương pháp và hình thức dạy học cần bảo đảm một số yêu cầu :

- Nội dung học thiết thực, gắn bó chặt chẽ với đời sống hằng ngày của HS.
- Tài liệu học có tính tương tác cao và thực sự là tài liệu hướng dẫn HS tự học (với sự trợ giúp hợp lí của GV hoặc của người hướng dẫn).
- Mỗi HS luôn được giao nhiệm vụ và mục tiêu học tập cụ thể, nhưng luôn có thể tự điều chỉnh hoạt động của chính mình để việc học phù hợp với nhịp độ tiếp thu của bản thân.
- Phát huy tác dụng tích cực của hình thức dạy học theo nhóm, theo cặp. HS trong từng nhóm cùng nhau trao đổi, bàn bạc để hoàn thành nhiệm vụ được giao. GV chỉ tập trung HS để giảng giải khi cần nhận xét, đánh giá chung hoặc hướng dẫn hoạt động cho toàn lớp.

Lối dạy học theo hướng tổ chức các hoạt động tự học của HS, vừa rèn luyện tính độc lập, tích cực của HS, đồng thời thúc đẩy sự tham gia hợp tác, tăng cường ý thức tập thể của HS.

III.2.5. Trong mô hình VNEN tiến trình tự học của HS được tổ chức thông qua các hoạt động chủ yếu : Hoạt động cơ bản ; Hoạt động thực hành ; Hoạt động ứng dụng.

Tuy nhiên, để HS dễ nhớ, dễ vận dụng và thuận tiện cho GV trong tổ chức hoạt động tự học của HS, ở các lớp thử nghiệm chúng tôi đã gợi ý một quy trình gồm 10 bước học tập, cụ thể như sau :

Mười bước học tập :

- 1) Nhóm trưởng lấy tài liệu và đồ dùng học tập cho cả nhóm.
- 2) Em đọc *Tên bài học* rồi viết tên bài học vào vở.
- 3) Em đọc *Mục tiêu* của bài học.
- 4) Em bắt đầu *Hoạt động cơ bản* (nhớ xem phải làm việc cá nhân hay theo nhóm).
- 5) Kết thúc *Hoạt động cơ bản* em tự đánh giá rồi báo cáo với thầy/cô giáo kết quả những việc em đã làm được để thầy/ cô giáo xác nhận.
- 6) Em thực hiện *Hoạt động thực hành* :
 - + Đầu tiên em làm việc cá nhân ;
 - + Em chia sẻ với bạn ngồi cùng bàn (giúp nhau sửa chữa những bài làm còn sai sót) ;
 - + Em trao đổi với cả nhóm. Chúng em sửa cho nhau, luân phiên nhau đọc... (lưu ý không làm ảnh hưởng đến nhóm khác).
- 7) Chúng em đánh giá cùng thầy/ cô giáo.
- 8) Em thực hiện *Hoạt động ứng dụng* (với sự giúp đỡ của gia đình, của người lớn).
- 9) Kết thúc bài, em viết vào *Bảng đánh giá* (nhớ suy nghĩ kỹ khi viết và lưu ý về đánh giá của thầy/ cô giáo).
- 10) Em đã học xong bài mới hoặc em phải ôn lại phần nào.

Trong mỗi phòng học đều treo một tấm bìa khổ lớn (xem ảnh minh hoạ), HS ngồi trong lớp đều có thể nhìn thấy rõ, trên đó nêu lên 10 bước học tập (cùng với những lưu ý).

Trong mô hình "Trường học mới", mỗi HS đến trường luôn ý thức được mình phải bắt đầu và kết thúc hoạt động học tập như thế nào, không cần chờ đến sự nhắc nhở của GV. Ở mỗi bài học, các hoạt động học tập nói chung và tự học nói riêng đều được chỉ dẫn cụ thể và chi tiết.

Chú ý : GV cần hướng dẫn HS vận dụng linh hoạt 10 bước học tập, tránh áp đặt máy móc, không nên dạy bài học nào, tiết học nào cũng đều rập khuôn tuân tực cho đủ "10 bước".

10 bước học tập

10

Em đã học xong bài mới hoặc em phải ôn lại phần nào.



9 Kết thúc bài, em viết vào bảng đánh giá.

Nhớ suy nghĩ kĩ khi viết và lưu ý về đánh giá của thầy, cô giáo.



Gắn liền với gia đình và địa phương.

8 Chúng em thực hiện hoạt động ứng dụng.

7 Chúng em đánh giá cùng thầy, cô giáo.



6 Chúng em thực hiện hoạt động thực hành.

+ Đầu tiên em làm việc cá nhân ;
+ Em chia sẻ với bạn ngồi cùng bàn.
+ Em trao đổi với cả nhóm.
Chúng em sửa cho nhau, luân phiên nhau đọc...

Lưu ý không làm ảnh hưởng đến nhóm khác.



Nhớ xem phải làm việc cá nhân hay theo nhóm.

4 Em bắt đầu hoạt động cơ bản.

5 Kết thúc hoạt động cơ bản, em báo cáo thầy, cô giáo.

Em được thầy, cô ghi vào bảng đo tiến độ.



À mình nhớ phải làm gì rồi.

3 Em đọc mục tiêu của bài học.

Lưu ý không được viết vào sách.



2 Em viết tên bài học vào vở.

Nhóm trưởng lấy tài liệu và đồ dùng.

1 Chúng em làm việc nhóm.



III.2.6. Dưới đây chúng tôi xin minh họa việc tổ chức các hoạt động tự học của HS thông qua một trích đoạn trong tiến trình dạy học bài "*Nhân với số có một chữ số*" ở lớp 4.

Bước 1. Chuẩn bị tài liệu, đồ dùng học tập.

Nhóm trưởng lấy tài liệu và đồ dùng học tập cho cả nhóm.

Bước 2. Đọc tên bài học rồi viết tên bài học vào vở.

Bước 3. Nhận biết mục tiêu của bài học.

HS nhận biết tên bài học "*Nhân với số có một chữ số*" và đọc mục tiêu của bài học :
"Em biết cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số".

Bước 4. Hoạt động cơ bản.

1. a) Chơi trò chơi : "*Hái hoa toán học*" (chơi theo nhóm)

Ôn lại phép nhân số có năm chữ số với số có một chữ số đã học.

2. Em nói cho bạn nghe cách đặt tính và tính 136204×4 (làm việc theo nhóm)

• **Đặt tính :**

$$\begin{array}{r} 136204 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array}$$

• **Tính : Nhân theo thứ tự từ phải sang trái**

$\begin{array}{r} 136204 \\ \times \quad 4 \\ \hline 544816 \end{array}$	<ul style="list-style-type: none">• 4 nhân 4 bằng 16, viết 6 nhớ 1.• 4 nhân 0 bằng 0, thêm 1 bằng 1, viết 1.• 4 nhân 2 bằng 8, viết 8.• 4 nhân 6 bằng 24, viết 4 nhớ 2.• 4 nhân 3 bằng 12, thêm 2 bằng 14, viết 4 nhớ 1.• 4 nhân 1 bằng 4, thêm 1 bằng 5, viết 5.
--	--

$136204 \times 4 = \dots$

3. Đặt tính rồi tính :

$$341321 \times 2$$

$$201417 \times 3$$

Bước 5. Đánh giá tiến độ.

Kết thúc Hoạt động cơ bản, HS báo cáo thầy/ cô giáo những gì em đã làm được để thầy/ cô ghi nhận về tiến độ học tập.

Bước 6. Hoạt động thực hành (Làm việc cá nhân, chia sẻ trao đổi với cả nhóm).

1. Tính :



2. Đặt tính rồi tính :

$$114051 \times 5 \quad 31206 \times 7 \quad 241306 \times 4$$

3. Viết giá trị của biểu thức vào ô trống :

m	2	3	5	6
$141305 \times m$				

4. Tính :

$$\begin{array}{l} \text{a) } 32145 + 423507 \times 2 \\ 843275 - 123568 \times 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{b) } 1207 \times 8 + 24573 \\ 609 \times 9 - 4845 \end{array}$$

5. Giải bài toán :

Một huyện có 9 xã vùng cao và 8 xã vùng thấp. Mỗi xã vùng thấp được cấp 830 quyển truyện và mỗi xã vùng cao được cấp 920 quyển truyện. Hỏi huyện đó được cấp bao nhiêu quyển truyện ?

Bước 7. Chúng em đánh giá cùng thầy/ cô giáo.

Tự đánh giá kết quả học tập với sự giúp đỡ của thầy/cô giáo.

Bước 8. Em thực hiện Hoạt động ứng dụng.

Bước 9. Kết thúc bài, em viết vào Bảng đánh giá.

Bước 10. Em đã học xong bài mới hoặc em phải ôn lại phần nào.

Kết thúc bài học, HS tự đánh giá xem mình đã hoàn thành bài học mới chưa hoặc phải ôn lại phần nào.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC TOÁN 4 VNEN

IV.1. Đánh giá kết quả học tập (ĐGKQHT) của HS theo mô hình VNEN

IV.1.1. Quan niệm, mục đích, ý nghĩa, chức năng của việc kiểm tra, ĐGKQHT của HS

Kiểm tra, ĐGKQHT của HS là quá trình :

- Thu thập và xử lí thông tin về tình hình học tập của HS, đối chiếu với mục tiêu đã đề ra, nhằm xác nhận kết quả học tập của HS tại từng thời điểm trong quá trình học tập.
- Giúp HS hình thành thái độ tự đánh giá, khuyến khích và động viên HS chăm học, tự tin, hứng thú học tập và học tập ngày càng tiến bộ hơn.
- Giúp GV có cơ sở thực tế để nhìn nhận những điểm mạnh và điểm yếu của chính mình, tự hoàn thiện hoạt động dạy, nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học.

IV.1.2. Một trong các ý tưởng chủ đạo của mô hình VNEN là tạo điều kiện giúp HS tránh lối học tập thụ động, khuyến khích HS tự học, tự tìm tòi, khám phá. Mỗi HS luôn được giao nhiệm vụ và mục tiêu học tập cụ thể, nhưng luôn có thể tự điều chỉnh hoạt động của chính mình để việc học phù hợp với nhịp độ tiếp thu của bản thân. GV chủ động phát huy tác dụng tích cực của hình thức dạy học *theo nhóm, theo cặp*, chỉ tập trung HS để giảng giải khi cần nhận xét, đánh giá chung hoặc hướng dẫn hoạt động cho toàn lớp.

Với một quá trình dạy học đòi hỏi phải có những chuyển biến như vậy, vấn đề đánh giá kết quả học tập của HS cũng cần được đổi mới. Phương hướng đổi mới cơ bản là : chuyển trọng tâm từ đánh giá "kết thúc", đánh giá "tổng kết" sang việc coi trọng đánh giá theo "từng phần", đánh giá theo "tiến trình" ; chuyển trọng tâm từ việc đánh giá bằng cách cho "điểm số" sang việc đánh giá bằng "nhận xét", bằng việc "đo tiến độ", đo hiệu quả công việc và năng lực thực hành của HS.

Tuy nhiên đây là vấn đề khá phức tạp, đòi hỏi phải được nghiên cứu, tổng kết nghiêm túc dưới nhiều góc độ khác nhau.

IV.2. ĐGKQHT của HS trong dạy học môn Toán theo mô hình VNEN

IV.2.1. Căn cứ quan niệm, vai trò, chức năng của kiểm tra ĐGKQHT và đặc điểm mô hình VNEN, công tác kiểm tra ĐGKQHT của HS cần đáp ứng một số yêu cầu cụ thể sau :

– Trước khi dạy một bài hay một vấn đề nào đó GV nên tìm hiểu sơ bộ vốn kiến thức liên quan hoặc kinh nghiệm đã có ở HS, những điểm HS nắm vững, những lỗ hổng cần bổ khuyết... để quyết định cách dạy học cho thích hợp. Dạy học mà không hề biết HS đã có vốn kiến thức như thế nào, vốn hiểu biết gì trước đó cũng giống như "bay mà không có định hướng".

– Đánh giá phải xuất phát từ *mục tiêu* dạy học (cụ thể là mục tiêu của bài học) và dựa trên *yêu cầu về Chuẩn kiến thức, kỹ năng*. Các mục tiêu đánh giá phải được thể hiện dưới dạng những điều có thể quan sát được.

– Lôi cuốn, khuyến khích HS tham gia vào quá trình đánh giá và *tự đánh giá*, tự theo dõi sự tiến bộ của bản thân. Đánh giá theo nhóm tự quản, đánh giá cặp đôi (đánh giá đồng đẳng) cũng là những hình thức đánh giá hiệu quả. Tuy nhiên cần chú ý, kết quả của tự đánh giá không phải bao giờ cũng phù hợp với thực tế bởi lẽ HS tiểu học thường có xu hướng e ngại khi tự nhận xét là chưa đạt kết quả trong học tập.

– *Công cụ đánh giá* phải thuận tiện khi sử dụng. GV cần biết rõ những hạn chế của từng công cụ đánh giá (đánh giá bằng nhận xét, đánh giá bằng điểm số,...) để sử dụng chúng có hiệu quả.

– Trong đánh giá nên *sử dụng nhiều phương pháp và hình thức khác nhau* phù hợp với các hoạt động dạy học cụ thể.

IV.2.2. Bảng dưới đây mô tả hình thức và một số kỹ thuật đánh giá có thể sử dụng trong tiến trình đánh giá thường xuyên các hoạt động học tập của HS :

Hoạt động học tập	Hình thức đánh giá có thể sử dụng	Kỹ thuật đánh giá có thể sử dụng
Tự học (HS làm việc cá nhân) hoặc tự học có hướng dẫn.	HS tự đánh giá.	– HS tự ghi nhận xét. – GV quan sát, hỏi HS, xem xét sản phẩm,... và đưa ra nhận định.
Làm việc theo cặp, theo nhóm.	HS đánh giá theo cặp, đánh giá theo nhóm.	– Đánh giá bằng nhận xét. – GV tham khảo kết quả tự đánh giá và đánh giá của nhóm HS.
Làm việc cả lớp.	Quan sát, nhận xét trên lớp.	Đánh giá bằng nhận xét hoặc kiểm tra nhanh.

Thực hiện hoạt động ứng dụng với sự giúp đỡ của gia đình, cộng đồng (hoặc các hoạt động tham quan, ngoại khoá...).	Đánh giá tiến độ, nghiệm thu kết quả, sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá bằng nhận xét. – Tham khảo kết quả tự đánh giá và đánh giá của nhóm HS. – Tham khảo ý kiến đánh giá của phụ huynh.
--	---	---

IV.2.3. Một số lưu ý khi thực hiện hoạt động đánh giá

Trong mô hình VNEN, khi kết thúc một hoạt động cụ thể trong mỗi bài học, HS tự đánh giá kết quả đạt được. Vì vậy, GV cần rèn luyện kỹ năng tự đánh giá cho HS để việc tự đánh giá trở thành một thói quen, HS thực hiện công việc đánh giá một cách tự nhiên và luôn ý thức được mình đã hoàn thành nhiệm vụ học tập ở mức độ nào, còn những điểm yếu nào cần cố gắng khắc phục.

Trên cơ sở theo dõi thường xuyên hoạt động của HS, GV cần nắm bắt được HS nào đã "hoàn thành" hay "chưa hoàn thành" nhiệm vụ đề ra (do HS học theo tốc độ khác nhau), để từ đó có hỗ trợ cần thiết, chẳng hạn GV có thể điều những HS hoàn thành trước giúp các bạn còn chậm hơn để đảm bảo tốc độ học tập chung của nhóm cũng như của cả lớp.

GV cũng cần quan sát hoạt động của các nhóm, đánh giá khả năng, tốc độ, mức độ hoàn thành công việc của mỗi nhóm, biết được nhóm nào xong trước, nhóm nào chưa xong, cần có những hướng dẫn, hỗ trợ cần thiết cho nhóm nào, khi nào có thể tiến hành hoạt động chung toàn lớp.

Trong quá trình theo dõi, GV có thể ghi những quan sát hoặc lưu ý nhận xét tại thời điểm quan sát. Tổng hợp các nhận xét sẽ giúp GV có đủ thông tin và minh chứng để đánh giá sự tiến bộ của HS trong cả quá trình học tập.

GV có thể không cần quá cầu toàn khi ghi các nhận xét về HS qua theo dõi hàng ngày hoạt động của HS.

Việc nhận xét đánh giá đối với từng cá nhân HS phải đồng thời đi kèm với nhận xét, đánh giá kiểm soát hoạt động nhóm, động viên kịp thời hoạt động của mỗi tập thể nhóm. Vì vậy, trong quá trình theo dõi quan sát hoạt động của các nhóm, GV đánh giá khả năng, tốc độ, mức độ hoàn thành công việc của mỗi nhóm, ghi nhận xét kết quả hoạt động của nhóm, hỗ trợ các nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập. GV có thể đánh giá hoạt động giữa các nhóm với nhau để động viên khuyến khích các nhóm hoạt động.

Trong mô hình VNEN, GV không cho điểm các bài kiểm tra thường xuyên mà chỉ đánh giá bằng nhận xét. Từ đánh giá kết quả mỗi bài học, GV có cơ sở đánh giá cả môn học vào cuối năm, đồng thời khuyến khích HS tự đánh giá, các nhóm đánh giá mỗi HS, cha mẹ đánh giá HS. Kết hợp các đánh giá đó sẽ đánh giá được kết quả của cả quá trình học tập của HS tùy theo mức độ tự giác, tích cực tham gia hoạt động học, chủ động chia sẻ với bạn bè, hoàn thành yêu cầu của các hoạt động cơ bản, hoạt động thực hành trong bài học.

Qua những thông tin nắm được, GV đưa ra những nhận định cụ thể về kết quả học tập của HS kèm theo những nguyên nhân và hướng hỗ trợ cho HS. Không cần ghi những biểu hiện tỉ mỉ, vụn vặt, chỉ ghi những nhận định khái quát, phổ biến nhất, những điều đặc biệt cần lưu ý. Những câu, từ thường sử dụng để ghi chép lại thông tin và nhận định thường được sử dụng trong môn Toán là : *Lúng túng trong việc vận dụng...; Thành thạo tính toán...; Vận dụng nhanh các kiến thức cũ ; Còn sai sót trong đặt phép tính dẫn đến kết quả sai ; Tính nhảm vẫn còn chậm ; Khả năng ghi nhớ các sự kiện yếu ; Còn nhầm lẫn...; Chưa hiểu...; Chậm chạp trong khi...; Vận dụng sai....do...;...*

Ngoài ra, GV chú ý sử dụng kết quả đánh giá để xử lí các tình huống thực hiện sự trợ giúp kịp thời và điều chỉnh việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS cho phù hợp. Ví dụ : Trong quá trình theo dõi các nhóm thực hiện hoạt động, nếu HS gặp khó khăn trong việc trả lời các câu hỏi thì GV hỗ trợ bằng cách gợi ý nhằm giúp HS từng bước giải quyết khó khăn đó.

Với những HS có kết quả đúng, tốc độ làm việc nhanh, GV nên yêu cầu HS làm rõ hơn lập luận của mình khi tìm ra kết quả, qua đó giúp HS khẳng định kết quả, góp phần tạo động lực, sự tích cực trong học tập của HS.

Trong các kết quả thảo luận của HS, bên cạnh những kết quả đúng, có thể có một số nhóm đưa ra câu trả lời sai. Nhằm giúp HS nhận ra được sai lầm nên yêu cầu HS kiểm chứng. GV có thể hỗ trợ việc kiểm chứng của HS bằng cách : Yêu cầu HS sử dụng kiến thức đã học để kiểm tra kết quả của mình, bởi các kết quả mà các em đưa ra thường dựa vào hình ảnh thu được trên các mô hình chưa được chứng minh chặt chẽ ; Đưa ra một phản ví dụ và yêu cầu HS kiểm tra, đối chiếu với câu trả lời ; Yêu cầu HS thực hiện thêm hoạt động để thông qua hoạt động đó HS nhận ra được sai lầm.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC TRONG DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 4 VNEN

V.1. Về phương tiện và thiết bị dạy học

Một trong các ý tưởng chủ đạo của mô hình VNEN là tổ chức cho HS tự học. Vì vậy, khác với SGK truyền thống, tài liệu học tập của HS được thiết kế dưới dạng tài liệu hướng dẫn tự học với tên gọi "*Hướng dẫn học*". Để hỗ trợ HS tự học thì việc sử dụng một cách hợp lí các phương tiện, thiết bị dạy học đóng vai trò quan trọng.

Dưới đây chúng tôi xin đề cập một số vấn đề về khai thác, sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học môn Toán trong mô hình VNEN.

V.1.1. Về phương tiện, thiết bị dạy học môn Toán

a) Phương tiện, thiết bị dạy học (hay còn gọi là đồ dùng dạy học) là các phương tiện vật chất, sự vật, hiện tượng chứa đựng hoặc chuyển tải những thông tin về nội dung dạy học hỗ trợ GV, HS tổ chức và tiến hành hợp lí, có hiệu quả quá trình dạy học.

Phương tiện, thiết bị dạy học môn Toán có thể được xem như "công cụ nhằm biểu thị một cách trực quan đối tượng toán học và những dấu hiệu bản chất của đối tượng toán học, đồng thời giúp HS thể hiện, giải thích những suy nghĩ "trong đầu" về các đối tượng toán học trừu tượng".

b) Phương tiện, thiết bị dạy học môn Toán giúp : Biểu thị đối tượng toán học cụ thể ; biểu thị khái niệm, quan hệ, tính chất toán học ; hỗ trợ HS trong quá trình tư duy, suy nghĩ giải quyết vấn đề.

Lúc này hình minh hoạ có tác dụng "trực quan hoá" một quan hệ toán học chứa đựng trong nội dung bài toán.

c) Có thể kể đến một số loại phương tiện, thiết bị thông dụng trong dạy học môn Toán tiểu học như : vật thật hoặc hình ảnh (tranh vẽ, ảnh chụp,...) của vật thật ; vật tượng trưng, mô hình, sơ đồ, biểu bảng ; bảng phụ đã viết sẵn nội dung dạy học toán ; các dụng cụ đo lường ; các hình minh hoạ trong SGK có liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung bài học.

d) Khi sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học môn Toán cần lưu ý một số yêu cầu :

– Coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan, cảm tính của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng.

– HS phải thực sự được thực hành trên các phương tiện, thiết bị dạy học, phải được tự mình thao tác trên bộ đồ dùng học tập cá nhân. GV không nên lạm dụng việc thuyết giảng và làm mẫu trên bộ đồ dùng dạy học của GV, biến HS thành những "quan sát viên" bất đắc dĩ.

– Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, nhưng tránh hình thức, đồng thời cần coi trọng việc sử dụng các phương tiện trực quan thao tác được (những phương tiện có thể trực tiếp cầm, nắm, sắp xếp, dịch chuyển).

V.1.2. Khai thác, sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học môn Toán trong mô hình VNEN

a) Nhận rõ vai trò quan trọng của phương tiện, thiết bị dạy học trong tổ chức hoạt động tự học của HS, kế thừa kinh nghiệm triển khai Chương trình và SGK tiểu học hiện hành, khi bắt đầu triển khai nghiên cứu thử nghiệm mô hình VNEN, Bộ GD & ĐT chú ý hướng dẫn GV dạy thử nghiệm khai thác, sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học, trước hết là các phương tiện, thiết bị dạy học chủ chốt đã được cung cấp trong "Bộ đồ dùng học tập của HS" và "Bộ đồ dùng biểu diễn của GV" (đã nêu trong "Danh mục tối thiểu thiết bị dạy học môn Toán" của Bộ GD & ĐT). Đồng thời khuyến khích GV, HS và cha mẹ HS tự làm các đồ dùng dạy học bằng các vật liệu rẻ tiền, dễ kiếm tại địa phương.

b) Đối với lớp 4 VNEN bộ đồ dùng dạy học toán có thể bao gồm :

– Bộ đồ dùng dạy học toán lớp 4 (theo Chương trình tiểu học hiện hành) nêu trong thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học.

– Giấy A4, giấy bìa, bút màu, kéo cắt, hồ dán, các phiếu học tập, các thẻ... phục vụ việc tổ chức các trò chơi học tập, các hoạt động cá nhân, theo cặp, theo nhóm, hoạt động cả lớp hoặc hoạt động ứng dụng trong những tình huống thực tiễn gắn với đời sống thực tế của HS.

Có thể liệt kê một số thiết bị dạy học môn Toán dùng cho HS lớp 4 :

– Mô hình 10 hình tròn và 4 hình vuông được chia thành các phần bằng nhau và đã tô màu vào một số phần.

– Mô hình hình bình hành, hình thoi để HS nhận biết tổng thể về hai hình này rồi tập phát hiện một số đặc điểm về cạnh của từng hình.

– Mô hình cắt, ghép mỗi hình bình hành, hình thoi thành hình chữ nhật (như hình vẽ trong tài liệu Hướng dẫn học Toán 4) để HS tự nêu công thức tính diện tích của từng hình.

– Mô hình $1m^2$ để HS nhận biết "độ lớn" thực của $1m^2$.

c) Ở mô hình VNEN, để hỗ trợ tích cực các hoạt động tự học hiệu quả của HS, trong mỗi lớp học thường bố trí góc thư viện và góc học tập. Góc thư viện với nhiều tài liệu tham khảo cũng chính là nguồn bổ sung phương tiện và đồ dùng dạy học. Tuy nhiên góc thư viện thường lưu giữ các phương tiện, đồ dùng dạy học "tĩnh", có thể được sử dụng trong nhiều bài học, nhiều tiết học với các môn học khác nhau.

Góc học tập cho các môn học như môn Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội thường có phương tiện, mô hình học tập và những đồ dùng, vật liệu giúp HS thao tác, sử dụng phục vụ cho việc học của từng bài học, từng tiết học (như các mô hình hình học với kích thước thích hợp dùng cho hoạt động nhóm, các sợi dây để đo độ dài, mô hình cân đồng hồ để học về gam...). Phương tiện, đồ dùng trong góc học tập không chỉ đơn thuần là những phương tiện, thiết bị được cấp phát theo danh mục của Bộ, mà phần lớn là những đồ dùng tự làm của HS, của GV hoặc của cha mẹ HS. Do là những đồ dùng tự làm nên số lượng đủ dùng cho tất cả mọi HS trong lớp, phong phú, đa dạng về chất liệu, thể loại, gần gũi với đời sống thực tế của HS và là sản phẩm của chính mình nên được các em HS giữ gìn, bảo quản.

d) Căn cứ quy trình 5 bước của việc dạy học trên cơ sở tổ chức các hoạt động ; căn cứ quy trình tổ chức 10 bước học tập cho HS, cùng những phân tích ở trên, chúng tôi nhận thấy quy trình sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học tổ chức hoạt động tự học của HS trong dạy học môn Toán ở mô hình VNEN cần được tổ chức theo một số bước như sau :

Bước 1 : *HS nhận biết nhiệm vụ học tập, mục tiêu bài học. Nhóm trưởng lấy tài liệu và đồ dùng học tập cho cả nhóm.*

Mục đích của bước này là HS nhận biết mục tiêu, nhiệm vụ học tập, chọn lựa phương tiện, thiết bị dạy học chứa đựng thông tin về nội dung toán cần học.

Nhiệm vụ học tập, nhiệm vụ nhận thức thường là những yêu cầu (hoặc nêu dưới dạng câu hỏi) đòi hỏi HS phải quan sát, phân tích, so sánh rồi nêu lên những nhận xét của mình (có thể thông qua phiếu học tập được chuẩn bị sẵn). GV cần trợ giúp một cách hợp lí cho HS tri giác các dấu hiệu bản chất, các đặc điểm đặc trưng của tri thức toán (như khái niệm, quy tắc, cách tính...) chứa đựng trong phương tiện, thiết bị dạy học. Nếu thấy cần thiết, GV có thể hướng dẫn cụ thể hoặc làm mẫu cho HS.

Bước 2 : *Cá nhân từng HS thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học.*

Mục đích của bước này là thông qua thao tác trên các đồ dùng dạy học, HS hoàn thành được nhiệm vụ nhận thức và bước đầu rút ra được những nhận xét về tri thức toán học cần học.

Đây là hoạt động đặc biệt, trong đó hoạt động học tập của HS khác với hoạt động truyền thống. Mọi HS đều được thao tác trực tiếp trên các đồ dùng dạy học. GV tổ chức

cho HS thao tác, quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hoá. Mỗi HS độc lập suy nghĩ để tìm ra câu trả lời cho các yêu cầu đã nêu. Sau đó các em có thể trao đổi với bạn trong lớp hoặc với các thành viên trong nhóm về các kết quả của mình. Chia sẻ những ý tưởng, khẳng định những kết luận đúng đắn và kịp thời khắc phục những sai sót của mình hoặc của bạn mình.

GV đóng vai trò là người tổ chức, điều khiển quá trình thao tác, suy nghĩ của HS, là người đưa ra những hướng dẫn kịp thời để hỗ trợ cho HS khám phá kiến thức, kích thích hứng thú học tập của HS, tạo điều kiện để phát huy khả năng của HS trong hoạt động học tập.

Bước 3 : Thảo luận, giải quyết vấn đề.

Đối với những kiến thức trọng tâm của bài học, sau khi HS đã thực hiện xong các nhiệm vụ phát hiện, khám phá, trong một số trường hợp cần thiết GV có thể tổ chức hoạt động thảo luận cho cả lớp theo tiến trình :

- Yêu cầu một số HS (nhóm HS) trình bày kết quả của mình.
- Cả lớp cùng quan sát, chú ý, nhận xét kết quả của bạn, ở đây cần tạo điều kiện cho các em nêu lên các cách giải quyết khác nhau của mình.
- Chốt lại cách giải quyết vấn đề, thống nhất kết quả và nhắc nhở cá nhân hoặc nhóm HS điều chỉnh những kết quả sai (nếu có).
- Thực hành củng cố, vận dụng tri thức mới.

e) Dưới đây chúng tôi xin nêu một ví dụ về tiến trình khai thác, sử dụng đồ dùng dạy học thông qua trích đoạn dạy học bài "**Góc nhọn. Góc tù. Góc bẹt**" ở lớp 4.

V.2. Vận dụng, điều chỉnh, bổ sung nội dung và phương pháp dạy học cho phù hợp với đối tượng HS và điều kiện vùng miền

Quá trình dạy học theo mô hình VNEN không phải là quá trình "đóng kín", áp đặt một cách cứng nhắc mà là một quá trình linh hoạt và có tính "mở".

GV cần căn cứ vào đặc điểm của HS, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng lớp, từng trường để chủ động lựa chọn hay tiến hành những điều chỉnh, thay thế hoặc bổ sung cụ thể về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, tuy nhiên phải trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau :

- Bảo đảm Chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình môn Toán hiện hành.
- GV phải xác định được các đơn vị kiến thức, kỹ năng cơ bản, trọng tâm trong mỗi bài học, phải hiểu được quá trình tìm tòi dẫn đến kiến thức của HS.

– Nội dung điều chỉnh phải phù hợp với thực tế đời sống, với truyền thống văn hoá của cộng đồng dân cư nơi HS sinh sống, phù hợp với đặc điểm và trình độ HS trong lớp học.

Người ta có thể nghĩ tới một số cách tìm tòi thông tin, tư liệu để điều chỉnh về nội dung, phương pháp dạy học môn Toán như sau :

– Tìm cách kết nối, liên hệ giữa các kiến thức toán học dạy học trong nhà trường với thực tiễn đời sống hằng ngày của HS. Ví dụ, xuất phát từ một nội dung dạy học môn Toán, xác định những hoạt động thực tiễn liên hệ với nó, phân tích thành các hoạt động thành phần rồi căn cứ vào mục tiêu dạy học mà tổ chức cho HS thực hành trải nghiệm.

– Căn cứ trên nhu cầu thực tiễn về cân, đo, đong, đếm, nhận dạng các hình ; khai thác thông tin, số liệu về văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, giao thông vận tải..., các thông tin liên quan đến các sự kiện thời sự, chính trị hằng ngày, đặc biệt nhu cầu về tính toán trong đời sống hằng ngày để đề xuất các bài tập hay tình huống học tập toán học cho HS. Ở đây thường yêu cầu HS giải bài toán có nội dung thực tiễn.

– Tìm những thông tin thực tế tại làng bản, xóm thôn hoặc địa phương (chứ không phải là những bài tập có tính chất mô phỏng toán học của thực tiễn) để giới thiệu cho HS. Ví dụ : có thể cho HS đọc đoạn văn sau :

"Đến với Mù Căng Chải dù chỉ một lần du khách cũng cảm nhận được sự giàu có của thiên nhiên, sự đặc sắc của văn hoá, sự ấm áp của tình người. Các vận động địa chất đã tạo cho Mù Căng Chải những đỉnh núi cao như : Púng Luông (2985m), Phu Ba (2512m), Mồ Dề (2100m)... Qua đèo Khau Phạ (cao 2100m) mở trong sương trắng là tới đất Mù Căng Chải (nơi mà người dân Yên Bái vẫn gọi là "biển mây Khau Phạ"). Từ đây, cứ từ đèo này qua đèo khác, núi này qua núi khác, du khách sẽ cảm nhận rõ nét sự thay đổi của độ cao, hai bên đường là những triền ruộng bậc thang làm choáng ngợp lòng người "

– Nhận biết những cơ hội có thể vận dụng tri thức toán học vào các môn học khác trong nhà trường hoặc những hoạt động ngoài nhà trường như thực hành thu thập số liệu, đối chiếu, kiểm tra và hiệu chỉnh số liệu.... Thông qua các hoạt động này còn hình thành được phẩm chất mong muốn ứng dụng tri thức được học vào thực tế đời sống cho HS.

Ngoài ra, GV cần sử dụng một cách có hiệu quả các thiết bị dạy học được cung cấp, đồng thời GV và HS có thể làm thêm, điều chỉnh, bổ sung, thay thế các đồ dùng dạy học, các trò chơi, câu đố,... phù hợp với nội dung học tập và điều kiện cơ sở vật chất của lớp học, phù hợp với đặc điểm và trình độ HS trong lớp học của mình.

PHẦN THỨ HAI
GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC
MỘT SỐ DẠNG BÀI CƠ BẢN
TRONG MÔN TOÁN LỚP 4 (VNEN)

CHỦ ĐỀ 1 : SỐ TỰ NHIÊN

A. MỤC TIÊU

Giúp HS :

- Ôn tập về đọc viết, phân tích cấu tạo thập phân của các số trong phạm vi 100 000 ;
- Ôn tập cộng, trừ các số có đến năm chữ số, nhân (chia) số có đến năm chữ số với (cho) số có một chữ số ;
- Biết được về hàng và lớp (các hàng trong lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu) và quan hệ giữa đơn vị các hàng liền kề ;
- Đọc, viết thành thạo các số đến lớp triệu ;
- Biết giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong một số ;
- Biết viết số thành tổng theo hàng (cấu tạo thập phân của một số) ;
- Nhận biết được dãy số tự nhiên và đặc điểm của dãy số tự nhiên ;
- Biết sử dụng mười chữ số để viết số trong hệ thập phân ;
- So sánh được các số có nhiều chữ số ;
- Biết sắp xếp 4 số tự nhiên có không quá sáu chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn.

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI CHỦ YẾU

DẠNG 1. HÌNH THÀNH SỐ, ĐỌC, VIẾT CÁC SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ

Cách thức hình thành số, đọc, viết các số có sáu chữ số ở lớp 4 được thực hiện trên cơ sở những kiến thức, kỹ năng về hình thành số, đọc, viết số,... mà HS đã được học ở các lớp 1, 2, 3.

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HĐ 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS về đọc, viết và lập số có ba (bốn, năm) chữ số

Hoạt động này thường được bắt đầu bằng việc tổ chức một trò chơi hoặc ôn luyện các kiến thức có liên quan đến cách lập số, đọc, viết số có ba (bốn, năm) chữ số, chuẩn bị cho hình thành, đọc, viết số có nhiều chữ số hơn.

HĐ 2. Hình thành số (thành lập số)

a) HS ôn tập về :

– Các hàng đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn ;

– Quan hệ giữa đơn vị các hàng liền kề (đã biết) :

10 đơn vị = 1 chục

10 chục = 1 trăm

10 trăm = 1 nghìn

10 nghìn = 1 chục nghìn.

b) HS nhận biết về trăm nghìn :

10 chục nghìn = 100 nghìn ;

100 nghìn viết là 100 000.

c) Hình thành số có sáu chữ số

Trên cơ sở cách đọc, viết các số có năm chữ số, HS đọc, viết các số có sáu chữ số. Chẳng hạn, HS quan sát hình vẽ thấy có 1 trăm nghìn, 2 chục nghìn, 3 nghìn, 1 trăm, 4 chục và 5 đơn vị.

HS viết số : 123 145 ;

HS đọc số : Một trăm hai mươi ba nghìn một trăm bốn mươi lăm.

HĐ 3. Đọc số và viết số theo lời đọc

Chẳng hạn :

– HS nhìn số 283 649, đọc là "hai trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín".

– Viết số theo lời đọc : HS nghe đọc "năm trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi một" và viết là 527 641.

HĐ 4. Nhận biết cấu tạo thập phân của một số (viết số thành tổng các chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị)

Chẳng hạn :

– Viết các số sau thành tổng (theo mẫu) :

96 245 ; 704 090 ; 32 450 ; 841 071.

Mẫu : $96245 = 90000 + 6000 + 200 + 40 + 5$

– Cho biết một số gồm : 4 trăm nghìn, 9 chục nghìn, 6 nghìn, 5 trăm, 3 chục và 7 đơn vị. HS viết số đó : 496 537.

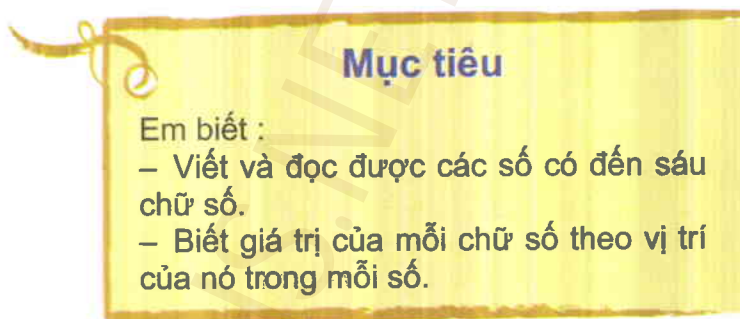
HĐ 5. Luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng về đọc, viết số

GV tổ chức cho HS các hoạt động củng cố, luyện tập và vận dụng các kiến thức, kĩ năng vừa học.

2. Ví dụ minh họa

Bài 4. CÁC SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ

Cho HS đọc mục tiêu :



HĐ 1. HS chơi trò chơi "Đọc – viết số" theo nhóm đôi

Trò chơi này nhằm "khởi động" và giúp HS ôn lại về đọc, viết số có đến năm chữ số.

Một HS nghĩ ra và viết một số có năm chữ số, chẳng hạn : 45 678 rồi đó bạn đọc số đó. Tiếp tục, HS đó đọc một số có năm chữ số, chẳng hạn : "Hai mươi hai nghìn ba trăm mười ba", rồi đó bạn viết số vừa đọc.

Hai bạn đổi vai cho nhau cùng chơi.

HĐ 2. Lập các số có sáu chữ số (làm việc theo hướng dẫn của GV)

– HS quan sát hình vẽ trong tài liệu Hướng dẫn học, nêu : có 1 trăm nghìn, 2 chục nghìn, 3 nghìn, 1 trăm, 4 chục và 5 đơn vị.

– HS viết các số tương ứng vào bảng, GV hướng dẫn HS viết số và đọc số :

Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
1	2	3	1	4	5	123 145	Một trăm hai mươi ba nghìn một trăm bốn mươi lăm

– GV viết một số có sáu chữ số lên bảng, chẳng hạn : 326 415, hướng dẫn HS xác định số 326 415 gồm bao nhiêu trăm nghìn, bao nhiêu chục nghìn,... bao nhiêu đơn vị ; HS viết và đọc số.

– Chơi trò chơi theo cặp : một bạn viết một số có sáu chữ số, bạn còn lại đọc số, hoán đổi vai trò để cùng chơi.



HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

Trong hoạt động thực hành, từng cá nhân giải quyết các bài tập nhằm thực hành, luyện tập về :

- Cách đọc, viết số có sáu chữ số ;
- Viết số thành tổng các chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị.

HD 1. HS hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây

Ở những trường có điều kiện, GV cho HS điền vào phiếu học tập. Trường hợp không thể làm phiếu học tập, có thể chuyển thành hoạt động theo cặp (HS nêu số trăm nghìn, số chục nghìn, số nghìn, số trăm, số chục, số đơn vị ; viết số ra giấy rồi đọc số đó).

Viết số	Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Đọc số
283 649	2	8	3	6	4	9	Hai trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín
723 425							

Viết số	Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Đọc số
	1	5	4	8	7	6	
							Bốn trăm ba mươi hai nghìn chín trăm hai mươi một

HD 2. HS đọc các số

78 452

607 824

315 211

873 105

HD 3. HS viết các số theo lời đọc

- Bốn mươi hai nghìn năm trăm hai mươi lăm ;
- Một trăm mười tám nghìn ba trăm linh bốn ;
- Năm trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi một.

– Với bài này, có thể có hai phương án.

Phương án 1 : HS đọc các số và viết vào vở.

Phương án 2 : HS có thể làm việc theo cặp, một em đọc số, một em viết số, đổi vai thực hiện, bạn cùng cặp nhận xét.

HD 4. HS đếm thêm theo yêu cầu và điền các số thích hợp vào vở

- Đếm thêm 100 000 :

400 000 ; 500 000 ; 600 000 ; ; ;

- Đếm thêm 10 000 :

450 000 ; 460 000 ; 470 000 ; ; ;

Chú ý :

– Trong quá trình HS làm bài, GV cần quan tâm tới các HS yếu để hỗ trợ kịp thời.

– GV có thể chuẩn bị một số bài tập bổ sung cho HS khá, giỏi (hoặc yêu cầu các HS này hỗ trợ bạn).



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ trong phần hoạt động ứng dụng. Khuyến khích HS về nhà tìm trên sách báo, tạp chí các số có sáu chữ số và ghi lại một vài thông tin liên quan đến các số tìm được.

Hoạt động này giúp HS vận dụng, liên hệ kiến thức đã học vào đời sống thực tiễn.

DẠNG 2. SO SÁNH VÀ XẾP THỨ TỰ CÁC SỐ TỰ NHIÊN

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HĐ 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS về so sánh các số tự nhiên

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi hoặc thực hành giải quyết nhiệm vụ ôn luyện các kiến thức có liên quan đến so sánh số tự nhiên, chuẩn bị cho hình thành kỹ năng so sánh số có nhiều chữ số hơn.

HĐ 2. Hình thành cách so sánh số, so sánh các số trong dãy số tự nhiên và trên tia số

GV tổ chức cho HS tìm tòi, phát hiện cách so sánh các số tự nhiên trong trường hợp tổng quát, cách so sánh các số tự nhiên trong dãy số tự nhiên và trên tia số.

HĐ 3. Hình thành cách sắp thứ tự các số (theo thứ tự từ bé đến lớn hay theo thứ tự từ lớn đến bé)

Dựa vào các kết quả so sánh các số tự nhiên, GV hướng dẫn HS cách sắp xếp các số tự nhiên theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.

HĐ 4. Luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng về so sánh và xếp thứ tự các số tự nhiên

GV tổ chức cho HS các hoạt động củng cố, luyện tập và vận dụng các kiến thức, kỹ năng vừa học.

2. Ví dụ minh họa

Bài 9. SO SÁNH VÀ XẾP THỨ TỰ CÁC SỐ TỰ NHIÊN

Cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em nhận biết bước đầu về cách so sánh hai số tự nhiên, xếp thứ tự các số tự nhiên ; Bước đầu làm quen dạng bài tìm x , biết $x < 5$, $2 < x < 5$ với x là số tự nhiên.

A

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. HS ôn tập lại kiến thức, kĩ năng về so sánh các số tự nhiên đã học

GV có thể cho HS chơi trò chơi "Đố bạn điền dấu $<$, $>$, $=$?" theo nhóm đôi :

Hai HS có 4 tấm thẻ ghi lần lượt các nội dung như cột bên. Một HS đố bạn, điền dấu vào thẻ và yêu cầu bạn giải thích tại sao. Sau đó, hai bạn đổi vai cho nhau với tấm thẻ khác, cứ tiếp tục như vậy cho đến thẻ cuối cùng.	5 899 7 000
	830 1202
	26 584 57 652
	99 999 100 000

HD 2. Hình thành quy tắc so sánh các số tự nhiên

GV phát cho mỗi nhóm 4 thẻ, yêu cầu mỗi nhóm ghi lần lượt vào mỗi thẻ một số có ba, bốn, năm và sáu chữ số tùy ý. GV quan sát các nhóm và cũng ghi vào 2 thẻ của mình các số có năm, sáu chữ số (chú ý có ghi số như số của một nhóm HS).

GV đính lần lượt mỗi thẻ số lên bảng rồi yêu cầu những nhóm nào có số bé hơn (sau đó đến lớn hơn rồi đến bằng) số trên bảng thì giơ lên. GV kiểm tra và cho HS giải thích vì sao số của nhóm nhỏ hơn (lớn hơn, bằng) số đính trên bảng.

GV giúp HS nêu cách so sánh các số tự nhiên.

Ngoài ra, GV tổ chức cho HS thảo luận để rút ra cách so sánh các số trong dãy số tự nhiên và trên tia số rồi tóm tắt thành nhận xét như đã nêu trong Hướng dẫn học Toán 4, tập 1A, trang 32.

HD 3. Vận dụng quy tắc so sánh các số tự nhiên để điền dấu thích hợp (<, >, =) vào chỗ chấm



693 215 ... 693 200
43 256 ... 432 510



653 211 ... 653 211
10 000 ... 99 999

HD 4. Sắp xếp thứ tự các số tự nhiên

GV phát cho mỗi nhóm có 4 thẻ số có ghi các số : 4 596 ; 4 569 ; 4 956 ; 4 965 và tổ chức cho các nhóm thảo luận về các yêu cầu sau :

- Tìm số bé nhất ;
- Tìm số lớn nhất ;
- Sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn (một nửa số nhóm) ;
- Sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé (một nửa số nhóm còn lại).



HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

Trong hoạt động thực hành, từng cá nhân giải quyết các bài tập nhằm thực hành, luyện tập về :

- Điền dấu <, >, = vào chỗ chấm ;
- Tìm số lớn nhất, số bé nhất ;
- Sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại ;
- Tìm số bé hơn, lớn hơn số cho trước.

HD 1. HS điền dấu thích hợp vào chỗ chấm



8574 ... 85 740	434 876 ... 434 878
123 465 ... 123 456	71 326 ... 713 260
745 196 ... 745 196	586 406 ... 568 406

HD 2. HS tìm số lớn nhất trong các số :

423 607 ; 204 528 ; 97 326 ; 314 605.

GV hỏi thêm về số bé nhất và cho HS giải thích vì sao biết.

HD 3. HS sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn :

467 312 ; 467 213 ; 467 321 ; 549 015.

GV yêu cầu thêm về sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé.

HD 4. HS tìm số tự nhiên x thỏa mãn :

a) $x < 4$;

b) $3 < x < 7$.

HD 5. HS tìm số tròn chục x biết :

$$25 < x < 58$$



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

GV tổ chức và hướng dẫn HS đọc thông tin dưới đây và thực hiện các yêu cầu :

Số liệu điều tra dân số của một số nước vào năm 2012 :



Năm 2012 dân số Việt Nam là 88 780 000 người.



Năm 2012 dân số Liên Bang Nga là 142 583 146 người.



Năm 2012 dân số Pháp là 63 725 188 người.



Năm 2012 dân số Hàn Quốc là 50 004 441 người.

a) Trong các nước đó :

- Nước nào có số dân nhiều nhất ?
- Nước nào có số dân ít nhất ?

b) Hãy viết tên của các nước có số dân theo thứ tự từ ít đến nhiều.

DẠNG 3. HÀNG VÀ LỚP

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HĐ 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS về các hàng đã học

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi hoặc thực hành giải quyết nhiệm vụ ôn luyện các kiến thức có liên quan đến đọc, viết số và cấu tạo thập phân của số : Số gồm bao nhiêu trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị ? Ở hàng trăm nghìn là chữ số nào ?...

HĐ 2. Hình thành về hàng và lớp

GV cho HS nhận ra các hàng của một số tự nhiên rồi giới thiệu về lớp. Chú ý cho HS nhận xét được đặc điểm của các lớp như : Lớp đơn vị (lớp nghìn, lớp triệu) bao gồm mấy hàng ? Hàng nào lớn nhất ? Hàng nào nhỏ nhất ?

GV hướng dẫn HS cách tách số ra thành các lớp, từ lớp đơn vị đến lớp nghìn rồi đến lớp triệu, sau đó đọc số từ trái sang phải.

HĐ 3. Luyện tập, củng cố kiến thức về hàng và lớp

GV tổ chức cho HS các hoạt động củng cố, luyện tập và vận dụng các kiến thức về hàng và lớp.

2. Ví dụ minh họa

Bài 6. HÀNG VÀ LỚP

Cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết :

- Các hàng trong lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu.
- Giá trị của chữ số theo vị trí của chữ số đó trong mỗi số.
- Đọc, viết được một số đến lớp triệu.
- Viết số thành tổng theo hàng.



HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD1. HS chơi trò chơi "Phân tích số" theo nhóm đôi

Một HS viết một số bất kì, chẳng hạn 602 789, rồi yêu cầu bạn mình viết số đó vào bảng theo mẫu và đọc :

Viết số	Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
602 789	6	0	2	7	8	9

Bạn đọc : sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm tám mươi chín.

Sau khi bạn mình đọc xong, HS đó nêu được : số 602 789 gồm 6 trăm nghìn, 0 chục nghìn, 2 nghìn, 7 trăm, 8 chục và 9 đơn vị.

Hai HS đổi vai cho nhau và cùng chơi tiếp.

HD 2. Giới thiệu lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu

GV đính bảng phụ theo mẫu lên bảng :

Số	(A)			(B)			(C)		
	Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị

– HS nêu tên các hàng đã học theo thứ tự từ bé đến lớn : hàng đơn vị, hàng chục ; hàng trăm ; hàng nghìn ; hàng chục nghìn ; hàng trăm nghìn,....

– GV giới thiệu : hàng đơn vị, hàng chục ; hàng trăm tạo thành *lớp đơn vị* ; hàng nghìn ; hàng chục nghìn và hàng trăm nghìn tạo thành *lớp nghìn* ; hàng triệu ; hàng chục triệu và hàng trăm triệu tạo thành *lớp triệu*.

– HS nhắc lại và đánh các từ "Lớp triệu", "Lớp nghìn", "Lớp đơn vị" vào các vị trí (A), (B), (C) của bảng phụ.

– GV cho HS nhận xét đặc điểm của mỗi lớp bằng cách trả lời các câu hỏi : Trong lớp đơn vị (nghìn, triệu) gồm những hàng nào ? Hàng nào lớn nhất ? Hàng nào nhỏ nhất ? Em có nhận xét gì về tên gọi của mỗi lớp ?

– GV viết số 629 vào cột "Số" trong bảng phụ rồi cho HS lên bảng điền từng chữ số vào các cột ghi hàng tương ứng. GV yêu cầu HS nêu cách làm của mình và đọc số đó.

– GV làm tương tự với số 187 629 và số 532 187 629. Chú ý cho HS nhận biết được chữ số thuộc hàng nào, lớp nào, giá trị của chữ số theo hàng. Chẳng hạn :

Số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
532 187 629	5	3	2	1	8	7	6	2	9

+ Chữ số 3 thuộc hàng nào ?

+ Trong số đó, chữ số 3 chỉ gì ? (giá trị của chữ số 3 theo vị trí của nó)

Đồng thời, GV cũng lưu ý cho HS khi đọc các số 413 751 246 ; 532 187 629 cần tách ra thành từng lớp, từ lớp đơn vị đến lớp nghìn rồi lớp triệu và đọc số từ trái sang phải.

Ví dụ : Lớp triệu Lớp nghìn Lớp đơn vị

413 751 246

Đọc số : bốn trăm mười ba triệu bảy trăm năm mươi một nghìn hai trăm bốn mươi sáu.

HD 3. HS viết các chữ số của số tự nhiên cho trước vào các hàng và lớp thích hợp

Hoạt động này nhằm củng cố các kiến thức, kĩ năng về hàng và lớp vừa học.

Số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
7 309 456			7	3	0	9	4	5	6
653 007 312									

Trong hoạt động này, GV tổ chức cho HS thực hành các nội dung về :

- Viết các chữ số vào các hàng và lớp phù hợp của số tự nhiên cho trước ;
- Đọc số ;
- Xác định chữ số ấy ở hàng nào, lớp nào ;
- Xác định giá trị của chữ số trong mỗi số ;
- Phân tích được cấu tạo thập phân của số.



HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

HD 1. Viết theo mẫu :

a)

Số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
91 473					9	1	4	7	3
820 356									
4 703 622									
317 108 255									

b)

Đọc số	Số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
		Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
Ba trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi hai	368 944 142	3	6	8	9	4	4	1	4	2
Sáu trăm hai mươi triệu bốn trăm linh ba nghìn năm trăm										
	502 870 031									

HD 2. HS đọc số và nhận biết giá trị của chữ số trong mỗi số

a) HS đọc các số sau và cho biết chữ số 9 ở mỗi số thuộc hàng nào, lớp nào :

5 209 613 ; 34 390 743 ; 617 800 709 ; 800 501 900 ; 900 030 544

b) HS ghi giá trị của chữ số 4 có trong mỗi số ở bảng sau :

Số	24 851	47 061	69 354	902 475	4 035 223
Giá trị của chữ số 4	4000				

HD 3. HS viết các số dưới dạng cấu tạo thập phân

Ví dụ viết các số : 96 245 ; 704 090 ; 32 450 ; 841 071 thành tổng theo mẫu :

Mẫu : $96245 = 90000 + 6000 + 200 + 40 + 5$



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

Bảng dưới đây cho biết một vài số liệu về giáo dục phổ thông năm học 2011 – 2012 :

	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Số trường	15 337	10 243	2350
Số học sinh	7 100 950	4 926 401	2 755 210
Số giáo viên	366 045	311 970	150 133

Em hãy đọc thông tin trong bảng rồi cho biết :

Trong năm học 2011 – 2012 :

- Có bao nhiêu trường tiểu học ?
- Số giáo viên trung học cơ sở là bao nhiêu ?
- Có bao nhiêu học sinh trung học phổ thông ?

DẠNG 4. DÃY SỐ TỰ NHIÊN

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HĐ 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS về số tự nhiên

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi hoặc thực hành giải quyết nhiệm vụ ôn luyện các kiến thức có liên quan đến đọc, viết số.

HĐ 2. Hình thành về dãy số tự nhiên và tính chất của dãy số tự nhiên

- GV giới thiệu với HS vài nét về lịch sử hình thành số tự nhiên.
- Giới thiệu về số tự nhiên và dãy số tự nhiên.
- Biểu diễn các số tự nhiên trên tia số.
- Hướng dẫn HS phát hiện tính chất của số tự nhiên.

HĐ 3. Viết và đọc số tự nhiên trong hệ thập phân

GV giới thiệu với HS :

- Có thể sử dụng mười chữ số : 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 để viết các số tự nhiên ;
- Ở mỗi hàng chỉ có thể viết được một chữ số và giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó.
- Nhắc lại cách đọc số tự nhiên có nhiều chữ số.

HĐ 4. Luyện tập, củng cố kiến thức về số tự nhiên và dãy số tự nhiên

GV tổ chức cho HS các hoạt động củng cố, luyện tập và vận dụng các kiến thức về số tự nhiên và dãy số tự nhiên.

2. Ví dụ minh họa

Bài 8. DÃY SỐ TỰ NHIÊN. VIẾT SỐ TỰ NHIÊN TRONG HỆ THẬP PHẦN

Cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

- Em biết thêm thông tin về dãy số tự nhiên và một số đặc điểm của dãy số tự nhiên.
- Em biết sử dụng mười chữ số để viết số trong hệ thập phân.

A

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HĐ 1. Trước khi giới thiệu với HS về số tự nhiên, GV có thể cho cả lớp chơi trò chơi "Truyền điện"

HS đầu tiên đọc số 0, chỉ một bạn đọc số liền sau số 0 ; bạn đó nói xong lại chỉ bạn khác nói số liền sau số 1 ; cứ tiếp tục như thế cho đến bạn cuối cùng.

HĐ 2. Giới thiệu về số tự nhiên và dãy số tự nhiên

– GV tóm tắt lịch sử về số tự nhiên.

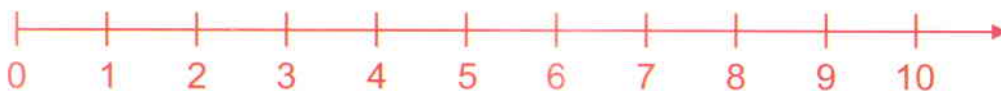
Những khái niệm đầu tiên về số tự nhiên đã có từ thời cổ xưa. Những khái niệm đó phát sinh từ sự đếm các đồ vật, con người, vật nuôi, hoa quả,... Kết quả của phép đếm là các số một, hai, ba,... Các số đó ngày nay gọi là số tự nhiên.

– GV giới thiệu về số tự nhiên và dãy số tự nhiên :

Các số 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 ; 10 ; ... ; 100 ; ... ; 1 000 ; ... là các số tự nhiên.

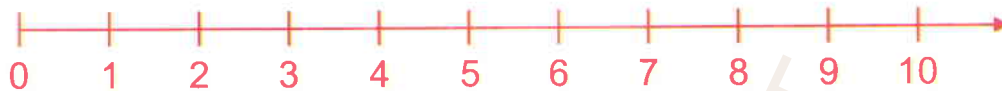
Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên : 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 ; 10 ; ...

– GV giới thiệu với HS tia số, vạch đầu tiên chỉ gốc của tia số, tia số có thể kéo dài mãi mãi về một phía :



Sau đó, gọi các HS lên bảng đính những thẻ số 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 vào các vạch tương ứng trên tia số. GV cho HS nêu : Điểm gốc của tia số ứng với số mấy ? Mỗi số tự nhiên ứng với bao nhiêu điểm trên tia số ?

– GV kiểm tra và giới thiệu : Để có hình ảnh về số tự nhiên, ta có thể biểu diễn các số tự nhiên trên tia số. Số 0 ứng với điểm gốc của tia số. Mỗi số tự nhiên ứng với một điểm trên tia số :



– GV hướng dẫn HS rút ra được các nhận xét về tính chất của dãy số tự nhiên thông qua hệ thống câu hỏi thích hợp (có thể trình bày dưới dạng một phiếu học tập cho nhóm) :

– GV nhận xét và chốt lại cho HS một vài tính chất của dãy số tự nhiên như đã nêu ở trang 28, Hướng dẫn học Toán 4, tập 1A.



Bài 5. HS thảo luận để tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm :

- a) 909 ; 910 ; 911 ; ... ; ... ; ... ;
- b) 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; ... ; ... ; ... ;
- c) 1 ; 3 ; 5 ; 7 ; ... ; ... ; ... ;

Bài 6. HS chơi trò chơi "Đố bạn viết số" :

Một bạn đọc một số nào đó, bạn kia viết số liền sau số đó. Hai bạn đổi vai cho nhau cùng chơi.



HD 3. Viết và đọc số tự nhiên trong hệ thập phân

– GV giới thiệu : Trong hệ thập phân cứ mười đơn vị ở một hàng lại hợp thành một đơn vị ở hàng trên liền trước nó.

– GV gắn lần lượt từng thẻ số : 13 456 ; 2014 ; 3380 ; 23 ; 4739 ; 1000 rồi cho HS giải thích, những số này được tạo thành từ những chữ số nào ? Giá trị của chữ số 3 có trong mỗi số là bao nhiêu ? Sau đó, GV giới thiệu với HS :

Với mười chữ số : 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9 có thể viết được mọi số tự nhiên. Ở mỗi hàng chỉ có thể viết được một chữ số. Cứ mười đơn vị ở mỗi hàng lại hợp thành một đơn vị ở hàng trên tiếp liền nó. Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó. Cùng một chữ số nhưng đứng ở các vị trí khác nhau sẽ có giá trị khác nhau.

– GV viết một số lên bảng, chẳng hạn : 509 333 207, rồi cho HS nêu cách tách lớp và đọc số. Tương tự đối với số đến lớp tỉ, chẳng hạn 2 015 458 937 ; 201 207 197 767.

– GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi theo các yêu cầu sau :

1. Đọc mỗi số sau và cho biết chữ số 3 có trong mỗi số đó ở hàng nào, lớp nào :

46 307 ; 56 032 ; 123 517 ; 305 804 ; 906 873.

2. a) Viết các số sau :

+ Bốn nghìn ba trăm

+ Hai mươi bốn nghìn ba trăm mười sáu

+ Ba trăm linh bảy nghìn bốn trăm hai mươi một

b) Viết mỗi số ở bài 1 thành tổng theo mẫu :

$$10\ 837 = 10\ 000 + 800 + 30 + 7.$$



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

Bố mẹ đọc một số tự nhiên, em đọc tiếp năm số tự nhiên liên tiếp bắt đầu từ số tự nhiên bố mẹ đã đọc.

CHỦ ĐỀ 2 : DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2, 5, 9, 3

A. MỤC TIÊU

Giúp HS :

- Nhận biết dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho 9, cho 3 ;
- Nhận biết được số chẵn, số lẻ ;
- Nhận biết được dấu hiệu vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 ;
- Vận dụng vào giải toán ;
- Ứng dụng vào giải các bài toán thực tế.

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI CHỦ YẾU

DẠNG 1. DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2, DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 5

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

Việc phát hiện ra dấu hiệu chia hết cho 2, dấu hiệu chia hết cho 5 đều được tiến hành theo cách : cho HS thực hiện phép chia cho 2, cho 5 ; rút ra nhận xét về chữ số cuối cùng của các số chia hết cho 2, chia hết cho 5 ; đọc dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 ; chú ý chữ số cuối cùng của những số không chia hết cho 2, không chia hết cho 5.

HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS về thực hiện phép chia cho 2, cho 5

Hoạt động này thường được tổ chức dưới dạng trò chơi "Tính nhanh". Mục đích cho HS thực hiện phép chia cho 2, chia cho 5, đồng thời thi tính nhanh.

HD 2. Trải nghiệm, khám phá về dấu hiệu chia hết cho 2, chia hết cho 5

a) HS khám phá dấu hiệu chia hết cho 2

– GV cho HS thực hiện các phép chia cho 2, các số bị chia bao gồm các số có chữ số tận cùng là 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8 và có chữ số tận cùng là 1 ; 3 ; 5 ; 7 ; 9.

– Từ kết quả trên, GV cho HS xác định được các số chia hết cho 2 và nêu nhận xét về chữ số tận cùng của những số đó, sau đó hướng dẫn HS khái quát : *Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì chia hết cho 2.* GV cũng lưu ý với HS : số không chia hết cho 2 có đặc điểm gì, rồi giới thiệu với HS về số chẵn, số lẻ.

b) HS khám phá dấu hiệu chia hết cho 5

– GV cho HS thực hiện các phép chia cho 5, các số bị chia bao gồm các số có tận cùng là 0 ; 5 và cả những số chia cho 5 dư 1 ; 2 ; 3 ; 4.

– Từ kết quả trên, GV cho HS xác định được các số chia hết cho 5 và nêu nhận xét về chữ số tận cùng của những số đó, rồi hướng dẫn HS khái quát : *Các số có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 thì chia hết cho 5.* GV cũng cho HS nhận xét về đặc điểm của số không chia hết cho 5.

HD 3. Luyện tập, củng cố kiến thức về dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5

GV tổ chức cho HS vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 vào làm các bài tập liên quan.

2. Ví dụ minh họa

Bài 54. DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2. DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 5

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết :

- Dấu hiệu chia hết cho 2 ; số chẵn, số lẻ.
- Dấu hiệu chia hết cho 5.
- Bước đầu vận dụng các dấu hiệu đó.

A

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. HS chơi trò chơi "Tính nhanh" theo nhóm



- Số nào chia hết cho 2 ?
- Số nào chia hết cho 5 ?

HĐ 2. Hình thành dấu hiệu chia hết cho 2

– GV cho HS thực hiện các phép tính trong bảng sau :

$10 : 2 = 5$	$11 : 2 = 5$ (đư 1)
$32 : 2 = \dots$	$33 : 2 = \dots$ (đư ...)
$14 : 2 = \dots$	$15 : 2 = \dots$ (đư ...)
$36 : 2 = \dots$	$37 : 2 = \dots$ (đư ...)
$28 : 2 = \dots$	$29 : 2 = \dots$ (đư ...)

– GV cho HS nêu các số chia hết cho 2 rồi nhận xét về chữ số tận cùng của các số đó. Vậy số chia hết cho 2 thì có tận cùng là chữ số nào ? Từ đó GV hướng dẫn HS khái quát lên thành dấu hiệu chia hết cho 2 : "Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì chia hết cho 2".

– GV cũng cho HS nêu ra những số không chia hết cho 2 và rút ra được nhận xét : Các số có chữ số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9 thì không chia hết cho 2.

Từ khái niệm chia hết cho 2, GV giới thiệu với HS khái niệm số chẵn, số lẻ :

Số chia hết cho 2 là số chẵn.

Chẳng hạn : 0, 2, 4, 6, 8, 96, 158, 160, ... là các số chẵn.

Số không chia hết cho 2 là số lẻ.

Chẳng hạn : 1, 3, 5, 7, 9, 97, 569, 671, ... là các số lẻ.

HĐ 3. Hình thành dấu hiệu chia hết cho 5

GV hướng dẫn HS khám phá ra dấu hiệu chia hết cho 5 tương tự như dấu hiệu chia hết cho 2 với việc thực hiện các phép tính :

$20 : 5 = \dots$	$41 : 5 = \dots$ (đư ...)
$30 : 5 = \dots$	$32 : 5 = \dots$ (đư ...)
$40 : 5 = \dots$	$53 : 5 = \dots$ (đư ...)
$25 : 5 = \dots$	$44 : 5 = \dots$ (đư ...)
$35 : 5 = \dots$	$46 : 5 = \dots$ (đư ...)
	$37 : 5 = \dots$ (đư ...)
	$58 : 5 = \dots$ (đư ...)
	$19 : 5 = \dots$ (đư ...)

GV giúp HS rút ra được dấu hiệu chia hết cho 5 và nêu lên được nhận xét về số không chia hết cho 5.

HD 4. Luyện tập, củng cố về dấu hiệu chia hết cho 2

GV cho HS hoạt động cá nhân, làm nhanh các bài tập, rồi chia sẻ với bạn trong nhóm.

Trong các số 35 ; 89 ; 98 ; 326 ; 1 000 ; 767 ; 7 536 ; 8 401 ; 84 683 em hãy viết vào vở :

- Những số chia hết cho 2.
- Những số không chia hết cho 2.

HD 5. Luyện tập, củng cố về dấu hiệu chia hết cho 5

GV cho HS hoạt động cá nhân, làm nhanh các bài tập, rồi chia sẻ với bạn trong nhóm.

Trong các số 35 ; 8 ; 57 ; 660 ; 4 674 ; 3 000 ; 945 ; 5 353 em hãy viết vào vở :

- Những số chia hết cho 5.
- Những số không chia hết cho 5.



HS hoạt động cá nhân rồi trao đổi với bạn trong nhóm các kết quả của mình.

HD 1. HS luyện tập vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2 và cho 5 thông qua hoạt động như :

HS viết vào vở :

- Bốn số có hai chữ số, các số đó đều chia hết cho 2 ;
- Hai số có ba chữ số, các số đó đều không chia hết cho 2 ;
- Bốn số có ba chữ số, các số đó đều chia hết cho 5.

Lưu ý cho HS giải thích tại sao số đó chia hết cho 2, chia hết cho 5, tại sao không chia hết cho 2.

HD 2. HS luyện tập vận dụng phối hợp các dấu hiệu chia hết cho 2 và cho 5. Chẳng hạn :

HS tìm trong các số dưới đây và viết vào vở :

100

48

70

37

45

215

- a) Các số chia hết cho 2 ;
- b) Các số chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 2 ;
- c) Các số vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 5.

GV cho HS giải thích các kết quả của mình. Ở đây, nếu được, hướng dẫn HS nêu lên được số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 thì có đặc điểm gì ?

HĐ 3 : HS thực hành luyện tập vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2 và cho 5 vào dạng bài "Lập số". Chẳng hạn :

Với ba chữ số 0 ; 6 ; 5, HS viết vào vở :

- a) Ba số có ba chữ số khác nhau và là số chẵn ;
- b) Ba số có ba chữ số khác nhau và chia hết cho 5 ;
- c) Hai số có ba chữ số khác nhau và chia hết cho 10.

GV lưu ý với HS cần lập các số có ba chữ số khác nhau : 650, 560, 506, 605, từ đó tìm các số thoả mãn yêu cầu.

HĐ 4. HS luyện tập dạng bài "Lập số" thoả mãn một số điều kiện về chia hết cho 2 và chia hết cho 5

Trong các số từ 1 đến 20, em hãy viết vào vở :

- a) Các số chia hết cho 5 ;
- b) Các số chẵn ;
- c) Các số vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 5.



GV yêu cầu HS về nhà vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2, chia hết cho 5 để chỉ ra trong gia đình mình ai có số tuổi là số chẵn, ai có số tuổi là số lẻ, ai có số tuổi là số chia hết cho 5, cho 10.

DẠNG 2 : DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 9, DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3

Việc phát hiện ra dấu hiệu chia hết cho 9, dấu hiệu chia hết cho 3 đều được tiến hành theo cách rút ra nhận xét về tổng các chữ số của các số chia hết cho 9, chia hết cho 3 và tổng các chữ số của những số không chia hết cho 9, không chia hết cho 3.

Tiến trình bài học tương tự như bài Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5. GV cần chốt lại một số ý sau :

Một số có tổng các chữ số là số chia hết cho 9 (3) là số chia hết cho 9 (3).

Một số có tổng các chữ số là số không chia hết cho 9 (3) là số không chia hết cho 9 (3).

Một số chia hết cho 9 sẽ chia hết cho 3. Điều ngược lại không đúng. Ví dụ : 6, 12, 15, 30, 60 là các số chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9.

Một số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 3 thì sẽ chia hết cho 6.

CHỦ ĐỀ 3 : CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN

A. MỤC TIÊU

Giúp HS :

- Biết đặt tính và thực hiện phép cộng, trừ các số có đến năm chữ số, không nhớ hoặc có nhớ không quá hai lần và không liên tiếp.
- Biết đặt tính và thực hiện nhân với số tự nhiên, chia cho số tự nhiên (có tới ba chữ số).
- Biết tính nhẩm (nhân với 10, 100, 1000,... ; chia cho 10, 100, 1000,... ; nhân số có hai chữ số với 11).
- Biết tính chất của phép tính : tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng, phép nhân, tính chất nhân một số với một tổng (hiệu).
- Biết thực hiện chia một tổng cho một số, chia một số cho một tích, chia một tích cho một số.
- Vận dụng các tính chất trên trong tính toán một cách hợp lí.

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI CHỦ YẾU

DẠNG 1. KỸ THUẬT CỘNG, TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ (TÍNH VIẾT)

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS về thực hiện các phép cộng, trừ các số có đến năm chữ số

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi nhằm khởi động, tạo động cơ, tạo hứng thú học tập cho HS, giúp các em ôn lại cách cộng, trừ các số có đến năm chữ số ; chuẩn bị cho hình thành kỹ thuật cộng, trừ các số có đến sáu chữ số.

HD 2. Hình thành cách thực hiện cộng, trừ các số có đến sáu chữ số

GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm, HS trải nghiệm, thảo luận,... để nắm được kỹ thuật cộng, trừ các số có đến sáu chữ số, bao gồm hai bước :

- *Đặt tính* : Các chữ số trong từng hàng đặt thẳng cột với nhau.
- *Tính* : Thực hiện từ phải sang trái.

HD 3. Luyện tập, củng cố kỹ năng thực hiện phép tính cộng, trừ

HS vận dụng trực tiếp kỹ thuật cộng, trừ vừa học ; thực hiện các thao tác tính theo mẫu.

2. Ví dụ minh họa

Bài 17. PHÉP CỘNG. PHÉP TRỪ

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết thực hiện phép cộng, phép trừ các số có đến sáu chữ số.

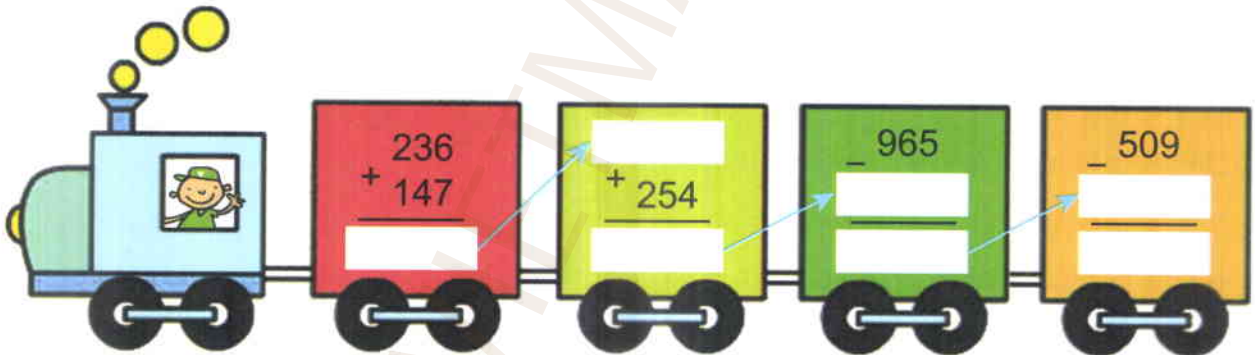
A

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. HS chơi trò chơi "Chuyến hàng lên tàu" :

Trò chơi này nhằm ôn lại kỹ thuật tính cộng, trừ các số có ba, bốn chữ số.

Có thể tổ chức cho HS chơi theo nhóm. Mỗi nhóm có một phiếu vẽ hình đoàn tàu như dưới đây :



HS thực hiện lần lượt từng phép tính, với phép tính thứ nhất ở đầu tàu, các em điền kết quả vào ô trống ở cuối dòng. Sau đó ghi kết quả này vào ô trống đầu ở phép tính thứ hai ở toa tàu tiếp theo (theo hướng mũi tên) và lại tính tiếp, cứ như thế tiếp tục cho đến khi thực hiện xong phép tính ở toa cuối cùng. Khi đó tàu mới được chuyển bánh. Nhóm nào xong trước và tính đúng sẽ thắng cuộc. Đến phần đánh giá, GV cho HS kiểm tra lại lần lượt từng phép tính và cho HS nêu được cách thực hiện cụ thể trong từng phép tính đó.

HD 2. Hình thành kĩ thuật cộng các số có đến sáu chữ số

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để thực hiện phép tính : $367859 + 541728$. Lưu ý cho các nhóm HS nêu lên được :

+ Cách đặt tính theo cột dọc : các chữ số cùng hàng phải thẳng cột với nhau.

+ Cách thực hiện phép tính theo cột dọc : Thực hiện phép tính cộng theo cột dọc từ phải sang trái, chú ý các trường hợp cộng có nhớ.

HD 3. Hình thành kĩ thuật trừ các số có đến sáu chữ số

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để thực hiện phép tính : $647253 - 285749$. Trình tự hình thành cách thực hiện phép tính này cũng tương tự như với phép tính cộng ở trên. GV cần chú ý khắc sâu cho HS quy tắc thực hiện các phép tính đó.

HD 4. Luyện tập, củng cố kĩ năng thực hiện phép tính cộng, trừ các số có đến sáu chữ số

HS thực hiện phép tính rồi trao đổi kết quả với bạn cùng nhóm.

$$\begin{array}{r} \text{a) } + \quad 537725 \\ \quad \quad 128645 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b) } - \quad 543807 \\ \quad \quad 292754 \\ \hline \end{array}$$

Sau đó GV có thể giúp cả lớp chốt lại kĩ thuật cộng, trừ bằng cách cho một vài HS trình bày các bước tính cộng, trừ các số có nhiều chữ số.



HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

Trong hoạt động thực hành, từng cá nhân giải quyết các bài tập nhằm thực hành, luyện tập về :

- Cách thực hiện phép tính cộng, trừ các số có đến sáu chữ số ;
- Tìm một thành phần chưa biết trong phép tính (tìm số bị trừ, tìm một số hạng chưa biết) ;
- Giải bài toán có lời văn.

HD 1. HS tính

a)

$$\begin{array}{r} + \quad 46280 \\ \quad \quad 15627 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + \quad 341528 \\ \quad \quad 326401 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + \quad 684957 \\ \quad \quad 40136 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + \quad 810935 \\ \quad \quad \quad 5648 \\ \hline \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r} 56180 \\ - 15735 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 346546 \\ - 120145 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 248093 \\ - 57256 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 281935 \\ - 7684 \\ \hline \end{array}$$

GV chọn một vài phép tính, rồi cho HS nhắc lại cách thực hiện.

HD 2. HS thực hiện đặt tính rồi tính

a) $538042 + 142387$
 $185364 + 92806$

b) $612794 - 150847$
 $570829 - 4270$

GV chọn mỗi câu một phép tính rồi cho HS nhắc lại cách đặt tính, cách thực hiện các phép tính đó.

HD 3. HS tìm x biết :

a)

$$x - 254 = 3982$$

b)

$$316 + x = 2924$$

Ở bài này, HS được củng cố về cách tìm số bị trừ, cách tìm số hạng ; đồng thời được rèn luyện kỹ năng cộng, trừ các số có nhiều chữ số.

HD 4. HS thực hiện giải các bài toán

a) Trong vụ mùa năm nay, tỉnh Thái Bình thu hoạch được 391 500 tấn thóc, tỉnh Hưng Yên thu hoạch được 241 500 tấn thóc. Hỏi trong vụ mùa năm nay, cả hai tỉnh thu hoạch được bao nhiêu tấn thóc ?

b) Quãng đường xe lửa từ Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh dài 1730km. Quãng đường xe lửa từ Hà Nội đến Nha Trang dài 1315km. Tính quãng đường xe lửa từ Nha Trang đến Thành phố Hồ Chí Minh.

GV gợi ý cho HS phát hiện ra phép tính cần thực hiện rồi tổ chức cho HS trình bày bài giải và trao đổi kết quả với bạn bên cạnh để cùng kiểm tra lại.



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

Hoạt động này kết hợp rèn luyện cho HS các kỹ năng : đọc bảng số liệu thống kê, rút ra một số thông tin trực tiếp, gián tiếp (để có được thông tin gián tiếp cần thực hiện các phép tính cộng, trừ số có nhiều chữ số). Hoạt động này cũng nhằm mục đích cung cấp cho HS một số thông tin về chiều dài các con sông trên thế giới.

GV cho HS đọc bảng thống kê về chiều dài một số con sông trên thế giới dưới đây rồi yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu :

- Sông nào dài nhất ? Sông nào ngắn nhất ?
- Sông Nin dài hơn sông Công-gô bao nhiêu ki-lô-mét ?
- Sông Mê Kông ngắn hơn sông Trường Giang bao nhiêu ki-lô-mét ?

Số TT	Tên sông	Chiều dài
1	Nin (châu Phi)	6732km
2	A-mua (châu Á)	4415km
3	Mê Kông (châu Á)	4183km
4	Hoàng Hà (châu Á)	5464km
5	A-ma-dôn (châu Mỹ)	6693km
6	Trường Giang (châu Á)	6300km
7	Công-gô (châu Phi)	4373km

DẠNG 2. KỸ THUẬT NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT (HAI, BA) CHỮ SỐ (TÍNH VIẾT)

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

Ở lớp 4, quá trình học kỹ thuật nhân trải qua 3 giai đoạn :

a) Nhân với số có một chữ số (kỹ thuật này thực chất đã được học ở lớp 3)

b) Nhân với số có hai chữ số.

Lưu ý : Điểm mới đối với HS là việc xuất hiện tích riêng. GV cần giúp HS biết viết tích riêng thứ hai lùi sang bên trái 1 cột.

c) Nhân với số có ba chữ số

Lưu ý : Lúc này HS đã quen với việc viết tích riêng trong trường hợp nhân với số có hai chữ số. Vì vậy, HS có thể thảo luận và thực hiện được các bước tính khi nhân một số với số có ba chữ số (chú ý : viết tích riêng thứ hai lùi sang bên trái 1 cột, viết tích riêng thứ ba lùi sang bên trái 1 cột nữa).

Trong mỗi giai đoạn, các hoạt động học tập của HS bao gồm :

HĐ 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS về thực hiện các phép nhân với số có một chữ số

Hoạt động khởi động thường được thực hiện dưới hình thức một trò chơi học tập. Có thể tổ chức cho HS chơi theo nhóm, chơi chung cả lớp,...

Hoạt động này nhằm tạo hứng thú học tập cho HS và huy động kinh nghiệm sẵn có của các em liên quan đến bài học. Chẳng hạn : khi học nhân số có sáu chữ số với số có một chữ số thì cần huy động những kinh nghiệm của HS về nhân số có năm chữ số với số có một chữ số.

Các trò chơi phù hợp với loạt bài này có thể sử dụng như : "Ai nhanh, ai đúng" ; "Hái hoa toán học" ;...

HĐ 2. Hình thành kỹ thuật nhân các số có nhiều chữ số với số có một (hai, ba) chữ số

Hoạt động này được thực hiện theo nhóm/cặp. HS trải nghiệm, thảo luận để nắm được kỹ thuật nhân với số có một (hai, ba) chữ số, bao gồm hai bước :

+ *Đặt tính* : Các chữ số ở cùng hàng phải thẳng cột với nhau.

+ *Tính* : Thực hiện từ phải sang trái.

Cần lưu ý rằng, mức độ can thiệp của GV đối với HS trong hoạt động này không hoàn toàn như nhau ở từng giai đoạn :

– Giai đoạn hình thành kĩ thuật nhân với số có một chữ số : HS có thể thảo luận, trao đổi trong nhóm, tự thực hiện được phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số. GV chỉ cần hỗ trợ nhóm/ HS nào gặp khó khăn.

– Giai đoạn hình thành kĩ thuật nhân với số có hai chữ số : Trước tiên, HS có thể thảo luận trong nhóm (hoặc theo cặp) cách thực hiện nhân với số có hai chữ số để bước đầu hình dung được kĩ thuật này. Sau đó GV cần chốt lại cách thực hiện trước lớp.

– Giai đoạn hình thành kĩ thuật nhân với số có ba chữ số : HS có thể thảo luận, trao đổi trong nhóm (hoặc theo cặp), tự thực hiện phép nhân với số có ba chữ số theo từng bước như đã nêu trong tài liệu. GV cũng có thể chốt lại kĩ thuật này (tùy tình hình cụ thể của lớp học). Nên lưu ý trường hợp thừa số thứ hai có chữ số hàng chục là 0.

HD 3. Luyện tập, củng cố kĩ năng thực hiện phép tính nhân

HS vận dụng trực tiếp kĩ thuật nhân vừa học ; thực hiện đặt tính rồi tính trong trường hợp đơn giản.

2. Ví dụ minh họa

Bài 39. NHÂN VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết thực hiện phép nhân với số có hai chữ số và vận dụng vào giải bài toán có lời văn.



HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS về thực hiện các phép nhân một số với một tổng

HS làm việc theo cặp : Thực hiện tính 27×34 bằng cách tính $27 \times (30 + 4)$ với mục đích gắn với quá trình tính viết (thực hiện nhân theo thuật toán). Ở đây, hai kết quả của hai phép nhân sẽ tương ứng với hai tích riêng.

HD 2. Hình thành kĩ thuật nhân với số có hai chữ số

– HS đọc và thảo luận trong nhóm (hoặc giải thích theo cặp) nội dung trong khung về cách thực hiện phép nhân theo 2 bước : đặt tính, tính.

Có thể HS chưa hiểu hết nội dung trong khung nhưng mục đích của hoạt động này là giúp HS sơ bộ, bước đầu hình dung được cách thực hiện phép nhân với số có hai chữ số.

a) Ta có thể đặt tính và tính như sau :

$$\begin{array}{r} 27 \\ \times 34 \\ \hline 108 \\ 81 \\ \hline 918 \end{array}$$

$$27 \times 34 = 918$$

- 4 nhân 7 bằng 28, viết 8 nhớ 2 ;
4 nhân 2 bằng 8, thêm 2 bằng 10, viết 10.
- 3 nhân 7 bằng 21, viết 1 (dưới 0) nhớ 2 ;
3 nhân 2 bằng 6, thêm 2 bằng 8, viết 8.
- Hạ 8 ;
0 cộng 1 bằng 1, viết 1 ;
1 cộng 8 bằng 9, viết 9.
- 27 nhân 34 bằng 918.

b) Trong cách tính trên : 108 gọi là *tích riêng thứ nhất* ; 81 gọi là *tích riêng thứ hai*, được viết lùi sang bên trái một cột vì nó là 81 chục, nếu viết đầy đủ thì phải là 810 (tích của 30×27).

– GV hướng dẫn, chốt lại trước lớp cách nhân với số có hai chữ số (như phần a).
GV có thể hỏi HS theo các ý của phần b, chẳng hạn như :

+ 108 gọi là gì ?

+ 81 gọi là gì ? Vì sao viết lùi sang bên trái 1 cột ? Nếu viết đầy đủ phải là bao nhiêu ?

HD 3. Luyện tập, củng cố kĩ năng thực hiện phép tính nhân

HS hoạt động theo nhóm đôi :

Đặt tính rồi tính :

$$75 \times 43$$

$$246 \times 52$$

$$1\ 213 \times 17$$

HD 4. Củng cố kĩ năng thực hiện phép nhân (thông qua việc tính giá trị các biểu thức có chứa một chữ khi thay đổi bằng số)

HS thực hiện theo nhóm đôi :

Tính giá trị biểu thức :

$$38 \times a \text{ với } a = 16 ; 24 ; 38.$$

B**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**

Trong hoạt động thực hành, từng cá nhân giải quyết các bài tập nhằm thực hành, luyện tập về :

- Cách thực hiện phép nhân với số có hai chữ số (đặt tính, tính) ;
- Tính giá trị biểu thức có chứa một chữ khi thay chữ bằng số có hai chữ số ;
- Giải bài toán có lời văn có sử dụng phép nhân với số có hai chữ số.

HD 1. HS đặt tính rồi tính

25×64

537×46

2106×32

GV cho HS giải thích cách làm của mình.

HD 2. HS tính giá trị biểu thức $b \times 56$ với $b = 4 ; 40 ; 37 ; 370$.

GV chọn 2 giá trị của b, cho HS nêu cách tính và tính, qua đó rèn luyện kỹ năng nhân với số có 2 hoặc 3 chữ số.

HD 3. HS giải các bài toán có lời văn

a) Trái tim một người khoẻ mạnh bình thường mỗi phút đập khoảng 75 lần. Tính số lần đập của tim người đó trong 36 giờ.

b) Một cửa hàng bán 42kg gạo tẻ giá 18 000 đồng một ki-lô-gam và 35kg gạo nếp giá 25 000 đồng một ki-lô-gam. Hỏi cửa hàng đó thu được bao nhiêu tiền ?

GV gợi ý cho HS phát hiện ra phép tính cần thực hiện rồi tổ chức cho HS trình bày bài giải và trao đổi kết quả với bạn bên cạnh để cùng kiểm tra lại.

C**HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**

HS tự nghĩ ra trong thực tiễn, tình huống nào đó có sử dụng phép nhân với số có hai chữ số và thực hiện, viết phép tính vào vở.

DẠNG 3. KỸ THUẬT CHIA CHO SỐ CÓ MỘT (HAI, BA) CHỮ SỐ (TÍNH VIẾT)**1. Các hoạt động tự học chủ yếu**

Ở lớp 4, quá trình học kỹ thuật chia được tiến hành dần dần, trải qua 3 giai đoạn chính :

a) Chia cho số có một chữ số (kĩ thuật này thực chất đã được học ở lớp 3).

b) Chia cho số có hai chữ số (được chia nhỏ thành các trường hợp : chia số có ba chữ số cho số có hai chữ số ; chia số có bốn chữ số cho số có hai chữ số ; chia số có năm chữ số cho số có hai chữ số).

c) Chia cho số có ba chữ số

Trong quá trình này, đã lưu ý một số trường hợp đặc biệt sau : Chia hai số có tận cùng là các chữ số 0 ; thương có chữ số 0.

Khó khăn mà HS sẽ gặp là việc xác định thương ở mỗi bước chia. Để xác định được thương phù hợp, HS phải biết ước lượng và thử lại kết quả ước lượng.

Trong mỗi giai đoạn, các hoạt động học tập của HS bao gồm :

HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS về thực hiện các phép chia cho một số

Hoạt động khởi động thường được thực hiện dưới hình thức một trò chơi học tập. Có thể tổ chức cho HS chơi theo nhóm, chơi chung cả lớp,...

Hoạt động này nhằm tạo hứng thú học tập cho HS và huy động kinh nghiệm sẵn có của các em liên quan đến bài học. Chẳng hạn : khi học chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số thì cần huy động những kinh nghiệm của HS về chia số có bốn, năm chữ số cho số có một chữ số.

Các trò chơi phù hợp với loạt bài này thường được sử dụng như : "Ai nhanh, ai đúng" ; "Hái hoa toán học" ; "Ghép thẻ" ;...

HD 2. Hình thành kĩ thuật chia số có nhiều chữ số cho số có một (hai, ba) chữ số

Việc hình thành kĩ thuật chia được thực hiện thông qua một số dạng hoạt động sau :

- Nghe GV hướng dẫn cách đặt tính rồi tính.
- Thảo luận nhóm và nói cho bạn nghe cách đặt tính rồi tính.

Với hoạt động này, HS được trải nghiệm, thảo luận (với sự hướng dẫn của GV) để nắm được kĩ thuật chia cho số có một (hai, ba) chữ số, bao gồm hai bước :

+ *Đặt tính*

+ *Tính* : Thực hiện từ trái sang phải.

Lưu ý :

– Khi thực hiện phép chia số có nhiều chữ số cho số có một (hai, ba) chữ số, cần lưu ý HS rằng ở mỗi lần chia đều phải thực hiện lần lượt ba thao tác : "chia nhẩm", "nhân nhẩm" và "trừ nhẩm".

– Việc thực hiện các thao tác tính, trình bày phép chia ở từng giai đoạn cũng không hoàn toàn giống nhau :

+ *Giai đoạn chia cho số có một chữ số* : thực hiện thao tác trừ nhẩm trong mỗi lần chia (vì kĩ thuật này đã được HS làm quen ở lớp 3).

+ *Giai đoạn chia cho số có hai chữ số* :

Lúc đầu (với trường hợp : chia số có ba chữ số cho số có hai chữ số ; chia số có bốn chữ số cho số có hai chữ số) trong mỗi lần chia, viết tường minh phép trừ, chưa thực hiện trừ nhẩm. Đến khi thực hiện phép chia số có đến năm chữ số cho số có hai chữ số thì thực hiện thao tác trừ nhẩm trong mỗi lần chia.

+ *Giai đoạn chia cho số có ba chữ số* : thực hiện thao tác trừ nhẩm trong mỗi lần chia.

HD 3. Củng cố kĩ năng thực hiện phép tính chia

HS vận dụng trực tiếp kĩ thuật chia vừa học ; thực hiện đặt tính rồi tính trong trường hợp đơn giản.

2. Ví dụ minh họa

Bài 47. CHIA CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết :

- Thực hiện phép chia số có ba chữ số cho số có hai chữ số.
- Vận dụng phép chia cho số có hai chữ số vào giải toán.

A

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. HS chơi trò chơi "Ai nhanh, ai đúng" theo nhóm :

Một HS viết một phép tính chia, chẳng hạn : $3200 : 400 = ?$, để bạn nhẩm nhanh, nêu kết quả và giải thích cách làm. Các bạn khác trong nhóm làm trọng tài. HS trong nhóm đổi vai nhau cùng chơi.

Nhiều trường hợp HS khó nghĩ ra phép chia có thể thực hiện được (phép chia hết), GV có thể gợi ý cách ra "đề bài" như sau : xuất phát từ 1 phép chia trong bảng, chẳng hạn $24 : 6$, thêm cùng 1 (2, 3,...) chữ số 0 vào bên phải số bị chia và số chia, được phép chia mới, chẳng hạn $240 : 60$ và đó bạn nhắm nhanh kết quả của phép chia này.

Trò chơi này giúp HS củng cố lại kỹ năng thực hiện chia hai số có tận cùng là chữ số 0.

HD 2. Hình thành kỹ thuật chia số có ba chữ số cho số có hai chữ số

– Trước tiên HS làm việc theo nhóm : đọc và thực hiện theo từng bước (như trong khung). Các em có thể chỉ nắm được sơ bộ việc thực hiện phép chia cho số có hai chữ số theo 2 bước sau : đặt tính, tính.

Đặt tính và tính :

$$\begin{array}{r} 357 \quad | \quad 17 \\ \underline{34} \quad | \quad 21 \\ 17 \\ \underline{17} \\ 0 \end{array}$$

Em viết :

$$357 : 17 = 21$$

Chia theo thứ tự từ trái sang phải :

- 35 chia 17 được 2, viết 2.
2 nhân 7 bằng 14, viết 4 nhớ 1 ;
2 nhân 1 bằng 2, thêm 1 bằng 3, viết 3 ;
35 trừ 34 bằng 1, viết 1.
- Hạ 7, được 17 ;
17 chia 17 được 1, viết 1.
1 nhân 7 bằng 7, viết 7 ;
1 nhân 1 bằng 1, viết 1 ;
- 17 trừ 17 bằng 0, viết 0.

– Sau đó GV chốt lại cách thực hiện.

Cần lưu ý HS về cách xác định thương trong mỗi lần chia. Chẳng hạn, với phép chia $35 : 17$ (lần chia đầu), việc lựa chọn thương không dễ dàng. HS có thể chọn thương là 3 (lấy $3 : 1 = 3$), nhắm : $3 \times 17 = 51$, $51 > 35$ nên không được. Vậy phải giảm xuống, chọn thương là 2, thử lại thấy được. Tiếp tục thực hiện các thao tác nhân, rồi trừ.

Lưu ý : Giai đoạn học kỹ thuật chia cho số có một chữ số HS đã thực hiện thao tác trừ nhắm. Tuy nhiên, đây là bài đầu tiên HS làm quen với phép chia cho số có hai chữ số, vì vậy việc thực hiện phép trừ trong mỗi lượt chia vẫn được thể hiện một cách tường minh.

HD 3. Luyện tập, củng cố kỹ năng chia cho số có hai chữ số (trường hợp đơn giản)

HS hoạt động theo nhóm đôi, mỗi HS thực hiện phép tính rồi trao đổi kết quả với bạn.

Đặt tính rồi tính :

$$322 : 14$$

$$375 : 15$$



Trong hoạt động thực hành, từng cá nhân giải quyết các bài tập nhằm rèn luyện kỹ năng thực hiện phép chia số có ba chữ số cho số có hai chữ số (đặt tính, tính).

HD 1. Đặt tính rồi tính

a) $425 : 17$

b) $646 : 19$

c) $147 : 21$

d) $300 : 25$

Bài này nhằm củng cố kỹ thuật chia cho số có hai chữ số (trường hợp đơn giản).

GV cho HS làm bài vào vở, chú ý yêu cầu HS giải thích cách làm của mình.

HD 2. Tính rồi viết theo mẫu

Mẫu :

351		29
29		
—		
061		12
58		
—		
3		

$351 : 29 = 12$ (dư 3)

$$921 \begin{array}{|l} 27 \\ \hline \end{array}$$

$$578 \begin{array}{|l} 18 \\ \hline \end{array}$$

$$110 \begin{array}{|l} 18 \\ \hline \end{array}$$

$$172 \begin{array}{|l} 24 \\ \hline \end{array}$$

Hoạt động này nhằm rèn kỹ năng chia số có ba chữ số cho số có hai chữ số (trường hợp chia có dư). HS quan sát mẫu rồi làm bài vào vở.

HD 3. Nối phép tính với kết quả của phép tính đó (theo mẫu)

$$600 : 200$$

$$72 : 12$$

$$105 : 15$$

$$132 : 12$$

$$52 : 13$$

$$3$$

$$4$$

$$5$$

$$6$$

$$7$$

$$11$$

HS làm việc theo cặp : quan sát mẫu, nêu kết quả nói, HS luân phiên nhau nói phép tính.



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

HS giải bài toán và trình bày bài giải vào vở (có sự hỗ trợ của người thân, gia đình) :

Người ta xếp đều 240 bộ bàn ghế vào 15 phòng học. Hỏi mỗi phòng xếp được bao nhiêu bộ bàn ghế ?

Có thể khuyến khích HS tự nêu bài toán hoặc tình huống tương tự.

DẠNG 4. TÍNH NHẨM

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

Ngoài những trường hợp tính nhẩm HS đã làm quen ở các lớp trước, lên lớp 4, HS còn được rèn các kỹ năng tính nhẩm sau :

- Nhân với 10, 100, 1000, ... ;
- Chia cho 10, 100, 1000, ... ;
- Nhân số có hai chữ số với 11.

Các hoạt động học tập của HS bao gồm :

HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS về thực hiện các phép tính nhẩm

Hoạt động khởi động có thể được thực hiện dưới hình thức một trò chơi học tập. Hoạt động này nhằm tạo hứng thú học tập cho HS và huy động kiến thức, kinh nghiệm sẵn có của các em liên quan đến việc thực hiện các phép tính nhẩm đã học.

HD 2. Hình thành cách tính nhẩm

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm. HS trải nghiệm, thảo luận, hợp tác,... để giải quyết một tình huống cụ thể, qua đó hình thành được cách tính nhẩm.

HD 3. Luyện tập, củng cố kỹ năng tính nhẩm

HS vận dụng trực tiếp các "quy tắc" tính nhẩm vừa học ; thực hiện tính nhẩm trong một vài trường hợp đơn giản.

2. Ví dụ minh họa

Bài 40. GIỚI THIỆU NHÂN NHẨM SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI 11

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

- Em biết cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.
- Em biết giải toán có lời văn liên quan đến nhân số có hai chữ số với 11.

A

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS về thực hiện các phép tính nhẩm

HS hoạt động theo nhóm đôi :

a) Tính bằng hai cách : 36×11

b) Nói cho bạn cách làm của em.

Ở nội dung này, GV cho HS nêu lên được hai cách thực hiện phép tính : nhân trực tiếp, hoặc phân tích số 11 thành tổng $10 + 1$ rồi thực hiện phép nhân một số với một tổng.

HD 2. Hình thành cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11

a) $36 \times 11 = ?$

$$\begin{array}{r} 36 \\ \times 11 \\ \hline 36 \\ \hline 36 \\ \hline 396 \end{array}$$

$$36 \times 11 = 396$$

Hai tích riêng đều bằng 36. Khi cộng hai tích riêng, ta chỉ cần cộng hai chữ số của số 36 ($3 + 6 = 9$) rồi viết 9 vào giữa hai chữ số của 36.

Ta có cách nhẩm :

- 3 cộng 6 bằng 9 ;
- Viết 9 vào giữa hai chữ số của 36, được 396.

Trường hợp số có hai chữ số mà tổng các chữ số lớn hơn hoặc bằng 10 :

– GV nêu vấn đề, muốn thực hiện phép nhân 57×11 ta làm thế nào ?

b) $57 \times 11 = ?$

$$\begin{array}{r} 57 \\ \times 11 \\ \hline 57 \\ 57 \\ \hline 627 \end{array}$$

Ta có cách nhẩm :

- 5 cộng 7 bằng 12 ;
- Viết 2 vào giữa hai chữ số của 57, được 527, thêm 1 vào 5 của 527 được 627.

$$57 \times 11 = 627$$

– Sau đó GV chốt lại trước lớp cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11 (theo hai trường hợp).

HD 3. Củng cố kỹ năng nhân nhẩm số có hai chữ số với 11

HS thực hiện theo nhóm đôi : tính nhẩm và nói cách nhẩm của mình.

42×11

11×87

73×11

B

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

Trong hoạt động thực hành, từng cá nhân vận dụng cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11 vừa học để giải quyết các nhiệm vụ sau :

- Tìm số bị chia chưa biết trong phép chia.
- Giải bài toán có lời văn có sử dụng phép nhân số có hai chữ số với 11.

HD 1. HS thực hiện tìm x biết :

a) $x : 11 = 62$

b) $x : 11 = 94$

GV cho HS nêu lên cách tìm x và cách thực hiện phép tính.

HD 2. HS giải bài toán sau vào vở

Học sinh khối lớp Ba và khối lớp Bốn xếp thành các hàng, mỗi hàng 11 bạn. Học sinh khối lớp Ba xếp được 19 hàng, học sinh khối lớp Bốn xếp được 16 hàng. Hỏi cả hai khối lớp có tất cả bao nhiêu bạn ?

HS có thể giải bằng các cách khác nhau, chẳng hạn như sau :

Cách 1 : – Tính số HS của mỗi khối.

– Cộng số HS của hai khối.

Cách 2 : – Tính số hàng xếp được của cả hai khối.

– Tính số HS của hai khối.



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

HS vận dụng cách tính nhằm số có hai chữ số với 11 trong tình huống thực tiễn : giúp mẹ tính tiền đi chợ.

Mẹ em đi chợ mua 25kg khoai giá 11000 đồng một ki-lô-gam, mua 11kg gạo giá 24000 đồng một ki-lô-gam.

a) Không cần tính em nói cho mẹ biết số tiền mua khoai hay số tiền mua gạo nhiều hơn.

b) Em tính xem mẹ em mua khoai và mua gạo hết tất cả bao nhiêu tiền.

Sau đó các em có thể giải thích cho mọi người nghe cách làm của mình.

DẠNG 5. CÁC TÍNH CHẤT CỦA PHÉP TÍNH

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

Đến lớp 4, các tính chất của phép tính được trình bày một cách tường minh và được phát biểu dưới dạng khái quát, bao gồm :

– Tính chất giao hoán của phép cộng, phép nhân.

– Tính chất kết hợp của phép cộng, phép nhân.

– Tính chất nhân một số với một tổng (hiệu).

– Chia một tổng cho một số, chia một số cho một tích, chia một tích cho một số.

Khi học về tính chất của phép tính, HS trải qua các hoạt động học tập sau :

HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS về thực hiện các phép tính nhân, chia

Hoạt động này có thể được thực hiện dưới hình thức một trò chơi học tập. Hoạt động này nhằm tạo hứng thú học tập cho HS và khai thác kinh nghiệm sẵn có của các em liên quan đến thực hiện phép tính nhân, chia đã học.

HD 2. Nhận biết tính chất của phép tính

Hoạt động này thường được thực hiện theo nhóm. HS trải nghiệm, thảo luận, hợp tác,... để nắm được tính chất của phép tính.

HD 3. Luyện tập, củng cố tính chất vừa học

HS bước đầu được củng cố về các tính chất vừa học thông qua việc thực hiện một số nhiệm vụ đơn giản, vận dụng trực tiếp các tính chất.

2. Ví dụ minh họa

Bài 34. TÍNH CHẤT KẾT HỢP CỦA PHÉP NHÂN. NHÂN VỚI SỐ CÓ TẬN CÙNG LÀ CHỮ SỐ 0

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết :

- Tính chất kết hợp của phép nhân.
- Nhân với số có tận cùng là chữ số 0.

A

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. HS chơi trò chơi "Tính nhanh" theo nhóm :

Trên bàn đặt các thẻ, mỗi thẻ yêu cầu tính giá trị của biểu thức

(chẳng hạn $45 + 237 + 55 = \dots$; $85 + 36 + 15 = \dots$).

HS vận dụng tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng để tính bằng cách thuận tiện nhất. Từng em trong nhóm rút một thẻ và tìm cách tính nhanh kết quả, ghi vào chỗ chấm. Ai tính nhanh sẽ thắng cuộc.

Trò chơi này nhằm củng cố cho HS về tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng, chuẩn bị để các em tiếp nhận một tính chất tương tự : tính chất kết hợp của phép nhân.

HOẠT ĐỘNG 2. Nhận biết tính chất kết hợp của phép nhân

HS làm việc theo nhóm, thực hiện lần lượt các hoạt động nhỏ theo các phần a, b, c, d, để nhận biết được tính chất kết hợp của phép nhân.

a) Viết tiếp số thích hợp vào chỗ chấm trong bảng :

a	b	c	$(a \times b) \times c$	$a \times (b \times c)$
3	2	4	$(3 \times 2) \times 4 = \dots \times 4 = \dots$	$3 \times (2 \times 4) = 3 \times \dots = \dots$
5	3	2	$(\dots \times \dots) \times \dots = \dots \times \dots = \dots$	$\dots \times (\dots \times \dots) = \dots \times \dots = \dots$
2	10	3

b) So sánh giá trị của $(a \times b) \times c$ và của $a \times (b \times c)$

c) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp :

Ta thấy giá trị của $(a \times b) \times c$ và của $a \times (b \times c)$ luôn

Từ kết quả này, GV hướng dẫn HS phát biểu bằng lời rồi sau đó yêu cầu các em đọc nội dung phần d) :

Tính chất kết hợp của phép nhân



- Khi nhân một tích hai số với số thứ ba, ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ hai và số thứ ba.

$$(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$$

- **Chú ý :** Ta có thể tính giá trị của biểu thức dạng $a \times b \times c$ như sau :
 $a \times b \times c = (a \times b) \times c = a \times (b \times c)$

Lưu ý :

- Thông qua hoạt động trải nghiệm của HS :
- + Tính giá trị của biểu thức $(a \times b) \times c$ và $a \times (b \times c)$ khi thay chữ bởi số ;
- + So sánh giá trị hai biểu thức này ;
- + Rút ra nhận xét : Giá trị của hai biểu thức $(a \times b) \times c$ và $a \times (b \times c)$ luôn bằng nhau.

Các em đã nhận biết được tính chất kết hợp của phép nhân.

– Lưu ý HS : Tính chất này giúp ta chọn được cách làm thuận tiện nhất khi tính giá trị của biểu thức dạng $a \times b \times c$.

HĐ 3. Luyện tập, củng cố về tính chất kết hợp của phép nhân

HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện các bài tập thực hành củng cố tính chất kết hợp của phép nhân.

Viết số vào chỗ chấm cho thích hợp :

a) $(3 \times 5) \times 2 = 3 \times (\dots \times \dots)$

b) $(5 \times 2) \times 7 = \dots \times (2 \times 7)$

HĐ 4. Hình thành quy tắc nhân với số có tận cùng là 0

– GV cho HS đọc nội dung a) :

$$\begin{aligned} 15 \times 30 &= 15 \times (3 \times 10) \\ &= (15 \times 3) \times 10 \\ &= 45 \times 10 \\ &= 450. \end{aligned}$$

– Sau đó, GV hướng dẫn HS cách thực hiện phép nhân đó :

Thực hành

Ta đặt tính rồi tính như sau :

$$\begin{array}{r} 15 \\ \times 30 \\ \hline 450 \end{array}$$

- * Viết chữ số 0 vào hàng đơn vị của tích.
- * 3 nhân 5 bằng 15, viết 5 (vào bên trái 0) nhớ 1.
- * 3 nhân 1 bằng 3, thêm 1 bằng 4, viết 4 (vào bên trái 5).

– GV nêu tiếp vấn đề thứ hai : b) $230 \times 70 = ?$ Sau đó gợi ý cho HS nêu lên được cách thực hành tương tự như trường hợp a).

Thực hành

Ta đặt tính rồi tính như sau :

$$\begin{array}{r} 230 \\ \times 70 \\ \hline 16100 \end{array}$$

* Viết hai chữ số 0 vào hàng đơn vị và hàng chục của tích.

* 7 nhân 3 bằng 21, viết 1 (vào bên trái 0) nhớ 2.

* 7 nhân 2 bằng 14 thêm 2 bằng 16, viết 16 (vào bên trái 1).

B

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

Trong hoạt động này, HS luyện tập thực hành về vận dụng tính chất kết hợp (và giao hoán) của phép nhân thông qua thực hiện các bài tập với những dạng cụ thể sau :

- Nói hai biểu thức có giá trị bằng nhau ;
- Tính giá trị biểu thức bằng hai cách ;
- Tính bằng cách thuận tiện nhất ;
- Giải bài toán có lời văn bằng hai cách.

HĐ 1. Không thực hiện phép tính, HS nói hai biểu thức có giá trị bằng nhau :

$$234 \times 18$$

$$45 \times (27 \times 342)$$

$$14 \times (25 \times 7)$$

$$18 \times 234$$

$$(45 \times 27) \times 342$$

$$(14 \times 25) \times 7$$

GV chú ý cho HS giải thích kết quả nói được của mình.

HĐ 2. Tính bằng hai cách (theo mẫu) :

Mẫu : $3 \times 5 \times 2 = ?$

Cách 1 : $3 \times 5 \times 2 = (3 \times 5) \times 2 = 15 \times 2 = 30.$

Cách 2 : $3 \times 5 \times 2 = 3 \times (5 \times 2) = 3 \times 10 = 30.$

$$\begin{aligned} \text{a) } & 4 \times 5 \times 3 \\ & 2 \times 5 \times 4 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & 5 \times 2 \times 6 \\ & 7 \times 4 \times 5 \end{aligned}$$

HĐ 3. HS tính bằng cách thuận tiện nhất :

a)



$$\begin{aligned} & 17 \times 5 \times 2 \\ & 123 \times 20 \times 5 \\ & 50 \times 2 \times 41 \end{aligned}$$

b)

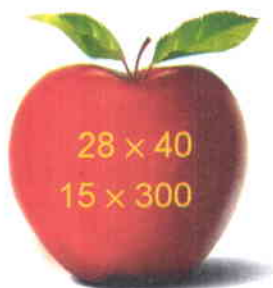


$$\begin{aligned} & 2 \times 36 \times 5 \\ & 50 \times 71 \times 2 \\ & 5 \times 7 \times 4 \times 2 \end{aligned}$$

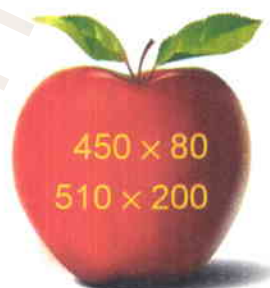
GV chú ý cho HS giải thích kết quả của mình.

HĐ 4. HS thực hiện đặt tính rồi tính :

a)



b)



HĐ 5. HS làm cá nhân, vận dụng tính chất kết hợp để giải bài toán sau bằng hai cách :

*Có 8 ô tô chở hàng. Mỗi ô tô chở 4 kiện hàng, mỗi kiện hàng chứa 25 ăm điện.
Hỏi 8 ô tô đó chở bao nhiêu ăm điện ?*

HS có thể làm theo hai cách như sau :

Cách 1 : – Tìm số kiện hàng 8 xe ô tô chở được.

– Tìm số ăm điện 8 xe ô tô chở được.

Cách 2 : – Tìm số ăm điện mỗi ô tô chở được.

– Tìm số ăm điện 8 xe ô tô chở được.

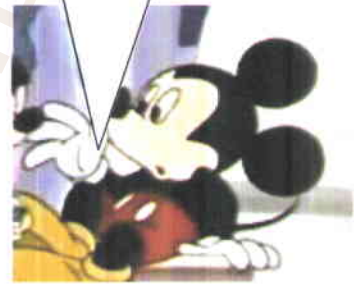
C

HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

Với sự hỗ trợ của bố mẹ, anh chị,... HS nhìn tranh, đặt đề toán rồi giải bài toán đó (Khuyến khích HS giải bài toán bằng hai cách) :



"Có 50 gói đường trong mỗi thùng".



Mỗi gói đường cân nặng 2kg.



CHỦ ĐỀ 4 : PHÂN SỐ

A. MỤC TIÊU

Giúp HS :

- Nhận biết khái niệm ban đầu về phân số. Phân số và phép chia số tự nhiên.
- Nhận biết phân số bằng nhau, tính chất cơ bản của phân số.
- Biết rút gọn phân số.
- Biết quy đồng mẫu số các phân số.
- Biết so sánh phân số (trường hợp có cùng mẫu số và trường hợp có mẫu số khác nhau).

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI CHỦ YẾU

Trước khi HS chính thức được học phân số ở lớp 4, việc dạy học phân số được chuẩn bị từ lớp 2 và lớp 3 ở hai nội dung sau :

+ Sau mỗi lần học một bảng chia 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 HS lại được làm quen (chủ yếu bằng hình ảnh trực quan) với $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}; \frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$. Với cách viết như trên, đọc là : "một phần hai", "một phần ba",....., "một phần chín" ; chưa giới thiệu tên gọi chung là "phân số", chưa giới thiệu "tử số", "mẫu số".

+ Sau khi học bài "Tìm một trong các phần bằng nhau của một số"-Toán 3, HS được phép sử dụng kiến thức này trong thực hành tính, giải toán có lời văn.

Đến lớp 4, HS mới chính thức được học phân số với các nội dung chủ yếu như sau :

DẠNG 1. PHÂN SỐ. PHÂN SỐ VÀ PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

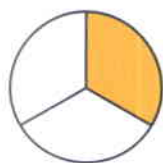
HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS

Thông qua trò chơi học tập tạo hứng thú cho HS đồng thời huy động những trải nghiệm, những kiến thức đã có của HS liên quan đến nội dung bài học.

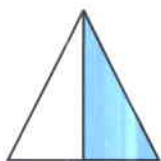
Ví dụ : Bài Phân số (Hướng dẫn học Toán 4, tập 2A)

Tổ chức trò chơi khởi động liên quan đến kiến thức về các phần bằng nhau của đơn vị $\frac{1}{2}, \frac{1}{3}, \frac{1}{4}, \frac{1}{5}, \frac{1}{6}, \frac{1}{7}, \frac{1}{8}, \frac{1}{9}$ mà HS đã được học ở lớp 2, ở lớp 3. Chẳng hạn : Trò chơi "ghép thẻ" – Bài 62, Hướng dẫn học Toán 4.

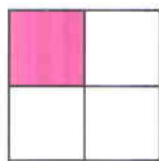
HS ghép các thẻ với các hình thích hợp :



$$\frac{1}{2}$$



$$\frac{1}{3}$$



$$\frac{1}{4}$$



$$\frac{1}{5}$$

Nói cho bạn nghe cách ghép thẻ của mình.

HD 2. HS hoạt động trải nghiệm, khám phá để nhận biết khái niệm ban đầu về phân số ; phân số và phép chia số tự nhiên

Hoạt động này gồm có :

- HS nhận biết khái niệm ban đầu về phân số.
- HS nhận biết cách đọc, cách viết phân số.
- HS nhận biết tử số, mẫu số của một phân số.
- HS nhận biết : mọi phép chia số tự nhiên đều tìm được kết quả hoặc là số tự nhiên hoặc là phân số.

- HS luyện tập thực hành nhận biết phân số, đọc viết phân số thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ như :

+ HS quan sát hình vẽ, tự viết, đọc phân số thích hợp với mỗi hình vẽ, tự nêu tử số, mẫu số của từng phân số. Chẳng hạn :

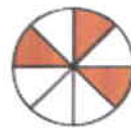
Viết rồi đọc phân số chỉ phần đã tô màu trong mỗi hình dưới đây :



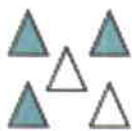
Hình 1



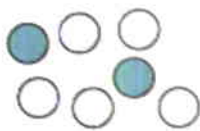
Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 5



Hình 6

+ Đọc các phân số và nêu tử số, mẫu số của các phân số : $\frac{3}{5}; \frac{2}{7}; \frac{4}{9}; \dots$

+ Viết phân số theo lời đọc : HS nghe đọc "năm phần sáu" và viết là $\frac{5}{6}$.

+ HS tự viết phân số bất kì, đọc và nêu tử số, mẫu số của từng phân số đó.

– HS thực hành luyện tập viết thương của phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên (khác 0) thành một phân số, tử số là số bị chia và mẫu số là số chia.

HD 3. Cũng cố khái niệm ban đầu về phân số ; phân số và phép chia số tự nhiên

Các hoạt động giúp HS củng cố trực tiếp kiến thức về phân số ; phân số và phép chia số tự nhiên có thể tổ chức như :

– Tổ chức trò chơi, chẳng hạn : Trò chơi vui học toán : Bạn A viết một phân số bất kì, bạn B đọc và nêu tử số, mẫu số của phân số.

– HS thực hiện một số ví dụ đơn giản.

– HS trả lời câu hỏi có cấu trúc tương tự với nội dung các em đã học. Chẳng hạn :

+ Có 2 cái bánh, chia đều cho 3 bạn. Hỏi mỗi bạn được mấy phần cái bánh ?

+ Có 3 quả cam, chia đều cho 4 bạn. Hỏi mỗi bạn được mấy phần quả cam ?

2. Ví dụ minh họa

Bài 62. PHÂN SỐ

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

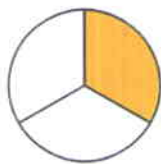
- Em nhận biết bước đầu về phân số. Biết phân số có tử số, mẫu số.
- Biết đọc, viết phân số.



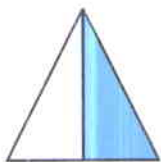
HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS

HS chơi trò chơi "Ghép thẻ" theo nhóm. Trò chơi này nhằm "khởi động" và huy động kiến thức đã có của HS về "phần bằng nhau của đơn vị".

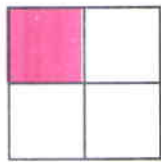
Ghép thẻ với các hình thích hợp :



$$\frac{1}{2}$$



$$\frac{1}{3}$$



$$\frac{1}{4}$$



$$\frac{1}{5}$$

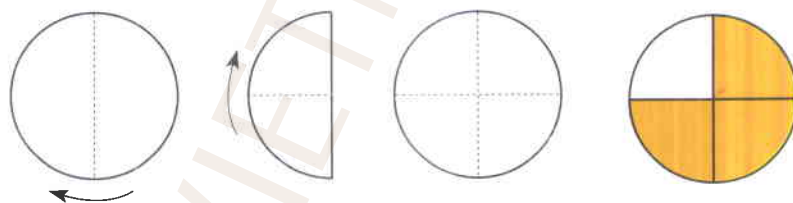
Có thể tổ chức trò chơi như sau : mỗi HS trong nhóm đều thực hiện ghép thẻ và nói với bạn cách ghép thẻ của mình. Các bạn khác trong nhóm có thể đặt câu hỏi cho người ghép thẻ. Nhóm trưởng có thể chỉ định thứ tự người ghép thẻ. Các bạn trong nhóm sẽ xác nhận kết quả là đúng hay sai.

GV có thể thay đổi nội dung của thẻ, số lượng thẻ, và hình thức tổ chức chơi.

HD 2. HS hoạt động trải nghiệm, khám phá để nhận biết khái niệm ban đầu về phân số

+ HS thực hiện các hoạt động trải nghiệm, thực hiện các thao tác bằng tay, nhận biết trực giác khái niệm ban đầu về phân số :

- + Lấy tờ giấy hình tròn.
- + Gấp thành 4 phần bằng nhau.
- + Tô màu vào 3 phần.



+ Em nói : Đã tô màu vào ba phần tư hình tròn.

+ Em viết : $\frac{3}{4}$. Em đọc : ba phần tư.

Lưu ý : Ở hoạt động này cần có đủ đồ dùng cho từng HS hoạt động.

– Phân tích rút ra kiến thức mới : HS đọc kỹ nội dung trong sách, thảo luận và nghe thầy/cô giáo hướng dẫn để nắm được nội dung :

• $\frac{3}{4}$ là phân số.

• Phân số $\frac{3}{4}$ có tử số là 3, mẫu số là 4.

$$\frac{3}{4} \leftarrow \begin{array}{l} \text{Tử số} \\ \text{Mẫu số} \end{array}$$

Mẫu số là số tự nhiên viết dưới gạch ngang. **Mẫu số** cho biết hình tròn được chia thành 4 phần bằng nhau.

Tử số là số tự nhiên viết trên gạch ngang. **Tử số** cho biết 3 phần bằng nhau đã được tô màu.

Có thể tổ chức hoạt động này như sau :

+ Nhóm trưởng điều hành các bạn trong nhóm đặt câu hỏi cho nhau, thảo luận về thông tin vừa tìm hiểu.

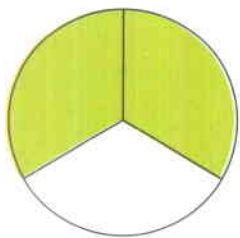
+ GV quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ để HS tự học tự phát hiện đúng yêu cầu của bài.

+ Đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung, phản biện, đặt câu hỏi cho nhóm trình bày.

+ GV nêu các kiến thức cơ bản của bài.

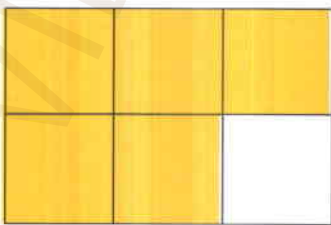
HD 3. Củng cố khái niệm ban đầu về phân số

a) HS thảo luận cách viết và đọc phân số chỉ phần đã tô màu trong mỗi hình dưới đây :



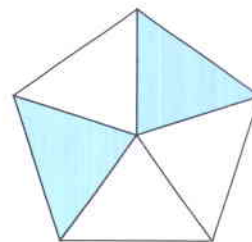
Viết : $\frac{2}{3}$

Đọc : hai phần ba



Viết : $\frac{5}{6}$

Đọc : năm phần sáu



Viết : $\frac{2}{5}$

Đọc : hai phần năm

b) Đọc kĩ nhận xét sau :

– HS đọc kĩ nhận xét sau : Mỗi phân số có tử số và mẫu số. Tử số là số tự nhiên viết trên gạch ngang. Mẫu số là số tự nhiên khác 0 viết dưới gạch ngang.

– Có thể tổ chức trò chơi để củng cố trực tiếp khái niệm ban đầu về phân số. Chẳng hạn : Trò chơi vui học toán : Bạn A viết một phân số bất kì, bạn B đọc và nêu tử số, mẫu số của phân số.

B HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

Trong hoạt động thực hành, từng cá nhân giải quyết các bài tập nhằm thực hành, luyện tập về :

- Nhận biết phân số, cách đọc, viết phân số.
- Xác định tử số và mẫu số của một phân số cho trước.
- Viết phân số khi biết tử số và mẫu số của phân số đó.

HĐ 1. Viết và đọc phân số

– Có thể cho HS viết các phân số và cách đọc phân số vào vở không cần vẽ hình kèm theo :



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 5



Hình 6

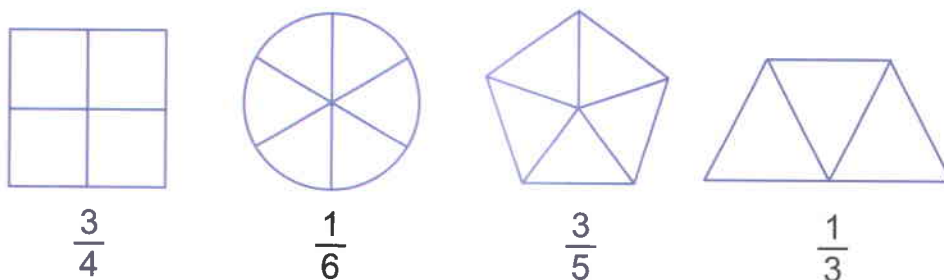
– Với bài này, có thể có hai phương án.

Phương án 1 : HS viết các phân số và cách đọc phân số vào vở không cần vẽ hình kèm theo.

Phương án 2 : HS có thể làm việc theo cặp, một em quan sát hình vẽ, viết phân số ra giấy rồi đọc phân số, bạn cùng cặp nhận xét, có thể đặt câu hỏi về tử số, mẫu số của phân số vừa viết. Chẳng hạn : Nêu tử số, mẫu số của phân số. Tử số cho biết gì ? Mẫu số cho biết gì ?

Khuyến khích HS nói cách làm với bạn.

Bài 1b) Ở những trường có điều kiện, GV cho HS tô màu vào phiếu học tập.



– Khuyến khích HS chọn màu, chọn phần để tô màu theo cách suy nghĩ riêng của mỗi em. Khuyến khích HS giới thiệu "sản phẩm" và nói cách làm với bạn.

HD 2. Viết (theo mẫu)

HS tự làm bài vào vở, không cần kẻ các ô như trong sách.

GV có thể hướng dẫn HS cách ghi vào vở mà không cần kẻ bảng. Chẳng hạn :

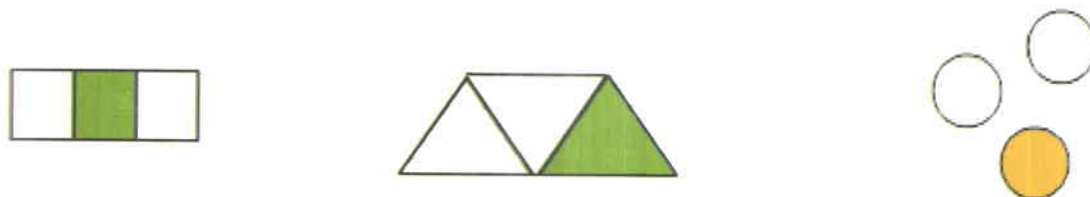
Dòng 1 : Phân số $\frac{4}{5}$ có tử số là 4, mẫu số là 5.

Dòng 2 : Phân số có tử số là 7, mẫu số là 9, đó là phân số $\frac{7}{9}$.

– Có thể tổ chức hoạt động kiểm tra và củng cố khái niệm ban đầu về phân số như sau :

HD 3. HS vẽ hình biểu diễn phân số vào vở

– Khuyến khích HS vẽ nhiều kiểu khác nhau. Chẳng hạn vẽ hình biểu diễn phân số $\frac{1}{3}$:



GV chọn một số sản phẩm khác nhau để trưng bày cho cả lớp xem và khuyến khích HS tích cực suy nghĩ để sáng tạo những cách biểu diễn phân số thú vị.

– Có thể tổ chức thành trò chơi : Bạn A vẽ hình biểu diễn một phân số, Bạn B viết và đọc phân số chỉ phần đã tô màu trong hình bạn A vừa vẽ.

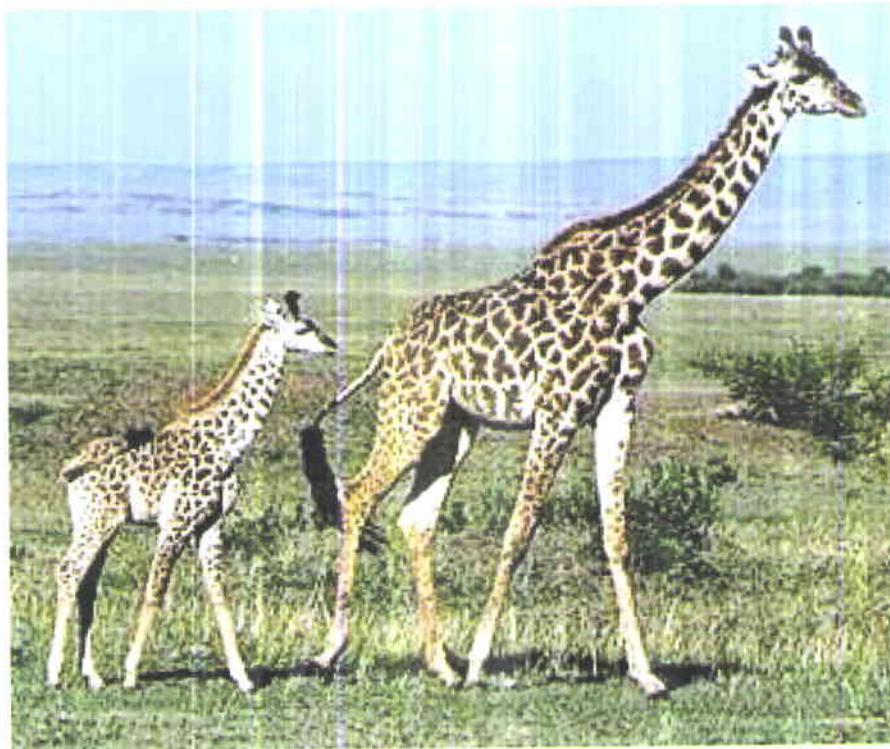


HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ trong phần hoạt động ứng dụng. Khuyến khích HS về nhà vẽ hình biểu diễn một phân số bất kì vào vở, viết và đọc phân số đó. Nói cho bố mẹ nghe trong phân số em vừa viết mẫu số cho biết gì ? Tử số cho biết gì ?

Hướng dẫn HS đọc thông tin về hươu cao cổ và nói với mọi người trong gia đình về những thông tin em đọc được trong ví dụ :

Hươu cao cổ có thể cao hơn 5m. Cổ của chúng cao khoảng $\frac{2}{5}$ chiều cao cơ thể.



Hoạt động này giúp HS vận dụng, liên hệ kiến thức đã học vào đời sống thực tiễn.

DẠNG 2. PHÂN SỐ BẰNG NHAU. RÚT GỌN PHÂN SỐ. QUY ĐỒNG MẪU SỐ

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS

Ví dụ : Bài *Rút gọn phân số* – Hướng dẫn học Toán 4

Muốn rút gọn phân số, HS phải sử dụng tính chất cơ bản của phân số để thực hiện các thao tác rút gọn. Tính chất cơ bản của phân số HS đã được học từ bài học trước vì vậy có trò chơi khởi động liên quan đến kiến thức về tính chất cơ bản của phân số như sau : Trò chơi "Đố bạn" :

– HS viết một phân số bất kì, chẳng hạn : $\frac{2}{3}$.

– Đố các bạn trong nhóm viết một phân số bằng phân số em vừa viết, chẳng hạn : $\frac{4}{6}$.

HD 2. HS hoạt động trải nghiệm, khám phá để phát hiện kiến thức về : Phân số bằng nhau. Rút gọn phân số. Quy đồng mẫu số hai phân số

Hoạt động này gồm các hoạt động chủ yếu như sau :

– HS nhận biết hai phân số bằng nhau thông qua các hoạt động trực quan như : gấp, tô màu, quan sát hình vẽ, nhận biết hai phân số bằng nhau dựa vào hình ảnh trực quan. Sau đó thông qua nhận xét, phân tích để HS nắm được kiến thức hai phân số bằng nhau và tính chất cơ bản của phân số.

– HS nhận biết các bước rút gọn phân số và các bước quy đồng mẫu số hai phân số thông qua các ví dụ cụ thể. HS thảo luận, suy nghĩ rút ra cách rút gọn phân số, cách quy đồng mẫu số hai phân số một cách khái quát hơn.

HD 3. củng cố trực tiếp tính chất cơ bản của phân số, cách rút gọn phân số và cách quy đồng mẫu số hai phân số

Ví dụ :

– Tổ chức trò chơi, chẳng hạn : Ở bài *Phân số bằng nhau* có thể cho HS chơi trò chơi "Ghép thẻ" : Ghép các thẻ có phân số bằng nhau.

– Thực hiện một số ví dụ đơn giản, tương tự. Chẳng hạn, ở bài *Rút gọn phân số* có thể tổ chức cho HS thực hiện ví dụ đơn giản trên bảng con :

Rút gọn các phân số sau :

$$\frac{2}{6} \quad ; \quad \frac{6}{9}$$

2. Ví dụ minh họa

Bài 65. PHÂN SỐ BẰNG NHAU

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết được tính chất cơ bản của phân số, phân số bằng nhau.

A

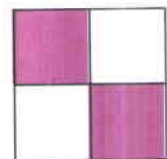
HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS

HS chơi trò chơi "Ghép thẻ" theo nhóm. Trò chơi này nhằm "khởi động" và huy động kiến thức đã có của HS về phân số, cách đọc viết phân số.

Chơi trò chơi "Đố bạn" (Theo cặp)

- Em vẽ hình biểu diễn một phân số bất kì, chẳng hạn hình bên.
- Em đố bạn viết và đọc phân số chỉ phần đã tô màu em vừa vẽ, chẳng hạn : $\frac{2}{4}$.
- Em và bạn đổi vai cùng chơi.

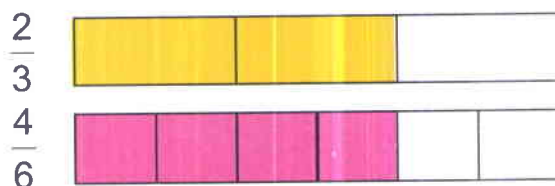


HD 2. HS hoạt động trải nghiệm, nhận ra sự bằng nhau của hai phân số và nhận biết tính chất cơ bản của phân số

- HS nhận ra sự bằng nhau của hai phân số dựa vào hình ảnh trực quan :
- + HS lấy hai băng giấy như nhau.

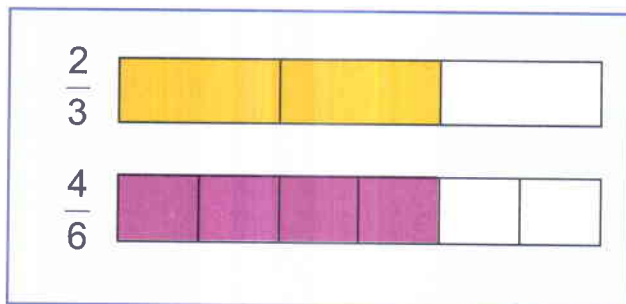
Chia băng giấy thứ nhất thành 3 phần bằng nhau. Tô màu vào $\frac{2}{3}$ băng giấy.

Chia băng giấy thứ hai thành 6 phần bằng nhau. Tô màu vào $\frac{4}{6}$ băng giấy.



+ HS dán hai băng giấy vào vở rồi so sánh phần đã tô màu của hai băng giấy.

+ Từng cặp so sánh phần đã tô màu của hai băng giấy của mình và thống nhất kết quả cả nhóm : $\frac{2}{3}$ băng giấy bằng $\frac{4}{6}$ băng giấy.



Ta có : $\frac{2}{3} = \frac{4}{6}$.

– HS nhận biết tính chất cơ bản của phân số thông qua việc nhận xét, phân tích ví dụ cụ thể.

Nhận xét :

$$\frac{2}{3} = \frac{2 \times 2}{3 \times 2} = \frac{4}{6} \quad \text{và} \quad \frac{4}{6} = \frac{4 : 2}{6 : 2} = \frac{2}{3}.$$

Tính chất cơ bản của phân số :

– Nếu nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số bằng phân số đã cho.

– Nếu cả tử số và mẫu số của một phân số cùng chia hết cho một số tự nhiên khác 0 thì sau khi chia ta được một phân số bằng phân số đã cho.

Ví dụ : $\frac{3}{4} = \frac{3 \times 5}{4 \times 5} = \frac{15}{20}$; $\frac{15}{20} = \frac{15 : 5}{20 : 5} = \frac{3}{4}$.

Thảo luận nhóm để hiểu tính chất cơ bản của phân số.

– Nhóm trưởng điều hành các bạn trong nhóm đặt câu hỏi cho nhau, thảo luận về nhận xét trên, tập trung vào tính chất cơ bản của phân số và ví dụ về tính chất cơ bản của phân số.

– GV quan sát các nhóm hoạt động, định hướng cho HS thảo luận, giúp HS tập trung vào kiến thức trọng tâm của bài.

– Đại diện một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung, phản biện, đặt câu hỏi cho nhóm trình bày.

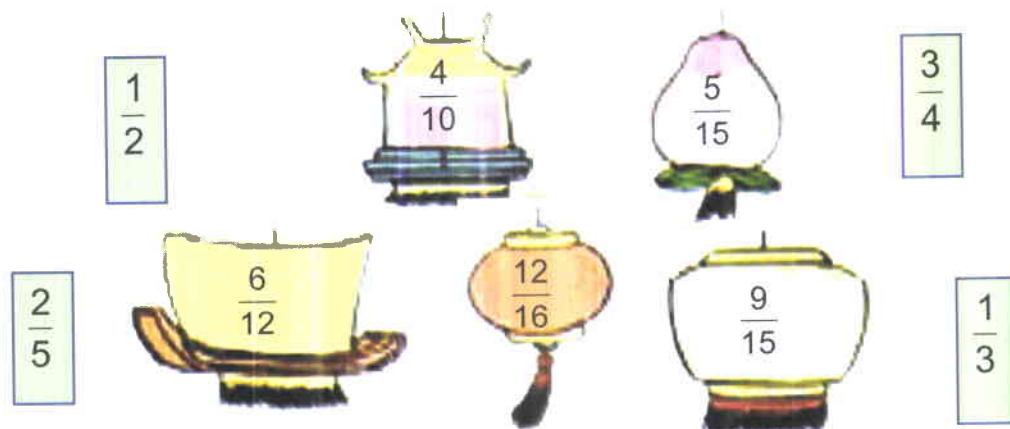
– GV nêu kiến thức cơ bản của bài.

HĐ 3. Củng cố tính chất cơ bản của phân số

– HS nêu tính chất cơ bản của phân số, lấy ví dụ minh họa.

– Củng cố trực tiếp bằng trò chơi :

Trò chơi "Ghép thẻ" : Ghép các thẻ với hình có phân số bằng nhau.



B HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

Trong hoạt động thực hành, từng cá nhân giải quyết các bài tập nhằm thực hành, luyện tập về phân số bằng nhau dựa vào tính chất cơ bản của phân số.

HĐ 1. Viết phân số thích hợp

– HS tự viết các phân số của từng hình vào vở rồi viết tiếp các phân số bằng nhau vào vở không cần vẽ hình kèm theo.

– HS trong nhóm kiểm tra chéo và hỗ trợ nhau khi làm bài.

HĐ 2. HS tự làm bài vào vở, rồi đổi vở chữa bài

HD 3. HS thảo luận để tìm số thích hợp viết vào ô trống

a) $\frac{3}{4} = \frac{\square}{8} = \frac{9}{\square}$

b) $\frac{2}{5} = \frac{4}{\square} = \frac{\square}{20}$

c) $\frac{4}{12} = \frac{\square}{6} = \frac{1}{\square}$

– Khuyến khích HS giải thích cách làm với bạn, cùng kiểm tra bài làm và giúp đỡ các bạn trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ.



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ trong phần hoạt động ứng dụng. Khuyến khích HS về nhà tìm ba phân số bằng phân số $\frac{1}{2}$ và viết vào vở. Giải thích cho bố mẹ nghe tại sao các phân số em tìm được lại bằng phân số $\frac{1}{2}$.

DẠNG 3. SO SÁNH CÁC PHÂN SỐ

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS

Ví dụ : Bài *So sánh hai phân số cùng mẫu số* – Hướng dẫn học Toán 4

Trò chơi "Ghép thẻ" nhằm tạo hứng thú và huy động kiến thức đã có của HS về "Phân số bằng nhau" : Ghép các cặp thẻ có phân số bằng nhau.

HD 2. HS hoạt động trải nghiệm, khám phá để phát hiện cách so sánh hai phân số

Hoạt động này gồm các hoạt động chủ yếu như sau :

– HS so sánh hai phân số dựa vào hình ảnh trực quan và rút ra nhận xét bước đầu về cách so sánh hai phân số trong ví dụ cụ thể.

Ghép các cặp thẻ có phân số bằng nhau, chẳng hạn :

$\frac{3}{12}$	$\frac{5}{25}$	$\frac{1}{10}$
$\frac{4}{6}$	$\frac{3}{15}$	$\frac{4}{16}$



– HS thực hiện các bước so sánh hai phân số thông qua ví dụ cụ thể. HS thảo luận, suy nghĩ rút ra các bước so sánh hai phân số bất kì.

HD 3. Củng cố bước đầu cách so sánh hai phân số cùng mẫu số, hai phân số khác mẫu số

Tổ chức các hoạt động giúp HS củng cố ngay cách so sánh hai phân số vừa học một cách linh hoạt phù hợp với đối tượng HS của lớp.

Ví dụ :

– Tổ chức cho các nhóm HS cử đại diện nêu cách so sánh hai phân số, tự lấy ví dụ minh họa.

– Tổ chức trò chơi : HS tự viết hai phân số cùng mẫu số bất kì, mời bạn khác trong lớp trả lời, nối tiếp thực hiện với nhiều bạn khác.

– Thực hiện ví dụ đơn giản, tương tự. GV nêu hai phân số, HS thực hiện so sánh hai phân số trên bảng con.

2. Ví dụ minh họa

Bài 71. SO SÁNH HAI PHÂN SỐ KHÁC MẪU SỐ

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết cách so sánh hai phân số khác mẫu số.



HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS thông qua trò chơi "Đố bạn"

a) Mỗi HS viết hai phân số cùng mẫu số rồi đố bạn trong nhóm so sánh hai phân số đó, nối tiếp nhau thực hiện.

b) Em viết một phân số bé hơn 1, em đố các bạn trong nhóm nối tiếp nhau viết các phân số bé hơn 1. Thi đua xem nhóm nào viết được nhiều phân số hơn.

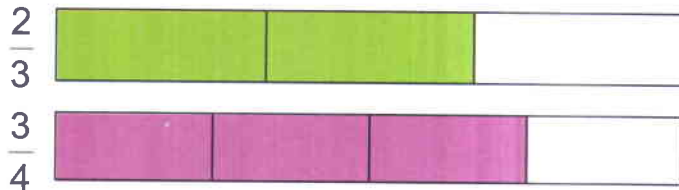
HD 2. HS hoạt động trải nghiệm, khám phá để phát hiện cách so sánh hai phân số khác mẫu số

– HS so sánh hai phân số $\frac{2}{3}$ và $\frac{3}{4}$ dựa vào hình ảnh trực quan :

HS lấy hai băng giấy như nhau.

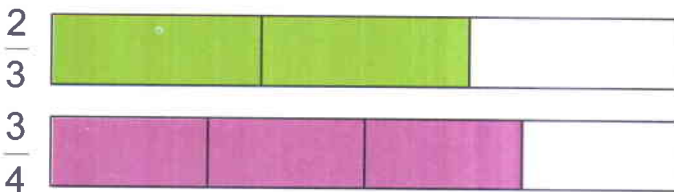
Chia băng giấy thứ nhất thành 3 phần bằng nhau. Tô màu vào $\frac{2}{3}$ băng giấy.

Chia băng giấy thứ hai thành 4 phần bằng nhau. Tô màu vào $\frac{3}{4}$ băng giấy.



HS so sánh phần đã tô màu của hai băng giấy.

Đặt hai băng giấy vừa tô màu cạnh nhau, so sánh xem phần đã tô màu của băng giấy nào dài hơn.



$\frac{2}{3}$ băng giấy
ngắn hơn $\frac{3}{4}$
băng giấy.



Ta có : $\frac{2}{3} < \frac{3}{4}$; $\frac{3}{4} > \frac{2}{3}$.

HS đọc kỹ nội dung nhận xét trong tài liệu Hướng dẫn học, thực hiện theo từng bước và thảo luận nhóm để rút ra cách so sánh hai phân số khác mẫu số.

Ta có thể so sánh hai phân số $\frac{2}{3}$ và $\frac{3}{4}$ như sau :

• Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{2}{3}$ và $\frac{3}{4}$:

$$\frac{2}{3} = \frac{2 \times 4}{3 \times 4} = \frac{8}{12} ; \quad \frac{3}{4} = \frac{3 \times 3}{4 \times 3} = \frac{9}{12}.$$

• So sánh hai phân số có cùng mẫu số $\frac{8}{12}$ và $\frac{9}{12}$:

$$\frac{8}{12} < \frac{9}{12} \text{ (vì } 8 < 9\text{)}.$$

• Kết luận : $\frac{2}{3} < \frac{3}{4}$.

Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số, ta có thể quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi so sánh các tử số của hai phân số mới.

– Nhóm trưởng điều hành các bạn trong nhóm đặt câu hỏi cho nhau, thảo luận về cách so sánh hai phân số khác mẫu số. Các bạn trong nhóm cùng thực hiện so sánh hai phân số $\frac{2}{3}$ và $\frac{3}{4}$ theo các bước :

+ Quy đồng mẫu số hai phân số ;

+ So sánh hai phân số cùng mẫu số.

– Đại diện một nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung, phản biện, đặt câu hỏi cho nhóm trình bày.

– GV nêu cách so sánh hai phân số khác mẫu số.

HĐ 3. Củng cố bước đầu cách so sánh hai phân số khác mẫu số

HS hoạt động theo cặp :

– Nói cách so sánh hai phân số khác mẫu số với bạn.

– So sánh hai phân số : $\frac{1}{2}$ và $\frac{2}{3}$.

B

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

Trong hoạt động thực hành, từng cá nhân giải quyết các bài tập nhằm thực hành, luyện tập về so sánh hai phân số khác mẫu số. Gồm các hoạt động :

- So sánh hai phân số khác mẫu số.
- Rút gọn và so sánh hai phân số khác mẫu số.
- So sánh hai phân số có cùng tử số.
- Viết các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn.

HD 1. HS thực hiện so sánh các phân số rồi viết vào vở

a) $\frac{3}{4}$ và $\frac{1}{3}$; b) $\frac{2}{5}$ và $\frac{3}{2}$; c) $\frac{7}{2}$ và $\frac{1}{4}$; d) $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{6}$.

– HS đổi vở chữa bài và cùng sửa sai cho nhau nếu có.

HD 2. HS thực hiện rút gọn và so sánh hai phân số rồi viết vào vở

a) $\frac{6}{10}$ và $\frac{4}{5}$; b) $\frac{3}{4}$ và $\frac{6}{12}$.

- HS thảo luận cách thực hiện.
- HS thực hiện rút gọn rồi so sánh hai phân số.
- Hướng dẫn HS cách ghi vở :

Rút gọn phân số $\frac{6}{10} = \frac{6:2}{10:2} = \frac{3}{5}$.

$\frac{3}{5} < \frac{4}{5}$; vậy $\frac{6}{10} < \frac{4}{5}$.

HD 3.

a) Đọc kĩ ví dụ trong sách và nói với bạn cách so sánh hai phân số có cùng tử số.
Nhớ quy tắc :

Trong hai phân số có cùng tử số :

- Phân số nào có mẫu số lớn hơn thì bé hơn.
- Phân số nào có mẫu số bé hơn thì lớn hơn.

b) HS thực hiện so sánh hai phân số có cùng tử số

$$\frac{2}{10} \text{ và } \frac{2}{7}$$

$$\frac{8}{11} \text{ và } \frac{8}{9}$$

$$\frac{10}{10} \text{ và } \frac{10}{7}$$

HD 4. HS thảo luận cách viết các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn rồi viết vào vở

a) $\frac{3}{5}; \frac{8}{5}; \frac{2}{5}$

b) $\frac{5}{2}; \frac{1}{6}; \frac{4}{3}$

– HS đổi vở chữa bài và cùng sửa sai cho nhau nếu có.

– GV có thể yêu cầu HS xếp các phân số theo thứ tự từ lớn đến bé.



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ trong phần hoạt động ứng dụng. Hướng dẫn HS về nhà trả lời các câu hỏi :

1. Hoa ăn $\frac{3}{8}$ cái bánh, Dũng ăn $\frac{2}{5}$ cái bánh. Hỏi ai ăn nhiều bánh hơn ? Tại sao ?

2. Với hai số tự nhiên 4 và 5, hãy viết :

a) Phân số bé hơn 1 ;

b) Phân số lớn hơn 1.

CHỦ ĐỀ 5 : CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ

A. MỤC TIÊU

Giúp HS :

- Biết thực hiện phép cộng hai phân số cùng mẫu số, hai phân số khác mẫu số, cộng một phân số với một số tự nhiên.
- Biết thực hiện phép trừ hai phân số cùng mẫu số, hai phân số khác mẫu số, trừ một số tự nhiên cho một phân số, trừ một phân số cho một số tự nhiên.
- Biết thực hiện phép nhân hai phân số, nhân một phân số với một số tự nhiên.
- Biết thực hiện phép chia hai phân số (bằng cách nhân phân số thứ nhất với phân số thứ hai "đảo ngược"), chia phân số trong trường hợp phép chia đó có số chia là số tự nhiên.
- Biết tính giá trị của biểu thức các phân số theo các quy tắc như đối với số tự nhiên.
- Biết tìm một thành phần chưa biết trong phép tính (như đối với số tự nhiên).

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI CHỦ YẾU

DẠNG 1. PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ PHÂN SỐ

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HS học phép cộng, phép trừ phân số tương tự nhau : Cộng (trừ) hai phân số cùng mẫu số rồi đến cộng (trừ) hai phân số khác mẫu số.

HD 1. Khởi động, tạo hứng thú, khai thác kinh nghiệm về phân số

GV tổ chức các trò chơi hoặc ôn luyện kiến thức liên quan đến phân số : viết phân số, ghép thẻ phân số, cộng hai phân số, trừ hai phân số ... Chẳng hạn như để khởi động bài *Phép cộng phân số (cùng mẫu số hoặc khác mẫu số)* có thể có trò chơi "Đố bạn" : Em viết hai phân số cùng mẫu số rồi đố bạn cộng hai phân số đó. Em và bạn đổi vai cùng chơi. GV có thể linh hoạt chọn và thay đổi trò chơi tạo hứng thú, phát huy tính tích cực của HS.

HD 2. Khám phá về cách thực hiện cộng (trừ) hai phân số

GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm, đọc ví dụ, hỏi nhau và nghe nhau trả lời câu hỏi, nêu phép tính cần tìm, thảo luận cách tính, cùng nhau thực hiện phép tính.

Sau đó cùng đọc nội dung quy tắc cộng (trừ) hai phân số (cùng mẫu số hoặc khác mẫu số), nói cho nhau nghe về cách cộng (trừ) hai phân số (cùng mẫu số hoặc khác mẫu số) và thực hành một ví dụ cụ thể về cộng (trừ) hai phân số (cùng mẫu số hoặc khác mẫu số) để củng cố trực tiếp phép tính vừa học. Chẳng hạn như, trong bài 72. Phép cộng phân số (khác mẫu số), tiếp theo hoạt động "Khởi động" là các hoạt động trong bài 2 và bài 3 của *Hoạt động cơ bản*. GV quan sát các nhóm làm việc, hỗ trợ nếu cần thiết, quan tâm đến một số HS còn lúng túng (nếu có) trong các nhóm.

HD 3. Thực hành làm các bài tập luyện tập trực tiếp phép tính vừa học và bài tập bước đầu vận dụng phép tính vừa học

Tổ chức cho HS làm việc cá nhân. GV cần khuyến khích HS tự kiểm tra bài làm của mình hoặc nhận xét, góp ý, sửa chữa, đánh giá bài làm của bạn, báo cáo GV. Chẳng hạn như trong bài 1, bài 2 của *Hoạt động thực hành* bài 73. Phép cộng phân số.

2. Ví dụ minh họa

Bài 73. PHÉP TRỪ PHÂN SỐ

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết trừ hai phân số có cùng mẫu số.



HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

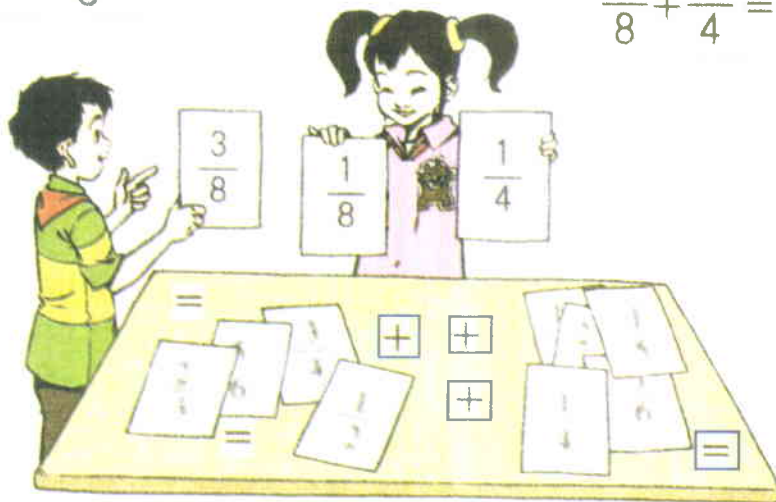
HD1. HS chơi trò chơi theo nhóm

Chơi trò chơi "Ghép thẻ".

Ghép các thẻ viết phân số để được các phép tính đúng :

$$\frac{3}{8}$$

$$\frac{1}{8} + \frac{1}{4} = \frac{3}{8}$$



Ghi lại các phép tính nhóm em ghép được.

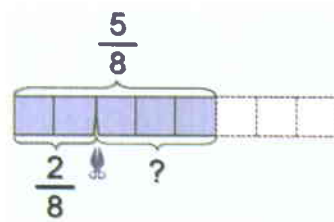
Nhóm nào ghép được nhiều phép tính đúng nhất là nhóm thắng cuộc.

GV có thể linh hoạt chọn và thay đổi trò chơi tạo hứng thú, phát huy tính tích cực của HS.

HĐ 2. HS thực hiện các hoạt động khám phá cách thực hiện trừ phân số

a) Thảo luận với bạn cách giải bài toán sau :

Từ $\frac{5}{8}$ băng giấy màu, lấy $\frac{2}{8}$ băng giấy để cắt chữ. Hỏi còn lại bao nhiêu phần của băng giấy ?



b) Đọc hướng dẫn sau :

Ta phải thực hiện phép tính : $\frac{5}{8} - \frac{2}{8}$.

Ta có : $\frac{5}{8} - \frac{2}{8} = \frac{5-2}{8} = \frac{3}{8}$.

c) Đọc kĩ nội dung sau và nghe thầy/cô giáo hướng dẫn :

Muốn trừ hai phân số có cùng mẫu số, ta lấy tử số của phân số thứ nhất trừ đi tử số của phân số thứ hai và giữ nguyên mẫu số.

$$\text{Ví dụ: } \frac{5}{7} - \frac{3}{7} = \frac{5-3}{7} = \frac{2}{7}.$$

HD 3. HS củng cố ngay kiến thức vừa học

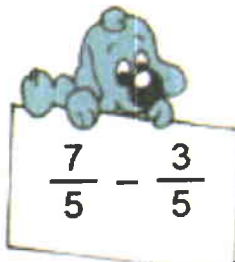
- Nói cách trừ hai phân có cùng mẫu số với bạn, nêu ví dụ minh họa.
- Em viết hai phân số cùng mẫu số rồi để bạn trừ hai phân số đó.


B

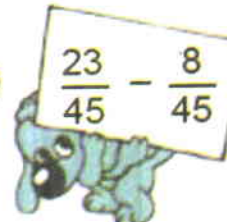
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

HD 1. HS thực hành trừ hai phân số cùng mẫu số

Tính :

a)  $\frac{7}{5} - \frac{3}{5}$

b)  $\frac{13}{6} - \frac{11}{6}$

c)  $\frac{23}{45} - \frac{8}{45}$

HD 2. HS vận dụng thực hành về rút gọn rồi trừ hai phân số cùng mẫu số

a) $\frac{4}{5} - \frac{3}{15}$

b) $\frac{5}{6} - \frac{4}{24}$

HS đổi vở và cùng bạn chữa bài.



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

GV hướng dẫn một số HS làm ở lớp hoặc về nhà làm cùng người lớn :

1. Nói cho bố mẹ nghe cách trừ hai phân số có cùng mẫu số.
2. Lấy ba ví dụ về trừ hai phân số có cùng mẫu số, tính rồi viết vào vở.

DẠNG 2. PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA PHÂN SỐ

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HD 1. Khởi động, tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS về phân số

GV tổ chức các trò chơi hoặc ôn luyện kiến thức liên quan đến phân số tạo hứng thú, phát huy tính tích cực của HS.

HD 2. Khám phá cách thực hiện nhân (chia) hai phân số

GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm, đọc ví dụ, hỏi nhau và nghe nhau trả lời câu hỏi, nêu phép tính cần tìm ; quan sát hình vẽ, hỏi hoặc trả lời câu hỏi. Sau đó cùng đọc nội dung quy tắc ; thực hành một ví dụ cụ thể để củng cố trực tiếp phép tính vừa học, nói cho nhau nghe về cách làm và đổi vở chữa bài cho nhau ; báo cáo GV. Chẳng hạn như, trong các bài tập 1 – 5 phần *Hoạt động cơ bản* của bài 78. Phép nhân phân số.

HD 3. HS thực hành làm các bài tập luyện tập trực tiếp phép tính vừa học và bài tập bước đầu vận dụng phép tính vừa học

Tổ chức cho HS làm việc cá nhân. GV cần khuyến khích HS tự kiểm tra bài làm của mình hoặc nhận xét, góp ý, sửa chữa, đánh giá bài làm của bạn, báo cáo GV ; GV chú ý hỗ trợ nhóm hoặc HS còn lúng túng trong các nhóm. Chẳng hạn như HS làm các bài tập 1 – 4 trong *Hoạt động thực hành* của bài 78. Phép nhân phân số.

2. Ví dụ minh họa

Bài 81. PHÉP CHIA PHÂN SỐ

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết :

- Thực hiện phép chia hai phân số.
- Tìm thành phần chưa biết trong phép nhân, phép chia.

A

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HĐ1. HS làm việc theo nhóm để khám phá cách chia hai phân số

a) Em và bạn cùng đọc :

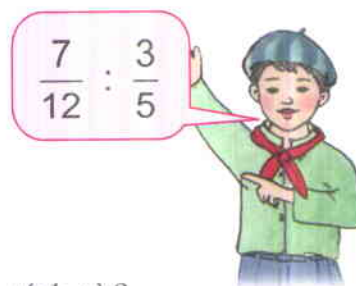
Ví dụ : Hình chữ nhật ABCD có diện tích $\frac{7}{12}m^2$,

chiều rộng $\frac{3}{5}m$. Tính chiều dài của hình chữ nhật ABCD.

b) Em hỏi, bạn trả lời :

Để tính chiều dài hình chữ nhật trên ta phải thực hiện phép tính gì ?

c) Em và bạn cùng đọc nội dung sau :



Để thực hiện phép chia hai phân số ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.

Phân số $\frac{5}{3}$ gọi là **phân số đảo ngược** của phân số $\frac{3}{5}$.

$$\text{Ví dụ : } \frac{7}{12} : \frac{3}{5} = \frac{7}{12} \times \frac{5}{3} = \frac{35}{36}.$$

HĐ 2. HS làm việc nhóm, thực hành một số bài tập để củng cố trực tiếp về phân số đảo ngược và chia phân số. GV lưu ý theo dõi, quan sát, giúp đỡ các nhóm hoặc HS còn lúng túng khi tự học và làm bài tập thực hành trực tiếp về phân số đảo ngược và chia phân số.

a) Em và bạn cùng viết phân số đảo ngược của mỗi phân số sau vào vở :

$$\frac{3}{7}; \frac{5}{9}; \frac{1}{4}.$$

b) Em và bạn đổi vở chữa bài cho nhau.

HĐ 3. Em và bạn cùng tính :

$$\frac{2}{5} : \frac{3}{7}; \quad \frac{7}{4} : \frac{5}{9}; \quad \frac{1}{5} : \frac{1}{4}$$

Nói cho bạn nghe cách làm.

Em và bạn đổi vở chữa bài cho nhau.



HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

HĐ 1. Em và bạn cùng tính :

$$\begin{array}{ll} \frac{6}{35} : \frac{3}{7}; & \frac{6}{35} : \frac{2}{5}; \\ \frac{1}{20} : \frac{1}{5}; & \frac{1}{20} : \frac{1}{4}. \end{array}$$

Em và bạn đổi vở chữa bài cho nhau.

HĐ 2. HS tự làm bài tập vào vở. GV quan sát, kiểm tra các nhóm làm việc, hoặc hỗ trợ nhóm, HS còn lúng túng

Tính rồi rút gọn :

$$\begin{array}{lll} \text{a) } \frac{4}{5} : \frac{4}{7}; & \text{b) } \frac{3}{4} : \frac{5}{8}; & \text{c) } \frac{9}{5} : \frac{3}{10}; \\ \text{d) } \frac{1}{6} : \frac{1}{3}; & \text{e) } \frac{1}{9} : \frac{1}{6}; & \text{g) } \frac{1}{2} : \frac{1}{4}. \end{array}$$

HĐ 3. Tìm x :

$$\text{a) } \frac{3}{4} \times x = \frac{5}{7}; \quad \text{b) } \frac{1}{7} : x = \frac{1}{4}.$$

HĐ 4. Tính :

$$\text{a) } \frac{3}{5} \times \frac{5}{3}; \quad \text{b) } \frac{5}{9} \times \frac{9}{5}; \quad \text{c) } \frac{1}{3} \times \frac{3}{1}.$$

HD 5. Giải các bài toán

a) Một hình chữ nhật có diện tích $\frac{5}{7} \text{ m}^2$, chiều rộng $\frac{3}{5} \text{ m}$. Tính chiều dài hình chữ nhật đó.

b) Một hình bình hành có diện tích $\frac{4}{7} \text{ m}^2$, chiều cao $\frac{4}{7} \text{ m}$. Tính độ dài đáy hình bình hành đó.

HS đổi vở chữa bài cho nhau.



Em điền các phân số vào chỗ chấm cho phù hợp rồi giải bài toán :

Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài ... m và diện tích ... m^2 . Tính chiều rộng của mảnh vườn hình chữ nhật đó.

CHỦ ĐỀ 6 : ĐẠI LƯỢNG VÀ ĐO ĐẠI LƯỢNG

A. MỤC TIÊU

Giúp HS :

- Nhận biết được tên gọi, kí hiệu, độ lớn của yến, tạ, tấn, đề-ca-gam, héc-tô-gam. Đọc, viết đúng các số đo khối lượng theo đơn vị đã học.
- Nhận biết thứ tự các đơn vị đo trong bảng đơn vị đo khối lượng ; biết quan hệ giữa các đơn vị đo liền kề trong bảng đơn vị đo khối lượng.
- Có kĩ năng chuyển đổi và thực hiện đúng các phép tính với số đo khối lượng theo các đơn vị đo : yến, tạ, tấn, ki-lô-gam,...
- Nhận biết đơn vị đo thời gian : giây, thế kỉ. Biết mối quan hệ giữa phút và giây, thế kỉ và năm.
- Biết xác định một năm cho trước thuộc thế kỉ nào, biết xem lịch để xác định được số ngày của từng tháng trong năm (năm nhuận và năm không nhuận).
- Có kĩ năng chuyển đổi số đo thời gian theo đơn vị đo ngày, giờ, phút, giây.
- Nhận biết tên gọi, kí hiệu của các đơn vị đo diện tích đề-xi-mét vuông, mét vuông, ki-lô-mét vuông. Đọc, viết đúng các số đo theo đơn vị đã học.
- Biết được mối quan hệ giữa các đơn vị đo như : Ki-lô-mét vuông với mét vuông ; giữa mét vuông với đề-xi-mét vuông.
- Bước đầu biết chuyển đổi và thực hiện đúng các phép tính với số đo diện tích theo các đơn vị đo đã học.

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI CHỦ YẾU

DẠNG 1 : CÁC BÀI VỀ KHỐI LƯỢNG

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HD 1. Khởi động tạo hứng thú

Ôn lại các đơn vị đo khối lượng gần nhất có liên quan và tiếp cận với tình huống xuất hiện các đơn vị mới, làm quen với đơn vị mới một cách chưa chính thức.

Chú ý : Các trò chơi được giới thiệu có tính chất gợi ý để GV tham khảo tiện sử dụng ; nếu thấy chưa thật phù hợp với điều kiện dạy học thì có thể thay đổi nhưng đảm bảo về ý tưởng.

HD 2. Chính xác hoá tên gọi ; kí hiệu và quan hệ của đơn vị đo khối lượng mới với các đơn vị đo khối lượng đã biết

Chú ý : HĐ này thường để HS tự đọc, tự nói cho nhau nghe ; tuy nhiên nếu thấy cần thiết GV cũng nên chốt lại ngắn gọn rõ ràng để HS hiểu chắc chắn trước khi thực hành.

HĐ 3. Củng cố trực tiếp kiến thức mới : biểu tượng, ý nghĩa thực tiễn của đơn vị đo mới vừa học. Đọc, viết số đo có đơn vị đo khối lượng vừa học.

Thông thường hoạt động này có thể thực hiện như một trò chơi ; hoặc thông qua một tình huống để HS thấy rõ ý nghĩa thiết thực của đơn vị mới.

2. Ví dụ minh họa

Bài 10. YẾN, TẠ, TẤN

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết :

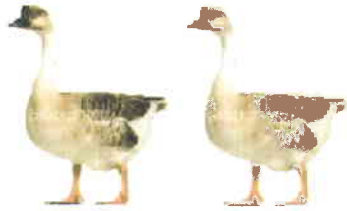
- Các đơn vị đo khối lượng yến, tạ, tấn ;
Mối quan hệ của yến, tạ, tấn với ki-lô-gam.
- Chuyển đổi được số đo có đơn vị yến, tạ, tấn và ki-lô-gam.
- Thực hiện phép tính với các số đo : yến, tạ, tấn.

A

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HĐ 1. Khởi động và trải nghiệm ôn lại về đơn vị đo ki-lô-gam, tiếp cận các đơn vị mới : yến ; tạ ; tấn một cách chưa chính thức với các số đo hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam. Chẳng hạn :

1. *Khởi động :* Ghi ra nháp kết quả cần điền vào chỗ chấm (theo mẫu) :



Mỗi con ngỗng cân nặng 5kg.

Hai con ngỗng cân nặng kg.



Mỗi túi gạo cân nặng 5kg.

Hai túi gạo cân nặng kg.



Mỗi bao xi măng cân nặng 50kg.

Hai bao xi măng cân nặngkg.



200kg

Mỗi con cá mập cân nặng 200kg.

Năm con cá mập cân nặngkg.

HD 2. Chính xác hoá tên gọi ; kí hiệu và quan hệ. Chẳng hạn : HS có thể tự đọc hoặc cùng đọc cho nhau nghe rồi tự nói lại kết quả đọc :

2. Đọc kĩ nội dung sau :

Để đo khối lượng các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam, người ta thường dùng những đơn vị : yến ; tạ ; tấn.

1 yến = 10kg

1 tấn = 10 tạ

1 tạ = 10 yến

1 tấn = 1000kg

1 tạ = 100kg



Cái cân bàn điện tử

HD 3. Cùng cố trực tiếp biểu tượng, ý nghĩa thực tiễn của đơn vị đo ; đọc, viết số đo có đơn vị mới với yêu cầu làm việc nhóm đôi :

3. Thảo luận để chọn : "2 yến" ; "2 tạ" hoặc "2 tấn" viết vào chỗ chấm cho thích hợp :



Con bò cân nặng ;

Con voi cân nặng ;

Con chó cân nặng

B

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

HD 1. Thực hành đọc, viết, đổi số đo theo đơn vị mới ; củng cố mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng.

HD 2 và 3. Thực hành tính và giải toán có liên quan đến đơn vị đo khối lượng vừa học.

Chú ý :

1. Với các bài tập 1, 2, nếu HS viết khá nhanh thì GV nên yêu cầu ghi cả đề bài hoàn chỉnh khi điền số. Sau khi đã có các kết quả đúng, GV nên yêu cầu một số HS giải thích một số kết quả điền. Chẳng hạn : Vì sao có kết quả 7 yến = 70kg ? Hoặc em làm thế nào để có kết quả : 3 yến 7kg = 37kg.

2. Đối với bài tập 2, HS còn yếu dễ bỏ quên tên đơn vị trong kết quả tính. Vì vậy GV cần chú ý hướng dẫn HS phát hiện và tự sửa lỗi (nếu có).

3. Đối với bài tập 3, chỉ cần HS ghi tóm tắt và bài giải vào vở. Trong bài giải, trước khi thực hiện hai bước tính cần thực hiện một bước đổi số đo có đơn vị tấn ra số đo có đơn vị tạ. Đáp số : 45 tạ.



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

Tùy thuộc vào các hoạt động sản xuất cụ thể ở địa phương mà GV gợi ý cho HS theo ý tưởng đã nêu. Chẳng hạn ở địa phương không trồng lúa mà trồng hồ tiêu, hạt điều hoặc cà phê... thì đương nhiên chúng ta không nên giữ nguyên gợi ý (1) (nêu trong phần *Hoạt động ứng dụng*) mà phải chuyển sản lượng lúa thành hồ tiêu ; hạt điều hoặc cà phê...

DẠNG 2 : CÁC BÀI VỀ ĐẠI LƯỢNG THỜI GIAN

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

Nhìn chung về các đại lượng khác nhau thì các hoạt động tự học có nội dung đặc thù riêng, tuy nhiên cấu trúc chung của các bài về đại lượng đã đảm bảo tính nhất quán trong toàn mạch kiến thức cũng như trong mỗi lớp. Vì vậy với bài về thời gian ở tài liệu Hướng dẫn học Toán 4 (Giấy – Thê ki) cũng gồm các hoạt động tương tự với các bài về đại lượng thời gian đã trình bày trong Tài liệu hướng dẫn giáo viên Toán 2 và Toán 3. Cụ thể như sau :

HĐ 1. Khởi động tạo hứng thú

Ôn lại các đơn vị đo thời gian đã học và mối quan hệ giữa chúng, từ đó gợi vùng kiến thức gần nhất để tiếp tục đặt vấn đề hình thành đơn vị đo mới.

HĐ 2. Làm quen với đơn vị đo thời gian mới và quan hệ với đơn vị đo đã biết

Chú ý : Đối với đại lượng thời gian khi hình thành đơn vị đo mới, HS khó có thể tự phát hiện dựa vào kinh nghiệm thực tế ; vì vậy cần yêu cầu các em đọc nội dung đã cung cấp, sau đó GV có thể chốt lại thật ngắn gọn để giúp HS nhận biết chắc chắn.

HĐ 3. củng cố trực tiếp kiến thức mới

Biểu tượng, ý nghĩa thực tiễn của đơn vị đo mới vừa học. Hoạt động này thực hiện như một trò chơi để HS thấy rõ ý nghĩa thiết thực của đơn vị mới.

2. Ví dụ minh họa

Bài 12. GIÂY – THẾ KỈ

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết :

- Đơn vị đo thời gian : giây, thế kỉ.
- Mối quan hệ giữa phút và giây, thế kỉ và năm.
- Xác định một năm cho trước thuộc thế kỉ nào.
- Số ngày của từng tháng trong năm, số ngày của năm nhuận và năm không nhuận.
- Chuyển đổi được đơn vị đo giữa ngày, giờ, phút, giây.

A

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. Khởi động kiến thức đã có về các đơn vị đo thời gian : Ngày, giờ, phút, tháng, năm

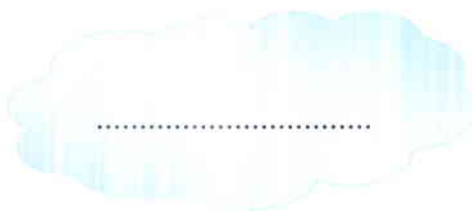
Chú ý : Vì HS không được viết vào tài liệu nên GV có thể phô tô hình ảnh đồng hồ có trong bài để các nhóm hoặc cá nhân điền ngay kết quả cho tiện việc kiểm soát. Chẳng hạn, có thể phô tô nội dung sau để các nhóm tiện viết kết quả đọc giờ và điền vào chỗ chấm :

1. HS chơi trò chơi : "Ai đọc giờ chính xác"

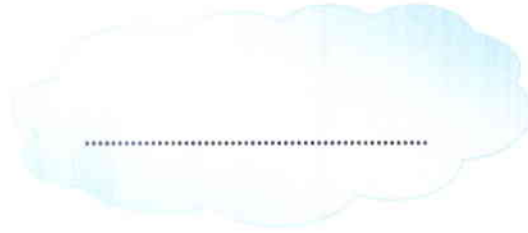
a)



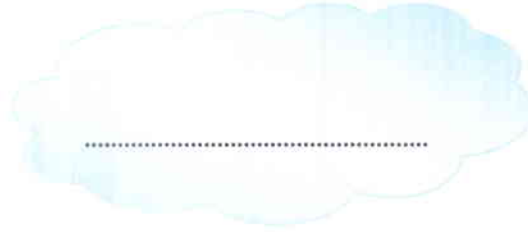
b)



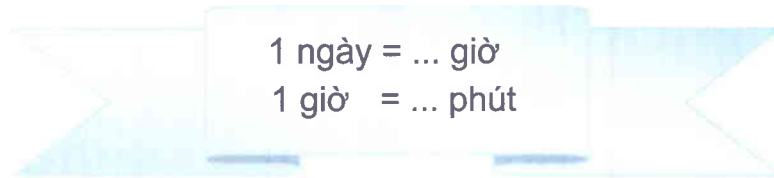
c)



d)



2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm



HĐ 2. Làm quen với đơn vị đo thời gian mới : giây, thế kỉ và quan hệ với các đơn vị đo đã biết là phút và năm

a) Quan sát mặt đồng hồ và nghe GV hướng dẫn



Ngoài kim giờ, kim phút ta còn thấy kim giây. Khoảng thời gian kim giây đi từ một vạch đến vạch liền sau nó trên mặt đồng hồ là một giây.

Khi kim giây chạy được một vòng trên mặt đồng hồ qua 60 vạch thì kim phút chạy được 1 phút.

Chú ý : Nếu điều kiện cho phép ta có thể dùng đồng hồ thật có kim giây để HS quan sát và cảm nhận khoảng thời gian 1 giây. Sau đó mới đọc nội dung dưới đây :

b) Đọc kĩ các nội dung sau :

Giây là một đơn vị đo thời gian. Ta có : 1 phút = 60 giây.

c) Đọc cho nhau nghe nội dung sau :

GV giới thiệu : Để đo khoảng thời gian dài hàng trăm năm, người ta còn dùng đơn vị đo thời gian là thế kỉ. 1 thế kỉ = 100 năm.

- 1 thế kỉ = 100 năm.
- Từ năm 1 đến năm 100 là thế kỉ thứ nhất (thế kỉ I).
- Từ năm 101 đến năm 200 là thế kỉ thứ hai (thế kỉ II).
-
- Từ năm 1901 đến năm 2000 là thế kỉ thứ hai mươi (thế kỉ XX).
- Từ năm 2001 đến năm 2100 là thế kỉ thứ hai mươi mốt (thế kỉ XXI).

Sau khi HS làm quen với "Thế kỉ", GV cũng nên giúp các em có biểu tượng sơ bộ về độ dài khoảng thời gian 1 thế kỉ. Chẳng hạn : Yêu cầu HS về hỏi tuổi của ông hoặc bà già nhất trong gia đình hoặc hàng xóm rồi so sánh với 1 thế kỉ.

HD 3. Cũng cố trực tiếp kiến thức về thế kỉ, cách xác định một năm nào đó cho trước thuộc thế kỉ nào thông qua một trò chơi để HS thấy rõ ý nghĩa thiết thực của đơn vị thế kỉ. GV có thể thay thế trò chơi đã giới thiệu trong tài liệu bằng một trò chơi khác nếu đảm bảo mục tiêu đã nêu mà gợi hứng thú hơn cho HS.



HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

HD 1. Thực hành đọc, viết số đo thời gian ; chuyển đổi số đo thời gian theo đơn vị mới, củng cố mối quan hệ giữa các đơn vị giây, thế kỉ với các đơn vị phút và năm ; kết hợp củng cố quan hệ giữa ngày và giờ.

Chú ý : GV có thể yêu cầu một vài HS giải thích kết quả điền, nếu cần GV có thể gợi ý giúp HS sử dụng bài toán "Tìm một phần mấy của một số" đã học ở lớp 3 để nhẩm và điền kết quả.

HD 2. Thực hành xác định các mốc thời gian (năm cho trước) thuộc thế kỉ nào. Tích hợp với ôn các sự kiện và nhân vật lịch sử.

Chú ý :

– Trong phần này, GV nhớ rằng HS chưa học chia cho số có hai chữ số ; vì vậy HS chỉ có thể dựa vào cấu tạo số để tách số năm thành số tròn trăm rồi từ đó xác định thế kỉ. Chẳng hạn :

a) Bà Triệu (Triệu Thị Trinh) sinh năm 226 ; bà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống quân Ngô năm 248. Hỏi bà Triệu sinh vào thế kỉ nào ? Khi lãnh đạo cuộc khởi nghĩa bà bao nhiêu tuổi ?

Nhẩm tách số : $226 = 200 + 26$. Vậy bà Triệu đã sinh vào thế kỉ thứ 3 (vì 200 năm đã tròn 2 thế kỉ và còn thêm 26 năm nữa bà mới sinh ra).

– Giúp HS biết rằng : Mỗi người cứ sống thêm một năm được tính là thêm một tuổi.

Tương tự các phần còn lại trong bài tập này.

HD 3. Ôn lại quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian : ngày và tháng ; số ngày trong năm ; và mở rộng kiến thức về năm nhuận.

HD 4. Củng cố cách trình bày bài giải của bài toán có lời văn.

Củng cố quan hệ giữa phút và giây, HS cần sử dụng bài toán đã biết ở lớp 3 là "Tìm một phần mấy của một số" để tính. Chẳng hạn :

1 phút = 60 giây, nên $\frac{1}{5}$ phút có số giây là : $60 : 5 = 12$ (giây).

Tương tự có $\frac{1}{4}$ phút = 15 giây. Từ đó so sánh thời gian cùng chạy 100m, ai chạy mất ít thời gian thì người đó chạy nhanh hơn.



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

Trong hoạt động này ; ngoài các nội dung đã gợi ý trong tài liệu ; GV có thể giúp HS liên hệ với lịch sử ở địa phương để xác định năm sinh của một số nhân vật hoặc một sự kiện lịch sử ở địa phương thuộc thế kỉ nào.

DẠNG 3 : CÁC BÀI VỀ ĐẠI LƯỢNG DIỆN TÍCH

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

Trong tài liệu Hướng dẫn học Toán 4 có 3 bài về diện tích, cấu trúc của các bài khá nhất quán bao gồm các hoạt động tự học sau :

HD 1. Khởi động

Ôn lại đơn vị đo diện tích đã học và gọi vùng kiến thức gần nhất để tiếp tục đặt vấn đề hình thành đơn vị đo diện tích mới.

HD 2. Làm quen với đơn vị đo diện tích mới và quan hệ với đơn vị đo đã biết

Chú ý : Đối với đại lượng diện tích khi hình thành đơn vị đo mới (đề-xi-mét vuông và mét vuông), HS có thể sử dụng hình ảnh trực quan để trải nghiệm và cảm nhận từ đó tự phát hiện quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích đã biết với đơn vị mới. Tuy nhiên để giúp HS nhận biết chắc chắn, GV nên yêu cầu HS cùng nhau khẳng định và nếu cần GV có thể chốt lại ngắn gọn.

HD 3. củng cố trực tiếp cách đọc, cách viết số đo diện tích với đơn vị đo mới

Hoạt động này thực hiện như một trò chơi để giúp HS tự phát hiện và sửa lỗi cho nhau khi viết các số đo diện tích có thể nhầm lẫn đơn vị với số đo độ dài.

2. Ví dụ minh họa

Bài 35. ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết :

- Đề-xi-mét vuông là đơn vị đo diện tích.
- Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị đề-xi-mét vuông.
- $1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2$. Bước đầu biết chuyển đổi từ dm^2 sang cm^2 và ngược lại.



HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. Khởi động

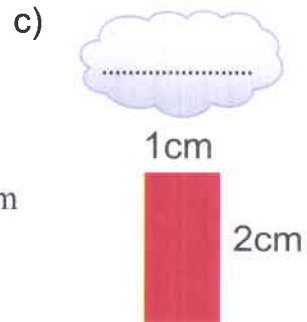
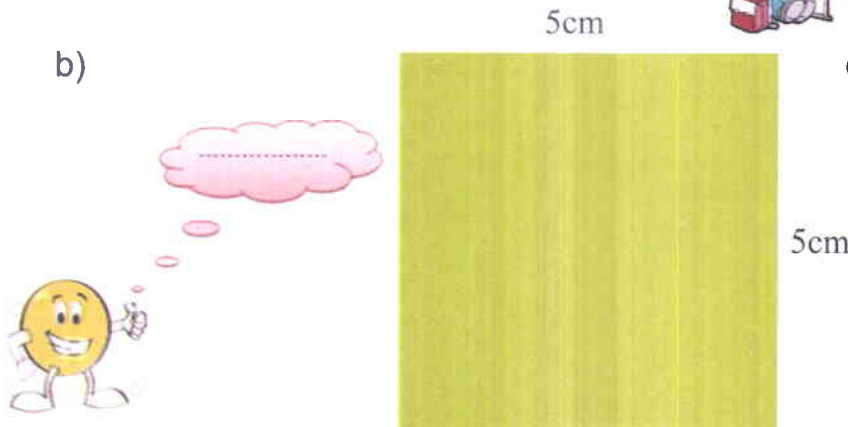
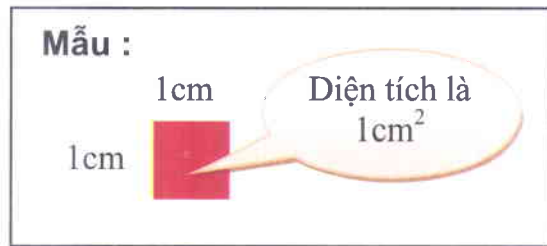
Chú ý :

– Trong hoạt động này, HS ôn lại cách tính diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông theo đơn vị xăng-ti-mét vuông. Chuẩn bị kiến thức liên quan chặt chẽ với nội dung bài học.

– Vì HS không được viết vào tài liệu nên nội dung hoạt động này có thể phô tô ra giấy để các nhóm hoặc cá nhân điền ngay kết quả, GV tiện kiểm soát. Chẳng hạn cần phô tô nội dung sau để HS ghi kết quả tính, GV tiện kiểm soát (chú ý đơn vị đo) :

1. Chơi trò chơi : "Ai nhanh ai đúng"

Điền số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :

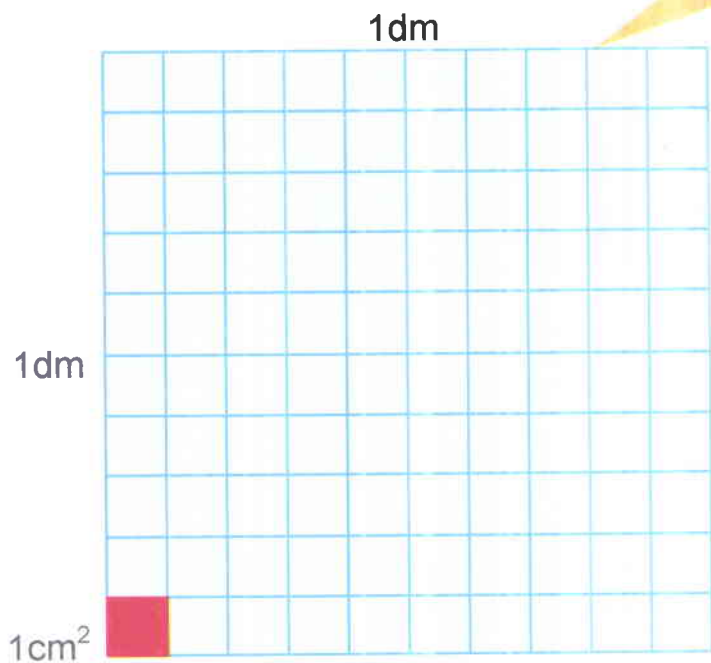


HD 2. Làm quen với đơn vị đo diện tích đề-xi-mét vuông và phát hiện quan hệ với đơn vị xăng-ti-mét vuông

HS sử dụng hình ảnh trực quan để trải nghiệm và cảm nhận trước khi thừa nhận quan hệ giữa đề-xi-mét vuông và xăng-ti-mét vuông :

d) $10\text{cm} \times 10\text{cm} = \dots \text{cm}^2$

Hình vuông dưới đây có cạnh dài :
 $1\text{dm} = \dots \text{cm}$.



Diện tích hình bên
là $\dots \text{cm}^2$.

2. Đọc kĩ nội dung dưới đây :

* Để đo diện tích ta còn dùng đơn vị
đo diện tích **đề-xi-mét vuông**.

* Đề-xi-mét vuông là diện tích của
hình vuông có cạnh dài 1dm.
Đề-xi-mét vuông viết tắt là dm^2 .

$$1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2.$$

HĐ 3. Củng cố trực tiếp cách đọc, cách viết số đo diện tích với đơn vị đo đề-xi-mét vuông

HS chơi trò chơi "Đố bạn" :

Cách chơi : Cặp đôi thay nhau đọc và viết một số đo diện tích (theo đơn vị đo đã học). Chẳng hạn : Một bạn viết số đo 1225dm^2 , bạn kia đọc. Trong vòng 3 phút bạn nào đọc và viết đúng nhiều hơn thì bạn đó thắng cuộc.



HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

HĐ 1. Thực hành đọc, viết số đo diện tích và chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị đề-xi-mét vuông ra đơn vị xăng-ti-mét vuông và ngược lại

Chú ý :

- Các số đo có không quá 2 tên đơn vị đo.
- Khi HS thực hiện đổi, GV cần kiểm soát cả quá trình đi đến kết quả. Tức là có thể yêu cầu một số HS nêu kết quả và cách làm để cả lớp nhận xét. Chẳng hạn khi đổi số đo diện tích : $10\text{dm}^2\ 39\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$, HS cần hiểu và khi cần có thể giải thích cách làm như sau :

Nhân nhẩm : $10\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2 \times 10 = 1000\text{cm}^2$

và cộng nhẩm : $1000\text{cm}^2 + 39\text{cm}^2 = 1039\text{cm}^2$

để có kết quả điền là : $10\text{dm}^2\ 39\text{cm}^2 = 1039\text{cm}^2$.

HĐ 2. Thực hành các bài tập

Tương tự bài tập trên, để điền được kết quả so sánh đúng, HS cũng cần tính nhẩm hoặc tính ra nháp trước khi điền dấu. GV cần kiểm soát quá trình đi đến kết quả bằng việc yêu cầu giải thích kết quả điền.



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

Đối với hoạt động ứng dụng thường giải quyết các nội dung có tính thực tế. GV cần chú ý khi HS thực hành đo các vật trong thực tế theo yêu cầu, có thể các số đo không là số tự nhiên, khi đó ta nói với HS chỉ lấy kết quả đo là số tự nhiên lớn nhất có thể. Chẳng hạn : HS đo chiều dài quyển sách dài hơn là 24cm và chưa đến 25cm, ta yêu cầu các em chỉ lấy số đo là 24cm để tính. Hoặc GV có thể chọn sẵn các đồ vật để yêu cầu các em đo mà số đo chắc chắn là số tự nhiên.

Đối với các bài về mét vuông và ki-lô-mét vuông thực hiện các hoạt động tương tự.

CHỦ ĐỀ 7 : BIỂU ĐỒ

A. MỤC TIÊU

Giúp HS :

- Biết đọc biểu đồ tranh và biểu đồ cột, phân tích và xử lí số liệu trên biểu đồ.
- Từ các thông tin đã có, có thể lập biểu đồ tranh và biểu đồ cột đơn giản.

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI CHỦ YẾU

Hai dạng biểu đồ được giới thiệu trong Toán 4 là : Biểu đồ tranh và biểu đồ cột (hay biểu đồ hình cột).

– Trong biểu đồ tranh, thông tin được biểu thị bằng hình vẽ và những kí hiệu tượng trưng, việc xử lí thông tin liên quan đến quá trình đếm.

– Trong biểu đồ cột, thông tin được biểu thị bằng những hình chữ nhật có chiều rộng như nhau, độ cao (chiều dài) tỉ lệ thuận với giá trị của đại lượng được biểu diễn.

DẠNG 1. BIỂU ĐỒ TRANH

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HD 1. Làm quen với " Biểu đồ tranh "

HS nhận biết các yếu tố cơ bản của một biểu đồ tranh, đó là :

– Tên biểu đồ : Tên biểu đồ chính là nội dung mà biểu đồ thể hiện, ví dụ : Số các con của các gia đình, các môn thể thao,...

– Ý nghĩa các hình vẽ hoặc kí hiệu tượng trưng (có thể dựa vào chú thích trên biểu đồ).

HD 2. Đọc biểu đồ

– Nhìn vào cột bên trái của biểu đồ, kể tên các đối tượng thống kê được nêu trong biểu đồ (ví dụ : tên các gia đình, tên các lớp,...)

– Căn cứ vào mục đích và nội dung thống kê, đếm số hình vẽ hoặc kí hiệu tương ứng ở cột bên phải.

– Phân tích thông tin cho trên biểu đồ.

HD 3. Thực hành đọc, phân tích và xử lí số liệu trên biểu đồ tranh

Đọc số liệu biểu diễn ở cột bên phải, thực hiện tính toán hoặc so sánh các số liệu để tìm câu trả lời cần thiết cho các câu hỏi nêu trong bài.

HD 4. Lập biểu đồ đơn giản

Mức 1 : Tiếp tục hoàn thành một biểu đồ.

Mức 2 : Lập biểu đồ theo chủ đề nào đó đã có đủ thông tin.

Mức 3 : Tự tìm kiếm thông tin và lập biểu đồ tương ứng về một chủ đề nào đó (thông thường sẽ rơi vào hoạt động ứng dụng).

2. Ví dụ minh họa

Bài 14. BIỂU ĐỒ TRANH

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết :

- Đọc một số thông tin trên biểu đồ tranh.
- Lập biểu đồ tranh đơn giản.

A

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. Làm quen với biểu đồ tranh

HS đọc tài liệu, quan sát bảng trong tài liệu Hướng dẫn học, thảo luận với nhau các giải thích về biểu đồ tranh và cách tìm một số thông tin trong biểu đồ tranh (Phần này HS dễ dàng giải thích cho bạn cùng nhóm).

CÁC CON CỦA NĂM GIA ĐÌNH

Gia đình cô Diệp	
Gia đình cô Chi	
Gia đình cô Vân	
Gia đình cô Đào	
Gia đình cô Mận	

HS thảo luận câu hỏi sau :

- Tên biểu đồ ? (biểu đồ về số con trong 5 gia đình)
- Ý nghĩa các hình vẽ trong biểu đồ.

HD 2. Đọc và phân tích thông tin trên biểu đồ

HS đọc và thảo luận về các thông tin :

Biểu đồ gồm các cột nào và mỗi cột thể hiện các nội dung gì ? (Biểu đồ có 2 cột : Cột bên trái ghi tên các gia đình là gia đình cô Diệp, cô Chi, cô Vân, cô Đào, cô Mận. Cột bên phải có ảnh của các em bé, các em bé là con của một gia đình).

HS đếm số biểu tượng ở cột bên phải để biết từng gia đình có bao nhiêu con, bao nhiêu con trai, bao nhiêu con gái,...








HS đọc và thảo luận để viết tiếp vào chỗ chấm trong câu cuối : Năm gia đình được ghi tên trên biểu đồ là : Gia đình cô Diệp, gia đình cô Chi, gia đình cô Vân, gia đình cô Đào, gia đình cô Mận. Gia đình cô Diệp có 2 con ; Gia đình cô Chi có 1 con trai ; Gia đình cô Vân có 2 con ; Gia đình cô Đào có 1 con gái, Gia đình cô Mận có 2 con.

B HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH


Với hoạt động thực hành, HS không còn gặp khó khăn khi xem các thông tin có trên biểu đồ. HS tự quan sát biểu đồ tranh và trả lời các câu hỏi kèm theo.

HD 1. Nhìn biểu đồ và trả lời các câu hỏi kèm theo

CÁC MÔN THỂ THAO KHỎI LỚP BỐN THAM GIA













LỚP 4A				
LỚP 4B				
LỚP 4C				

- a) Những lớp nào được nêu tên trong biểu đồ ?
- b) Lớp 4A tham gia những môn thể thao nào ?
- c) Có những lớp nào tham gia môn cầu lông ?
- d) Các lớp khối bốn tham gia mấy môn thể thao, là những môn thể thao nào ?
- e) Môn nào có ít lớp tham gia nhất ?

HD 2. (Bài tập này khó hơn bài trên một chút vì đã có hình  đại diện cho 10 tạ thóc. Tuy nhiên, HS trong các nhóm có thể thảo luận, thống nhất cách xác định sản lượng thóc thu hoạch được từng năm của nhà bác Hoàng).

Nhìn biểu đồ dưới đây và trả lời các câu hỏi kèm theo :

SỐ THÓC THU HOẠCH TRONG 3 NĂM CỦA NHÀ BÁC HOÀNG

Năm 2011						
Năm 2012						
Năm 2013						

Mỗi hình  chỉ 10 tạ thóc.

- a) Số thóc nhà bác Hoàng thu hoạch được trong năm 2013 là bao nhiêu tạ ?
- b) Năm nào nhà bác Hoàng thu hoạch nhiều thóc hơn cả ?
- c) Tính số thóc thu hoạch được trong cả 3 năm của nhà bác Hoàng.

HD 3. Thực hành đọc và tìm kiếm thông tin từ các biểu đồ có trong thực tiễn cuộc sống hằng ngày

Bài tập yêu cầu HS tự tìm kiếm thông tin về biểu đồ : xem các tài liệu, sách, báo chí (thậm chí cả báo mạng nếu có thể) để tìm được một biểu đồ thuộc dạng đã học (biểu đồ tranh hoặc biểu đồ cột). HS sẽ phải chép lại biểu đồ này (hoặc cắt biểu đồ từ báo dán vào vở) sau đó tự đặt ra 3 câu hỏi, tìm cách trả lời 3 câu hỏi đó.

Như vậy, kết quả của HS trong lớp rất đa dạng, trong từng nhóm, mỗi bạn có một biểu đồ khác nhau, có các câu hỏi khác nhau và những câu trả lời khác nhau.

HS tìm hiểu một biểu đồ được trình bày ở tài liệu nào đó (báo, sách,..) đặt 3 câu hỏi về biểu đồ và trả lời các câu hỏi đó.


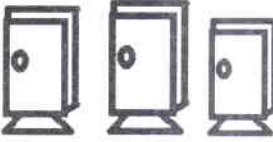


Với hoạt động này, HS thấy được việc sử dụng biểu đồ trong thực tiễn là rộng rãi, đồng thời vận dụng được kiến thức vừa học để tìm hiểu các thông tin khác trong lao động, sản xuất ở xã hội.

Mỗi nhóm thảo luận và lập biểu đồ tranh về chủ đề nào đó (chẳng hạn thu hoạch hoa quả, số người trong gia đình ; số thuyền, máy bay,... gấp được).

Với HS lớp 4, các em có thể liên hệ về số lượng các đồ vật trong nhà như tủ, bàn, ghế, ti vi, giường,... Các em sẽ nghĩ cách vẽ các đồ vật đó một cách đơn giản và tìm cách đưa vào bảng tương tự với biểu đồ tranh đã học.

Chẳng hạn :

ĐỒ ĐẠC TRONG NHÀ BẠN LAN

Giường	
Tủ	
Xe máy	
Bàn	

HS sẽ nghĩ ra các câu hỏi để tìm hiểu thông tin qua biểu đồ tranh mà các em đã lập ra :

Nhà bạn Lan có mấy tủ ?

Nhà bạn Lan có mấy xe máy ?

Số tủ và bàn của nhà bạn Lan là bao nhiêu ?

Đồ vật nào ít nhất trong nhà bạn Lan ?

Nếu kết hợp so sánh với thông tin từ biểu đồ của bạn khác thì lại xuất hiện các câu hỏi phong phú hơn nữa. Khi đó không khí học tập trong lớp sẽ sống động, vui vẻ và góp phần khắc sâu kiến thức rất tốt.



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

Với sự giúp đỡ của người lớn, HS lập biểu đồ tranh về chủ đề nào đó (các con vật nuôi trong nhà, các đồ vật trong nhà hoặc thu hoạch trong gia đình,...). Giải thích biểu đồ cho bố mẹ.

Với bài tập ứng dụng này, mỗi HS có một kết quả riêng và đều đúng cả. Các kết quả này gắn gũi với cuộc sống trong gia đình của từng HS.

Lưu ý : Hoạt động ứng dụng trong nội dung này có hai loại bài tập :

– Loại thứ nhất : Tìm kiếm biểu đồ có sẵn và đọc các thông tin từ biểu đồ đó, đặt câu hỏi để khai thác các thông tin dẫn suất.

– Loại thứ hai : Tự tìm kiếm chủ đề, thông tin và lập biểu đồ phản ánh thực tế cuộc sống.

DẠNG 2. BIỂU ĐỒ CỘT

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HĐ 1. Làm quen với "Biểu đồ cột"

HS nhận biết các yếu tố cơ bản của một biểu đồ cột, đó là :

- Tên biểu đồ.
- Hàng dưới của biểu đồ : cho ta biết các đối tượng thống kê được nêu trong biểu đồ.
- Các cột của biểu đồ và độ cao của mỗi cột biểu thị số đo đại lượng thống kê.

HĐ 2. Đọc biểu đồ

- Nhìn vào hàng dưới của biểu đồ, kể tên các đối tượng thống kê được nêu trong biểu đồ (ví dụ : tên các thôn bản ; tên các khối lớp,...) được nêu trong biểu đồ.
- Đọc số trên đỉnh cột hoặc dóng sang ngang tìm giao với đoạn thẳng đứng đứng.
- Phân tích thông tin cho trên biểu đồ.

HĐ 3. Thực hành đọc, phân tích và xử lí số liệu trên biểu đồ tranh

- Đọc số liệu biểu diễn trên mỗi cột.
- Tính toán hoặc so sánh các số liệu để tìm câu trả lời cần thiết cho các câu hỏi nêu trong bài.

HĐ 4. Lập biểu đồ đơn giản

- Tiếp tục hoàn thành một biểu đồ.
- Lập biểu đồ theo chủ đề nào đó đã có đủ thông tin.
- Tự tìm kiếm thông tin và lập biểu đồ tương ứng về một chủ đề nào đó (thông thường sẽ rơi vào hoạt động ứng dụng).

2. Ví dụ minh họa

Bài 15. BIỂU ĐỒ CỘT

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết :

- Đọc một số thông tin trên biểu đồ cột.
- Bước đầu xử lý số liệu trong biểu đồ cột.
- Lập biểu đồ cột đơn giản.



HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

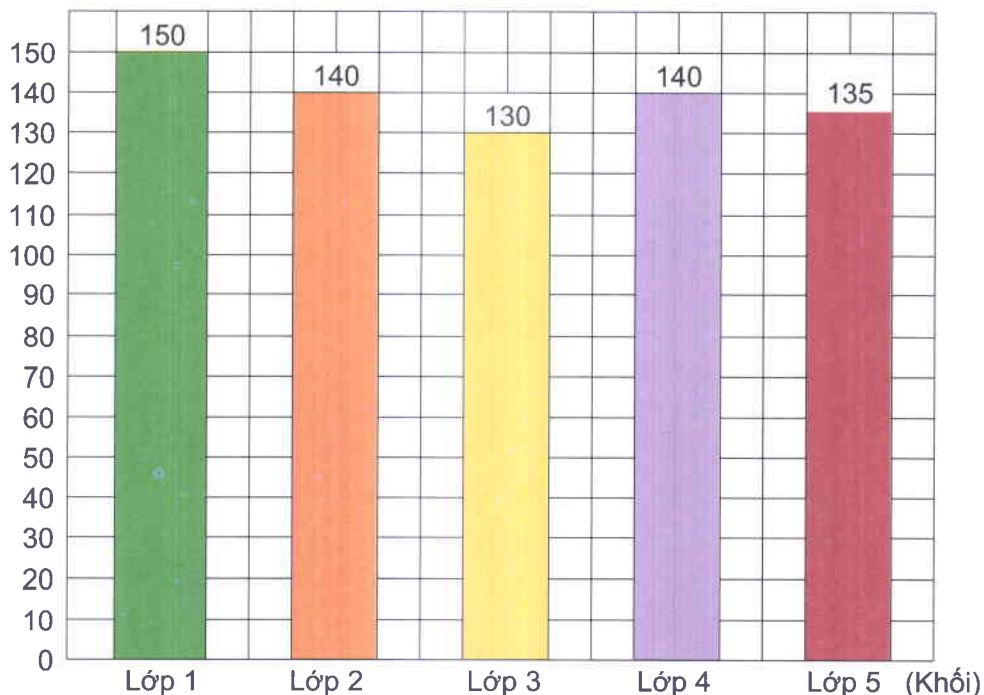
HD 1. Giới thiệu về biểu đồ cột

Nhận xét : Biểu đồ cột là dạng thể hiện thông tin mới đối với HS, để xem và hiểu biểu đồ cột, HS cần được hướng dẫn cụ thể. Rõ ràng HS không thể tự mình đọc và hiểu cặn kẽ về biểu đồ cột. Vì vậy cần GV hướng dẫn.

Hình thức học tập là GV làm việc với cả lớp.

GV chuẩn bị sẵn biểu đồ cột phóng to trên bảng.

SỐ HỌC SINH CÁC KHỐI LỚP CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TOẢN
(Học sinh)



a) GV cho HS quan sát biểu đồ, hướng dẫn HS phát hiện dần tên của biểu đồ, cấu tạo của biểu đồ, ý nghĩa của các cột trong biểu đồ :

– Biểu đồ nói về gì ?

– Cấu tạo của biểu đồ :

+ Các số ở cột bên trái nói về ? (Về số học sinh)

+ Hàng dưới nói về (Về tên các khối lớp).

+ Cột đầu tiên, cột thứ hai, cột thứ ba,... cho ta biết điều gì ? (cho ta biết số HS của khối lớp 1, khối lớp 2, khối lớp 3,...).

b) GV cho HS phát biểu và trả lời các câu hỏi kèm theo :

Ta có thể biết :

– Có mấy khối lớp ? (Có 5 khối lớp).

– Số HS của từng khối lớp ? (Khối lớp 1 có 150 học sinh, khối lớp 2 có 140 học sinh, khối lớp 3 có 130 học sinh, khối lớp 4 có 140 học sinh và khối lớp 5 có 135 học sinh).

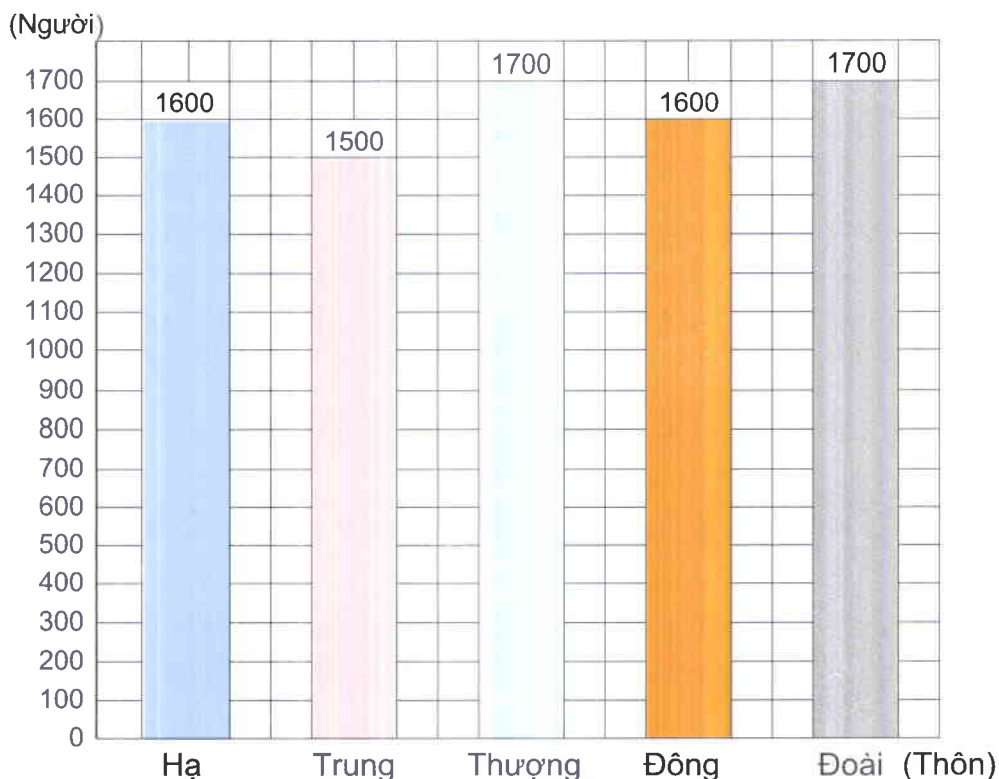
– Khối lớp nào nhiều HS nhất ? Khối lớp nào ít HS nhất ?

HD 2. Luyện tập theo nhóm, củng cố về biểu đồ cột

GV cho HS trong từng nhóm quan sát biểu đồ tiếp theo và thảo luận để trả lời các câu hỏi kèm theo.

Xem biểu đồ về số dân các thôn trong xã Lương Sơn và trả lời các câu hỏi kèm theo :

SỐ DÂN CÁC THÔN PHÍA BẮC CỦA XÃ LƯƠNG SƠN



Câu hỏi :

- Thôn nào có số dân ít nhất ? (Thôn Trung có ít dân nhất).
- Có hai thôn nào có số dân bằng nhau ? (Thôn Hạ và thôn Đông có số dân bằng nhau, thôn Thượng và thôn Đoài có số dân bằng nhau).
- Thôn Thượng có bao nhiêu người ? (Thôn Thượng có 1700 người).
- Thôn Thượng nhiều hơn thôn Trung bao nhiêu người ? (Thôn Thượng nhiều hơn thôn Trung 200 người).
- Tính tổng số dân của cả 5 thôn (8100 người).



HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

HD 1. Đọc biểu đồ cho trước và trả lời các câu hỏi kèm theo

HS tự làm các bài tập tiếp theo, các bài tập được lấy số liệu thực trong cuộc sống lao động và sản xuất. (HS sẽ tự trả lời được các câu hỏi kèm theo từng biểu đồ, HS yếu sẽ được hỗ trợ từ các bạn trong nhóm).

Bài tập 1 : Đọc biểu đồ về số cây các khối lớp đã trồng.

Bài tập 2 : Đọc biểu đồ về lượng cá ngừ đánh bắt trong năm 2011.

Bài tập 3 : Đọc biểu đồ về số ngày mưa trong 3 tháng 2004 của một huyện.

HD 2. Lập biểu đồ

Hoạt động yêu cầu HS lập biểu đồ cột trên cơ sở một số thông tin đã cho. Bước đầu là bổ sung một số cột vào biểu đồ đang thiết lập. Sau này, dạng bài tập này phát triển hơn, yêu cầu HS tự lập biểu đồ trên cơ sở các thông tin đã cho, thậm chí, yêu cầu HS tìm kiếm thông tin về một chủ đề nào đó và lập biểu đồ thể hiện các thông tin đó.

Bài tập 4 : Yêu cầu bổ sung các cột để được biểu đồ hoàn chỉnh là khó khăn với một số HS. Những HS gặp khó khăn có thể tìm kiếm giải pháp bằng cách trao đổi, thảo luận với bạn cùng nhóm. Trường hợp nhóm vẫn chưa tìm được cách làm thì xin trợ giúp của GV.

Ở bài tập 4 : Hoạt động lập biểu đồ từ các thông tin đã cho (bổ sung các cột trong biểu đồ).

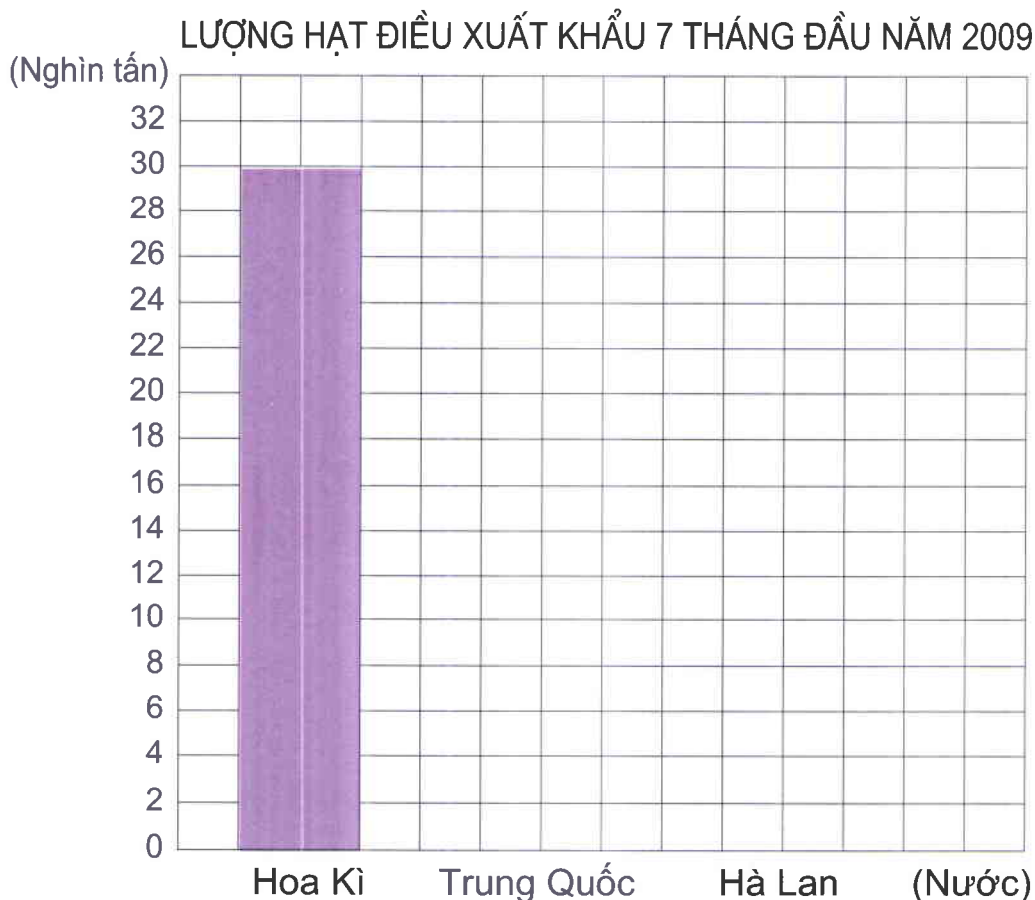
Thông tin từ Báo điện tử Tin tức ngày 29/8/2009 về xuất khẩu hạt điều sang các nước như sau :

Một trong số những thị trường chủ lực của hạt điều xuất khẩu nước ta là thị trường Hoa Kỳ, lượng hạt điều xuất khẩu trong 7 tháng đầu năm sang Hoa Kỳ đạt khoảng 30 nghìn tấn.

Tiếp đến là thị trường Hà Lan, tổng lượng hạt điều xuất khẩu trong 7 tháng đầu năm đạt 14 nghìn tấn.

Tổng lượng hạt điều xuất sang thị trường Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm đạt 18 nghìn tấn.

Dựa vào số liệu đã cho, hãy hoàn thiện biểu đồ sau :



Trong hoạt động ứng dụng, ngoài các nhiệm vụ đọc biểu đồ, HS còn có nhiệm vụ thu thập thông tin từ cuộc sống theo chủ đề này.

Các HS trong nhóm phân công nhau : mỗi bạn tìm hiểu và chép lại biểu đồ về một chủ đề (địa lí, khí hậu, dân số, sản xuất) qua các tài liệu, sách, báo,... Đặt 3 câu hỏi về biểu đồ và trả lời các câu hỏi đó.

CHỦ ĐỀ 8 : CÁC YẾU TỐ HÌNH HỌC

A. MỤC TIÊU

- Nhận biết được góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt (bằng trực giác hoặc sử dụng ê ke).
- Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc và hai đường thẳng song song.
- Biết cách vẽ đường thẳng đi qua một điểm và vuông góc với một đường thẳng cho trước ; vẽ đường thẳng đi qua một điểm và song song với một đường thẳng cho trước (bằng thước kẻ và ê ke).
- Biết cách vẽ hình chữ nhật, hình vuông (bằng thước kẻ và ê ke).
- Nhận biết được hình bình hành, hình thoi và một số đặc điểm của nó.
- Nắm được quy tắc, công thức tính diện tích hình bình hành, hình thoi và vận dụng vào giải các bài toán có liên quan.

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI CHỦ YẾU

DẠNG 1 : NHẬN BIẾT HÌNH DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA HÌNH

Dạng này bao gồm các nội dung : nhận biết góc nhọn, góc tù, góc bẹt, hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song, hình bình hành, hình thoi.

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HĐ 1. Tạo hứng thú, khai thác kinh nghiệm của HS về nhận dạng các hình

Hoạt động này thường được bắt đầu bằng việc tổ chức một trò chơi hoặc ôn luyện các kiến thức có liên quan đến hình thành các kiến thức mới.

HĐ 2. Tiếp cận các biểu tượng hình học mới

GV tổ chức cho HS thực hiện các thao tác : quan sát, cắt, ghép, gấp, xếp, vẽ hình để thông qua đó tiếp cận với các biểu tượng hình học cần học.

HĐ 3. Nhận dạng và thể hiện các biểu tượng hình học vừa học

Ở đây, GV tổ chức cho HS các hoạt động thực hành – luyện tập liên quan đến hai dạng : nhận dạng và thể hiện các biểu tượng hình học đã học. Hoạt động nhận dạng là tìm ra hình vừa học trong số những hình khác. Hoạt động thể hiện là tạo ra hình hình học thoả mãn các đặc điểm của nó.

2. Ví dụ minh họa

Bài 24. GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BỆT

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em nhận biết được góc nhọn, góc tù và góc bẹt.

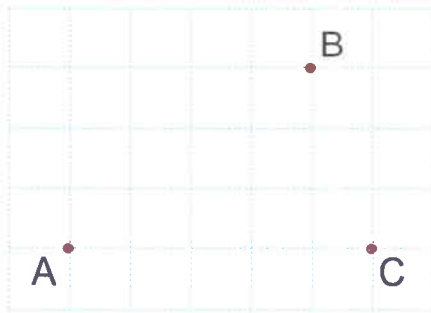
A

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

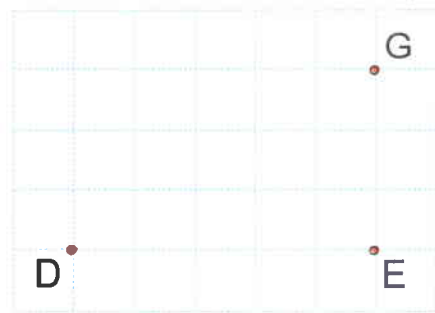
HD 1. Khai thác kinh nghiệm, tái hiện các khái niệm về góc vuông, góc không vuông

Cho HS làm việc theo nhóm lớn, thực hiện các nhiệm vụ sau :

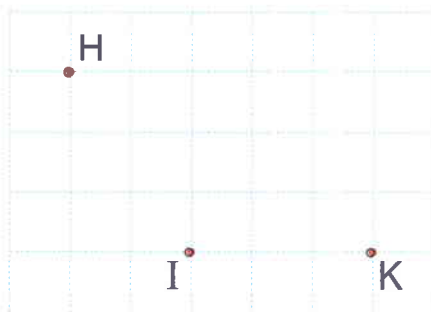
a) Dùng thước và bút chì nối các điểm trong mỗi hình dưới đây để có :



Một góc không vuông



Một góc vuông



Góc đỉnh I

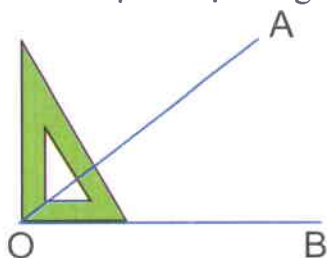
b) Đọc tên mỗi góc em đã vẽ được ở các hình trên.

c) Dùng ê ke để kiểm tra mỗi góc đó và nêu nhận xét của em.

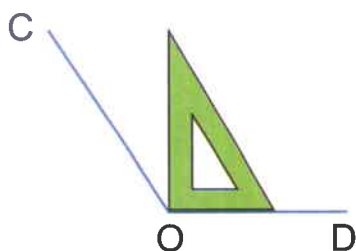
Mục đích của hoạt động này là vừa củng cố các kiến thức về góc vuông, góc không vuông của HS, đồng thời, bước đầu giúp HS rút ra được một số kết luận liên quan đến hình thành kiến thức mới về góc nhọn và góc tù.

HĐ 2. HS trải nghiệm, khám phá để nhận biết góc nhọn, góc tù, góc bẹt

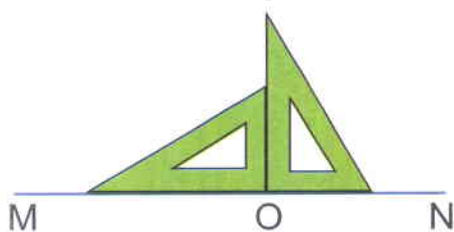
GV yêu cầu HS đọc kĩ nội dung sau rồi giải thích



Góc nhọn đỉnh O ; cạnh OA, OB.
Góc nhọn bé hơn góc vuông.



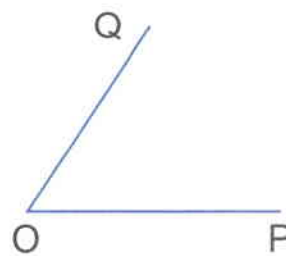
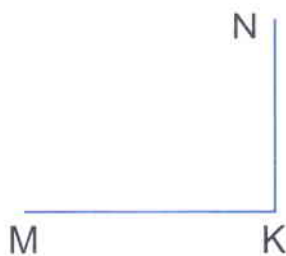
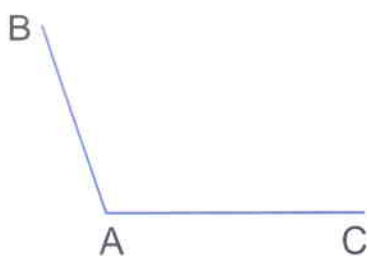
Góc tù đỉnh O ; cạnh OC, OD.
Góc tù lớn hơn góc vuông.



Góc bẹt đỉnh O ; cạnh OM, ON.
Góc bẹt bằng hai góc vuông.

HĐ 3. Củng cố bước đầu các khái niệm về góc nhọn, góc tù, góc bẹt

GV cho HS quan sát hình dưới đây và nêu câu nào đúng, câu nào sai :



Trong hình vẽ trên có :

– Góc vuông đỉnh K, cạnh KM, KN

– Góc tù đỉnh O, cạnh OP, OQ

– Góc vuông đỉnh A, cạnh AB, AC



– Góc nhọn đỉnh O, cạnh OP, OQ



– Góc tù đỉnh A, cạnh AB, AC

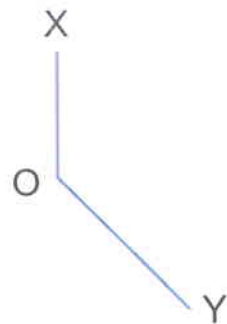
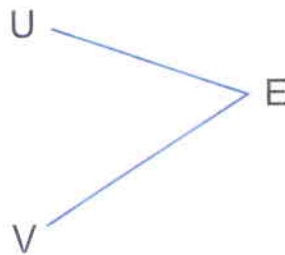
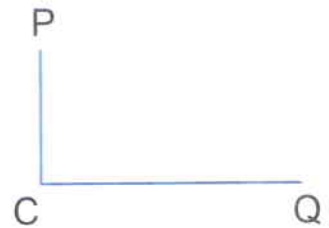
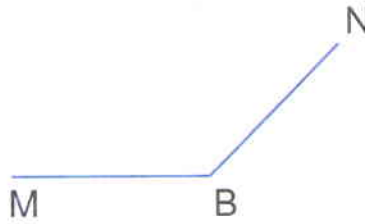
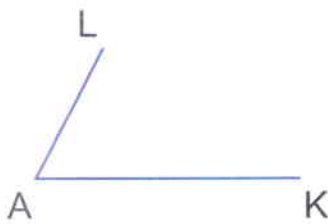


GV tổ chức cho HS các hoạt động nhận dạng và thể hiện các biểu tượng góc vừa học. Hoạt động 1 và 2 liên quan đến việc nhận dạng các góc. Hoạt động 3 nhằm giúp HS củng cố khái niệm về góc đã học.



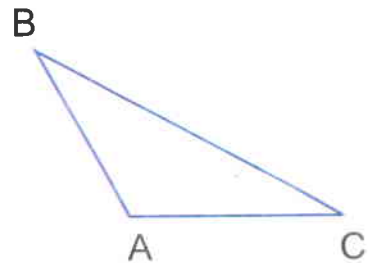
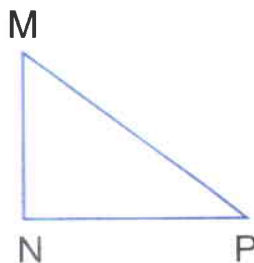
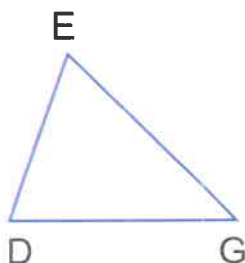
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

HĐ 1. HS đọc tên đỉnh, cạnh của các góc và nhận biết góc nào là góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt



HĐ 2. HS nhận dạng về các góc trong các hình tam giác

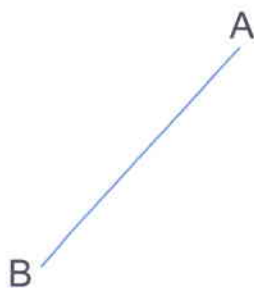
Trong các hình tam giác sau :



- Hình tam giác nào có ba góc nhọn ?
- Hình tam giác nào có góc vuông ?
- Hình tam giác nào có góc tù ?

HD 3. HS thực hành tập luyện vẽ góc (trong trường hợp đơn giản)

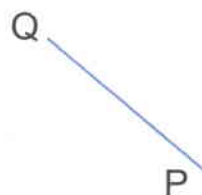
Em hãy vẽ thêm một đoạn thẳng để được



a) Một góc nhọn



b) Một góc vuông



c) Một góc tù



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

GV liên hệ những hình ảnh trong thực tế để giúp cho HS nhận ra được sự thể hiện của các góc đã học.

HD 1. Nêu các góc được tạo nên trong mỗi hình dưới đây :

a)



b)



c)



d)



HD 2. Chỉ ra những góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt có trong cuộc sống mà em biết

DẠNG 2 : HÌNH THÀNH VÀ VẬN DỤNG QUY TẮC TÍNH DIỆN TÍCH

Dạng này bao gồm các nội dung : hình thành và vận dụng quy tắc tính diện tích hình bình hành, hình thoi.

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HD 1. Tạo hứng thú, khai thác kinh nghiệm của HS về đặc điểm của hình

Hoạt động này thường được bắt đầu bằng việc tổ chức một trò chơi hoặc ôn luyện các kiến thức có liên quan đến đặc điểm của một số hình hình học hay thực hiện việc cắt ghép, gấp, xếp hình để tạo ra được những hình có liên quan đến việc hình thành quy tắc tính diện tích.

HD 2. Trải nghiệm, phát hiện quy tắc tính diện tích

GV tổ chức cho HS thực hiện các thao tác : quan sát, cắt, ghép, gấp, xếp hình rồi dựa trên những hình vừa ghép được phân tích các yếu tố của hình để các em từng bước khám phá ra quy tắc tính diện tích hình hình học cần học.

HD 3. Vận dụng quy tắc tính diện tích hình hình học vừa học

Ở đây, GV tổ chức cho HS các hoạt động thực hành – luyện tập liên quan đến nhận dạng và thể hiện quy tắc tính diện tích hình hình học vừa học.

2. Ví dụ minh họa

Bài 87. DIỆN TÍCH HÌNH THOI

Cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết tính diện tích hình thoi.



HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. Khai thác kinh nghiệm của HS về tính diện tích hình chữ nhật và diện tích hình bình hành

Cho HS củng cố lại một số kiến thức đã học liên quan đến việc hình thành quy tắc tính diện tích của hình thoi, chẳng hạn : Em hãy nêu

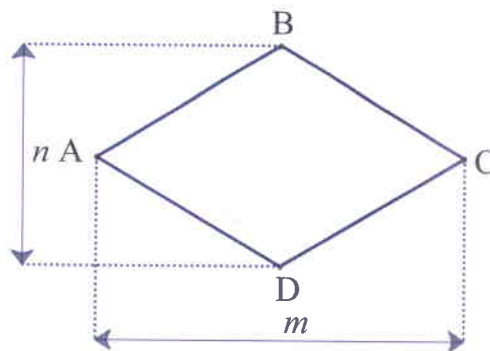
- Quy tắc tính diện tích hình bình hành. Em rút ra được quy tắc tính diện tích hình bình hành dựa vào đâu ?
- Quy tắc tính diện tích hình chữ nhật ;
- Các đặc điểm của hình thoi.

HD 2. Trải nghiệm, phát hiện quy tắc tính diện tích hình thoi

Mỗi nhóm chuẩn bị một mảnh giấy hình thoi có ghi độ dài các đường chéo rồi tổ chức cho các nhóm thực hành cắt hình thoi và ghép lại để có được hình chữ nhật, qua việc thực hiện nhiệm vụ :

Cho hình thoi ABCD, có độ dài hai đường chéo lần lượt là m và n , thực hiện các yêu cầu sau :

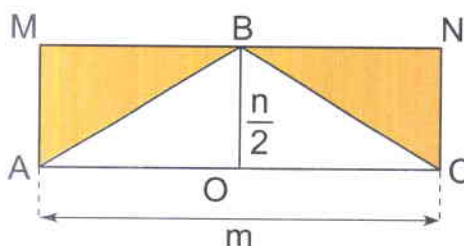
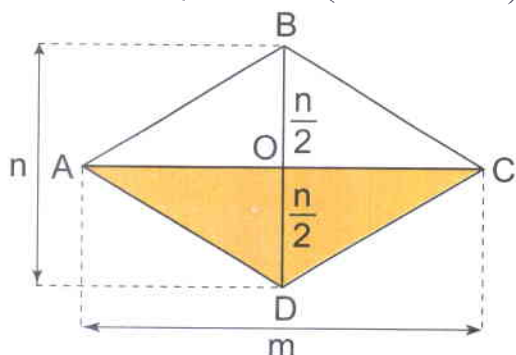
- Vẽ hai đường chéo AC và BD của hình thoi ABCD ;
- Dùng kéo cắt hình thoi theo đường chéo và ghép lại để được hình chữ nhật ;
- Em có nhận xét gì về diện tích của hình thoi lúc đầu so với diện tích hình chữ nhật ghép được ?



- Hãy nêu nhận xét của em về các kích thước chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật ghép được ;
- Diện tích của hình chữ nhật ghép được bằng bao nhiêu ?
- Từ đó, em hãy thử nêu cách tính diện tích hình thoi ABCD.

Trên cơ sở kết quả cắt, ghép của các nhóm, GV chọn một trong số những kết quả đó, cho nhóm HS lên trình bày và GV giải thích rõ hơn.

Cắt hình tam giác AOD và hình tam giác COD rồi ghép với tam giác ABC ta được hình chữ nhật MNCA (xem hình vẽ).



Dựa vào hình vẽ ta có :

Diện tích hình thoi ABCD bằng diện tích hình chữ nhật MNCA.

$$\text{Diện tích hình chữ nhật MNCA là : } m \times \frac{n}{2} = \frac{m \times n}{2}.$$

$$\text{Vậy diện tích hình thoi ABCD là } \frac{m \times n}{2}.$$

Diện tích hình thoi bằng tích độ dài hai đường chéo chia cho 2 (cùng một đơn vị đo).

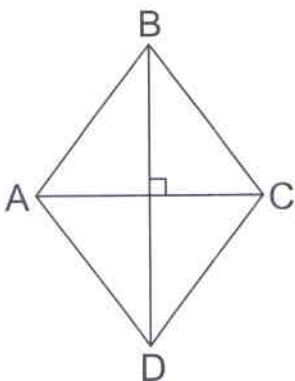
$$S = \frac{m \times n}{2}$$

(*S là diện tích hình thoi ; m, n là độ dài của hai đường chéo*).

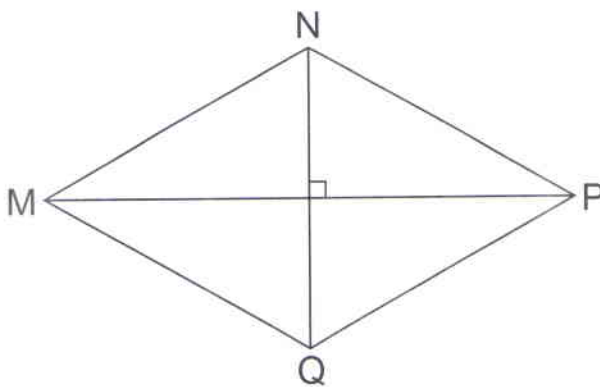
HD 3. Bước đầu vận dụng quy tắc tính diện tích

GV củng cố ngay việc nắm bắt quy tắc và công thức tính diện tích hình thoi của HS thông qua bài tập : Tính diện tích của

a) Hình thoi ABCD, biết độ dài các đường chéo là $AC = 3\text{cm}$; $BD = 4\text{cm}$.



b) Hình thoi MNPQ, biết độ dài các đường chéo là $MP = 7\text{cm}$; $NQ = 4\text{cm}$.



c) Hình thoi, biết độ dài các đường chéo là 30cm và 7dm .

d) Hình thoi, biết độ dài các đường chéo là 4m và 15dm .

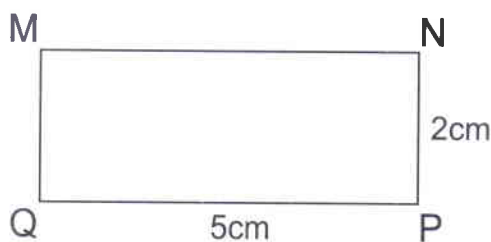
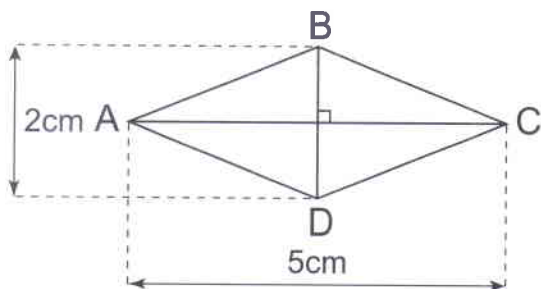


HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

HD 1. GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân giải bài toán có lời văn liên quan đến tính diện tích hình thoi

Một miếng kính hình thoi có độ dài các đường chéo là 14cm và 10cm. Tính diện tích miếng kính đó.

HD 2. Khắc sâu việc hình thành quy tắc tính diện tích hình thoi thông qua bài tập 3 : Đúng ghi Đ, sai ghi S.



GV tổ chức cho HS vận dụng các kiến thức vừa học về diện tích hình thoi vào một tình huống thực tiễn : Bạn My muốn dán giấy lên khung một cái điều hình thoi có độ dài các đường chéo là 5dm và 4dm.

a) Em hãy giúp bạn My tính xem bạn ấy cần bao nhiêu đề-xi-mét vuông giấy để có thể dán được cái điều đó.

b) Bạn My có một mảnh giấy hình chữ nhật có chiều dài 5dm và chiều rộng 4dm, nếu tiết kiệm giấy thì bạn ấy có thể dán được bao nhiêu cái điều như vậy ?

CHỦ ĐỀ 9 : TỈ LỆ BẢN ĐỒ VÀ ỨNG DỤNG

A. MỤC TIÊU

- Nhận biết được ý nghĩa và hiểu được tỉ lệ bản đồ.
- Bước đầu biết giải một số bài toán đơn giản về ứng dụng của tỉ lệ bản đồ.

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI CHỦ YẾU

DẠNG 1 : NHẬN BIẾT VÀ HIỂU Ý NGHĨA CỦA TỈ LỆ BẢN ĐỒ

Dạng này bao gồm các nội dung : nhận biết được tỉ lệ ghi trên mỗi bản đồ và hiểu được ý nghĩa của tỉ lệ đó.

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HD 1. Tạo hứng thú, khai thác kinh nghiệm của HS để làm bước đệm cho việc hiểu ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ

Hoạt động này thường bắt đầu bằng việc tổ chức một trò chơi hoặc ôn luyện các kiến thức có liên quan đến tỉ số của hai số (số thứ nhất nên là 1).

HD 2. Khám phá để nhận biết về "Tỉ lệ bản đồ"

GV cho HS quan sát một bản đồ nào đó, có thể là bản đồ của nước Việt Nam hoặc của địa phương nơi trường đóng. Chú ý phân ghi tỉ lệ bản đồ phải rõ ràng cho HS tập trung theo dõi.

Cho các em quan sát nhận ra tên bản đồ và sau đó tập trung vào phân ghi tỉ lệ bản đồ. Yêu cầu HS đọc tỉ lệ và thử giải thích theo sự hiểu biết của bản thân về tỉ lệ đó (không bắt buộc). Cuối cùng GV chốt lại các vấn đề liên quan đến tỉ lệ bản đồ, nhất là ý nghĩa của nó.

HD 3. củng cố việc đọc và hiểu ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ

GV cho HS quan sát một số bản đồ cụ thể, yêu cầu các em đọc tỉ lệ bản đồ và nêu ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ đó (bằng cách nêu lên một số ví dụ cụ thể, chẳng hạn : trên bản đồ đó, độ dài 1cm ứng với độ dài thật là bao nhiêu ?).

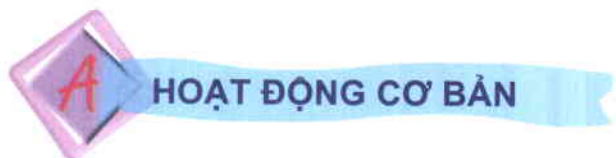
2. Ví dụ minh họa

Bài 96. TỈ LỆ BẢN ĐỒ

Cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em nhận biết và hiểu được ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ.

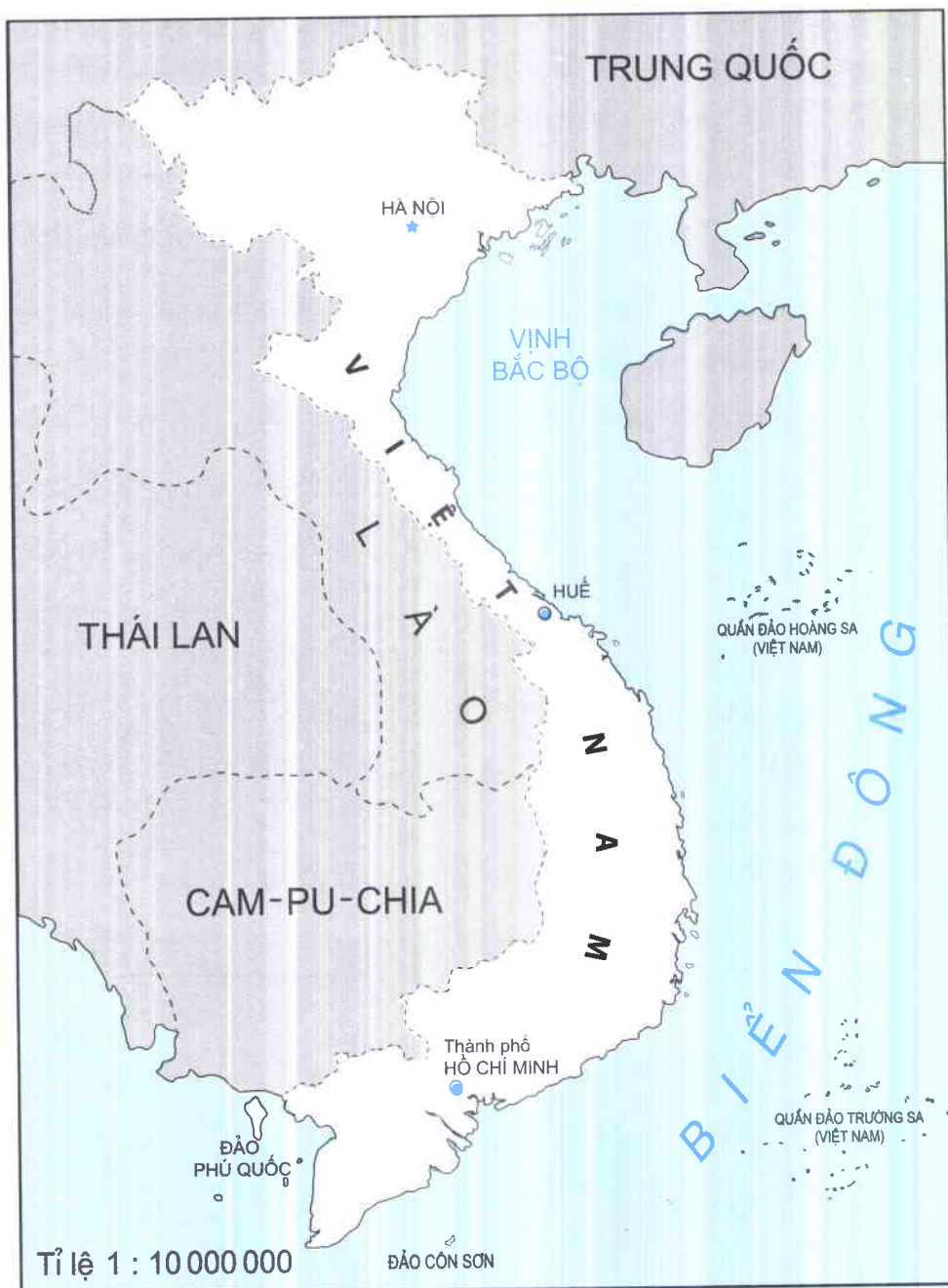


HĐ 1. Cho HS làm việc theo nhóm đôi, giải thích về tỉ số giữa hai số

a) Tỉ số giữa hai số bằng $\frac{1}{100}$ cho ta biết gì ?

b) Tỉ số giữa hai đoạn thẳng bằng $\frac{1}{1000}$ cho ta biết gì ?

HĐ 2. HS làm việc theo nhóm lớn, khám phá kiến thức liên quan đến tỉ lệ bản đồ bằng cách cho các em quan sát một bản đồ cụ thể rồi thực hiện theo các yêu cầu



- Ở góc trái phía dưới của bản đồ có ghi kí hiệu gì ?
- Nêu cách hiểu của em về kí hiệu 1 : 10 000 000.

HD 3. GV giải thích rõ hơn những kết quả của HS trong hoạt động 2

Ở góc trái phía dưới của bản đồ nước Việt Nam có ghi : *Tỉ lệ 1 : 10 000 000*. Tỉ lệ đó là *tỉ lệ bản đồ*.

– Tỉ lệ 1 : 10 000 000 hay $\frac{1}{10\,000\,000}$ cho biết hình nước Việt Nam được vẽ thu nhỏ lại 10 000 000 lần. Chẳng hạn, độ dài 1cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là 10 000 000cm hay 100km.

– Tỉ lệ bản đồ có thể viết dưới dạng một phân số có tử số là 1.

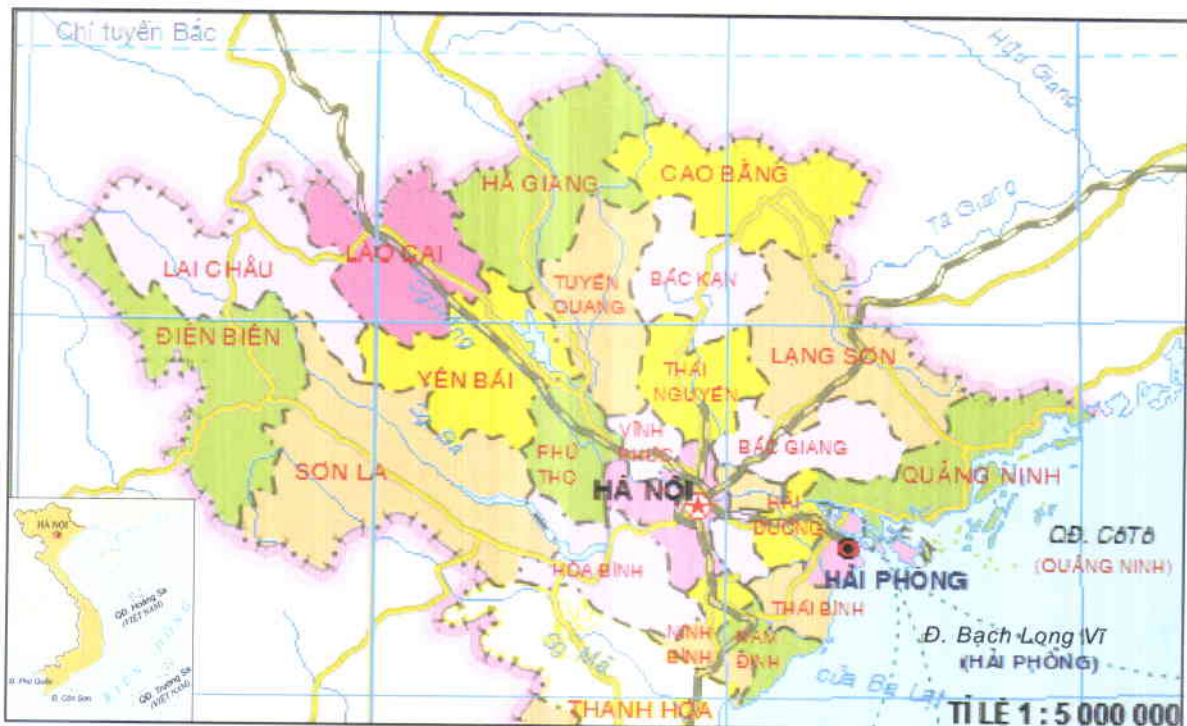
Ví dụ :

$$\frac{1}{1000} ; \frac{1}{50\,000} ; \frac{1}{1\,000\,000} ; \dots$$

HD 4. GV tổ chức củng cố lại kiến thức vừa lĩnh hội của mỗi HS bằng cách cho các em quan sát một bản đồ và thực hiện các yêu cầu cụ thể

- Bản đồ có tỉ lệ là bao nhiêu ?
- Tỉ lệ bản đồ đó cho ta biết gì ?
- Trên bản đồ đó, độ dài 1mm ứng với độ dài thật nào cho sau đây : 50m, 500m, 5000m ?

VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



B**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**

HĐ 1. GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi để kiểm tra lại việc hiểu ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ thông qua hoàn thành bảng

Tỉ lệ bản đồ	1 : 10 000	1 : 5000	1 : 300	1 : 15 000
Độ dài thu nhỏ	1mm	1cm	1dm	1m
Độ dài thật	... mm	... cm	... dm	... m

HĐ 2. Tổ chức cho HS hoạt động nhóm lớn, khai thác ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ để xác định độ dài thu nhỏ khi biết tỉ lệ và độ dài thật trong các trường hợp cụ thể

- Tỉ lệ bản đồ là 1 : 100 000 và độ dài thật là 100 000mm ;
- Tỉ lệ bản đồ là 1 : 40 000 và độ dài thật là 40 000cm ;

C**HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở nhà : Em hãy tìm hiểu về bản đồ của địa phương nơi em sinh sống. Đọc tỉ lệ bản đồ, đo độ dài đoạn đường từ nhà em tới trường trên bản đồ rồi thử ước lượng độ dài thật.

DẠNG 2 : KHAI THÁC CÁC ỨNG DỤNG CỦA TỈ LỆ BẢN ĐỒ

Dạng này bao gồm các nội dung chủ yếu như sau : Dựa trên tỉ lệ bản đồ để xác định độ dài thật hoặc độ dài thu nhỏ, thực hành vẽ hình minh họa cho kích thước thật khi biết tỉ lệ bản đồ.

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HĐ 1. Tạo hứng thú, củng cố kiến thức của HS về ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ

Hoạt động này thường bắt đầu bằng việc tổ chức một trò chơi hoặc ôn luyện các kiến thức có liên quan đọc tỉ lệ bản đồ và nêu được ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ.

HĐ 2. Khai thác các ứng dụng của tỉ lệ bản đồ

GV tổ chức cho HS thực hành khai thác hai trường hợp ứng dụng của tỉ lệ bản đồ thông qua các dạng toán cụ thể : Cho biết tỉ lệ bản đồ, xác định độ dài thật khi biết độ dài thu nhỏ ; cho biết tỉ lệ bản đồ, xác định độ dài thu nhỏ khi biết độ dài thật (trong quá trình này, có thể lồng vào một số nội dung rèn khả năng ước lượng khoảng cách cho HS).

Dựa trên những dạng toán đó, GV hướng dẫn HS cách vẽ hình (đoạn thẳng, hình chữ nhật,...) trên bản đồ khi biết kích thước thật và tỉ lệ.

HD 3. Củng cố các ứng dụng của tỉ lệ bản đồ

GV tổ chức cho HS thực hành luyện tập, vận dụng các ứng dụng của tỉ lệ bản đồ. Có thể hướng dẫn các em thêm một hướng ứng dụng nữa, đó là xác định tỉ lệ của bản đồ để bước đầu giúp các em biết phân hoạch sơ đồ chỗ ngồi của lớp học trên một bản đồ.

2. Ví dụ minh họa

Bài 97. ỨNG DỤNG CỦA TỈ LỆ BẢN ĐỒ

Cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ.



HD 1. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm lớn để củng cố lại việc hiểu ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ đồng thời hướng các em đến việc khai thác các ứng dụng của tỉ lệ bản đồ bằng cách quan sát một bản đồ cụ thể và thực hiện các yêu cầu sau (chú ý cho HS giải thích cụ thể cách làm của mình để có được kết quả trong các ý d, e, g) :

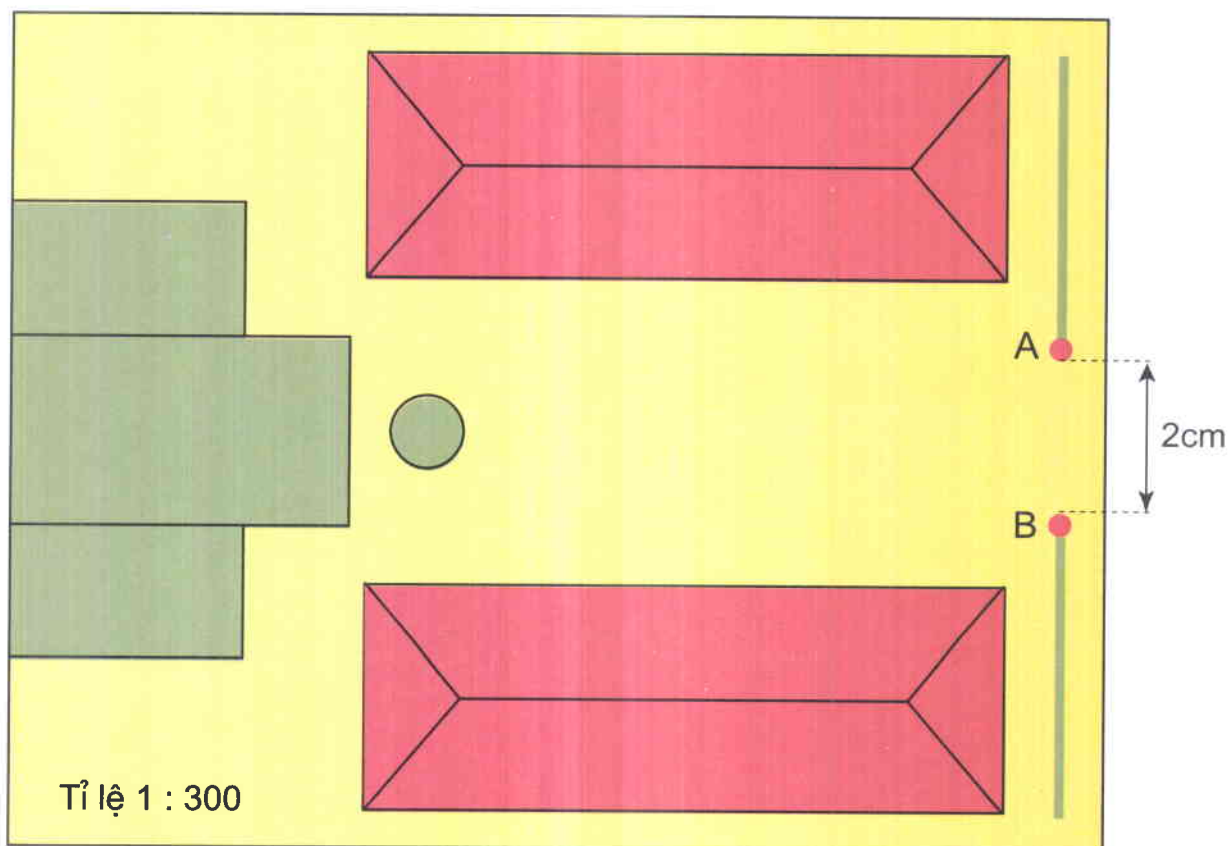
- Tỉ lệ của bản đồ là bao nhiêu ?
- Tỉ lệ của bản đồ cho em biết gì ?
- Độ dài thu nhỏ trên bản đồ là 1cm thì độ dài thật là bao nhiêu ?
- Độ dài thu nhỏ trên bản đồ là 5cm thì độ dài thật là bao nhiêu ?
- Nếu độ dài thật là 40km thì trên bản đồ, độ dài thu nhỏ là bao nhiêu xăng-ti-mét ?
- Nếu độ dài thật là 1 200m thì trên bản đồ, độ dài thu nhỏ là bao nhiêu mi-li-mét ?

VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



HD 2. Trên cơ sở các kết quả thảo luận được của nhóm HS, GV hướng dẫn các em khai thác các ứng dụng của tỉ lệ bản đồ thông qua hai bài toán cụ thể

Bài toán 1 : Bản đồ Trường Mầm non xã Thới Lợi có tỉ lệ 1 : 300. Trên bản đồ, cổng trường rộng 2cm (khoảng cách từ A đến B). Hỏi chiều rộng thật của cổng trường là mấy mét ?



Bản đồ Trường Mầm non xã Thắng Lợi

Bài giải

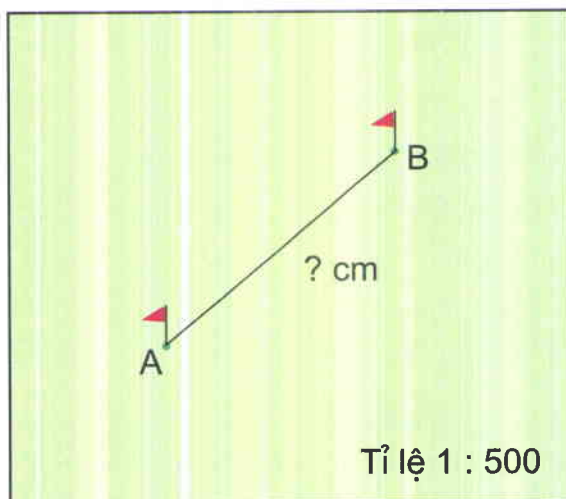
Chiều rộng thật của công trường là :

$$2 \times 300 = 600 \text{ (cm)}$$

$$600\text{cm} = 6\text{m}$$

Đáp số : 6m.

Bài toán 2 : Khoảng cách giữa hai điểm A và B trên sân trường là 20m. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500, khoảng cách giữa hai điểm đó là mấy xăng-ti-mét ?



Bài giải

$$20\text{m} = 2000\text{cm}$$

Khoảng cách giữa hai điểm A và B trên bản đồ là :

$$2000 : 500 = 4 \text{ (cm)}$$

Đáp số : 4cm.

HD 3. Củng cố lại việc nắm bắt các ứng dụng tỉ lệ bản đồ của mỗi HS thông qua bài tập về hoàn thành bảng

Tỉ lệ bản đồ	1 : 500 000	1 : 2000	1 : 600	1 : 15 000
Độ dài thu nhỏ	2cm	... m	5mm	... dm
Độ dài thật	... m	2km	... m	6km



HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

GV tổ chức cho HS giải các bài toán có lời văn theo hai dạng ứng dụng của tỉ lệ bản đồ. Dạng thứ nhất đơn giản hơn nên có thể cho HS làm việc cá nhân. Dạng thứ hai cho các em giải và đối chiếu kết quả với bạn bên cạnh.

HD 1. Giải bài toán

a) Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 200, chiều dài phòng học lớp em đo được 4cm. Hỏi chiều dài thật của phòng học đó là mấy mét ?

b) Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 2 000 000, quãng đường từ Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh đo được 855mm. Tìm độ dài thật của quãng đường Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh.

HD 2. Giải bài toán rồi đối chiếu với kết quả của bạn

a) Quãng đường từ nhà em đến trường dài 5km. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 100 000, quãng đường đó dài bao nhiêu xăng-ti-mét ?

b) Người ta muốn vẽ một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng 10m trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500. Hỏi trên bản đồ đó, độ dài mỗi cạnh của hình chữ nhật là bao nhiêu mi-li-mét ?

HD 3. Để chốt lại các cách để giải những dạng toán liên quan đến tỉ lệ bản đồ, GV có thể yêu cầu HS nêu cách tìm :

- Độ dài thật khi biết tỉ lệ bản đồ và độ dài thu nhỏ.
- Độ dài thu nhỏ khi biết tỉ lệ bản đồ và độ dài thật.
- Tỉ lệ bản đồ khi biết độ dài thật và độ dài thu nhỏ.



HD 1. GV cho HS vận dụng các ứng dụng của tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thật trên một bản đồ cụ thể thông qua dạng toán

Trên bản đồ của tỉnh hoặc thành phố nơi em sinh sống. Em hãy

- Đo độ dài đoạn thẳng từ nhà em đến công viên gần nhất rồi xác định độ dài thật.
- Đo độ dài đoạn thẳng từ nhà em tới bệnh viện gần nhất rồi xác định độ dài thật.

HD 2. Khai thác ứng dụng của tỉ lệ bản đồ để phục vụ cho việc vẽ bản đồ đó là xác định tỉ lệ bản đồ

Có thể tổ chức cho HS giải quyết tình huống liên quan đến việc trang trí phòng học như sau : Bạn An muốn vẽ bản đồ về sơ đồ chỗ ngồi của các nhóm trong phòng học trên một tờ giấy hình chữ nhật có chiều dài là 400mm và chiều rộng là 300mm. Biết rằng chiều dài của phòng học là 8m, chiều rộng là 6m.

a) Em hãy giúp bạn An nên chọn tỉ lệ nhỏ nhất là bao nhiêu để có thể vẽ được bản đồ đó.

b) Một cái mặt bàn có chiều dài là 100cm, chiều rộng là 50cm. Theo tỉ lệ này, để vẽ được hình chữ nhật biểu thị cho mặt bàn, trên bản đồ, chiều dài và chiều rộng của hình đó là bao nhiêu mi-li-mét ?

CHỦ ĐỀ 10 : GIẢI BÀI TOÁN CÓ LỜI VĂN

A. MỤC TIÊU

Giúp HS :

- Biết giải bài toán có dạng :
 - + Tìm số trung bình cộng của nhiều số.
 - + Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của chúng.
 - + Tìm phân số của một số.
 - + Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.
 - + Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.
- Vận dụng vào giải quyết các tình huống thực tiễn ở trường, ở gia đình, cộng đồng.

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI CHỦ YẾU

DẠNG 1 : TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HD 1. Khởi động

HS chơi các trò chơi có nội dung liên quan tới biểu diễn một số phần bằng nhau bằng phân số.

HD 2. Hình thành cách tìm phân số của một số và vận dụng giải toán

HS đọc bài toán và những nhận xét, thảo luận về cách tìm phân số của một số.

HS giải thích cho nhau trong nhóm về cách trình bày Bài giải.

Với trình độ tư duy của HS lớp 4, HS trong các nhóm có thể cùng nhau thảo luận và nắm được cách tìm phân số của một số.

Tiếp theo, HS trong mỗi cặp đôi thảo luận cách giải bài toán tương tự, mỗi HS viết bài giải vào vở.

Sau hoạt động này, GV có thể chốt lại quy tắc tìm phân số của một số, chẳng hạn, có thể tóm tắt như sau :

Muốn tìm phân số của một số, ta lấy số đó nhân với phân số đã cho.

Sau khi được "chốt" quy tắc tính, HS có thể thực hiện các bài tập tiếp theo một cách độc lập.

HD 3. Luyện tập tìm phân số của một số và giải toán về tìm phân số của một số

Từng HS thực hiện các bài tập. Trong trường hợp HS lúng túng, có thể nhờ sự trợ giúp của bạn trong nhóm hoặc của GV.

HD 4. Vận dụng cách tìm phân số của một số vào tình huống thực tiễn

HS tiếp tục bổ sung điều kiện cho bài toán dạng tìm phân số của một số và giải bài toán.

2. Ví dụ minh họa

Bài 80. TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết :

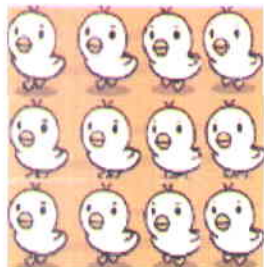
- Tìm phân số của một số.
- Giải bài toán về tìm phân số của một số.

HD 1. Khởi động

1. Trò chơi tìm phân số

Mỗi nhóm được nhận các bộ phiếu, mỗi phiếu có hình vẽ và bài tập kèm theo, chẳng hạn :

Phiếu 1 :



Hãy khoanh vào $\frac{2}{3}$ số gà.

Phiếu 2 :



Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm :
Có ... số bông hoa bị khoanh.

Các bạn trong nhóm lần lượt lên nhận phiếu và làm bài tập, nhóm nào làm đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.

GV cần thiết kế các phiếu học tập với nội dung phong phú, các phiếu gồm 2 dạng : dạng khoanh một số phần bằng nhau của nhóm đối tượng trong phiếu để thể hiện phân số đã cho và dạng viết phân số tương ứng với số phần bằng nhau bị khoanh trong phiếu.

Trò chơi giúp HS củng cố khái niệm về phân số.

HD 2. Đọc bài toán và thảo luận trong nhóm về quá trình tìm tòi, rút ra cách giải bài toán

– HS làm việc theo nhóm, các bạn cùng nhau đọc bài toán :

Một rổ cam có 12 quả.

Hỏi $\frac{2}{3}$ số cam trong rổ là bao nhiêu quả cam ?

Tiếp đó HS cùng nhau đọc và giải thích cho nhau các ý nhận xét sau :

a) $\frac{1}{3}$ số cam trong rổ là : $12 : 3 = 4$ (quả) ;

b) $\frac{2}{3}$ số cam trong rổ là : $4 \times 2 = 8$ (quả)

c) Ta có thể tìm $\frac{2}{3}$ số cam trong rổ như sau : $12 \times \frac{2}{3} = 8$ (quả)

– HS tiếp tục đọc và thảo luận với nhau cách tìm $\frac{2}{3}$ của 12 (đây là bước quan trọng nhất của hoạt động này, vì vậy GV cần nắm bắt tình hình thảo luận của các nhóm, có hỗ trợ cho các nhóm và các HS còn lúng túng).

– HS thống nhất về cách trình bày bài giải.

**Muốn tìm $\frac{2}{3}$ của 12,
ta lấy 12 nhân với $\frac{2}{3}$.**

Bài giải

$\frac{2}{3}$ số quả cam trong rổ là :

$$12 \times \frac{2}{3} = 8 \text{ (quả)}$$

Đáp số : 8 quả cam.

– Tiếp đó, HS thảo luận cặp đôi để tìm $\frac{3}{4}$ của 12 (HS dễ dàng tìm được cách tìm $\frac{3}{4}$ của 12 bằng cách lấy 12 nhân với $\frac{3}{4}$).

– GV cùng cả lớp chốt lại cách tìm phân số của một số ; cách phát biểu nên dễ nhớ, chẳng hạn :

Muốn tìm phân số của một số, ta lấy số đó nhân với phân số đã cho.

B**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**

Từng HS làm các bài tập tiếp theo :

1. Một lớp học có 36 học sinh. Có $\frac{2}{3}$ số học sinh trong lớp là học sinh khá. Hỏi trong lớp có bao nhiêu học sinh khá ?
2. Nhà bác Hải thu hoạch được 280kg hạt điều. Số hạt điều nhà bác Hiền thu hoạch bằng $\frac{3}{5}$ số hạt điều nhà bác Hải. Hỏi nhà bác Hiền thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam hạt điều ?
3. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 240m. Chiều rộng bằng $\frac{5}{6}$ chiều dài. Hãy tìm chiều rộng của mảnh đất đó.

C**HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**

HS tự điền số thích hợp vào chỗ chấm, khi đó phân số đã xác định. HS tự giải bài toán do mình góp phần xây dựng. Như vậy, mỗi HS tự lập và giải được bài toán của mình. Các bạn trong nhóm sẽ kiểm tra kết quả điền số vào chỗ chấm và kiểm tra trình bày bài giải của mỗi bạn.

DẠNG 2 : TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG CỦA NHIỀU SỐ**1. Các hoạt động tự học chủ yếu****HĐ 1. Khởi động tìm ý nghĩa của số trung bình cộng**

Hoạt động này nhằm gợi ý : ý nghĩa của số trung bình cộng và cách tìm số trung bình cộng của nhiều số.

HĐ 2. Tìm hiểu về số trung bình cộng và cách tìm số trung bình cộng**HĐ 3. Luyện tập tìm số trung bình cộng và vận dụng giải toán**

HS thực hành tìm số trung bình cộng và giải toán về số trung bình cộng.

HĐ 4. Ứng dụng tình huống tìm số trung bình cộng trong thực tế

Ứng dụng tìm số trung bình cộng trong tình huống thực tế cuộc sống.

2. Ví dụ minh họa

Bài 13. TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG CỦA CÁC SỐ

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết :

- Tìm trung bình cộng của hai, ba, bốn số.
- Giải bài toán về tìm số trung bình cộng.



HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. Khởi động

Hoạt động này nhằm gợi ý : ý nghĩa của số trung bình cộng và cách tìm số trung bình cộng của nhiều số.

Với một tình huống đặt ra mang tính giải trí : các bạn đi hái nấm và số nấm của mỗi người hái được hơn kém khác nhau. Nhưng các bạn lại muốn chia đều số nấm hái được, để ai cũng có cùng số nấm như nhau mang về nhà. Để đạt được ý tưởng *chia đều đó*, các bạn phải làm các thao tác sau :

- + Gộp (cộng) tất cả số nấm của cả 3 người lại.
- + Rồi chia đều thành 3 phần bằng nhau.

Rõ ràng cách giải quyết trên là tự nhiên, lại tương ứng với cách tìm số trung bình cộng của 3 số :

- + Lấy tổng của 3 số :
 $11 + 15 + 10 = 36$ (cây nấm).
- + Thực hiện phép chia cho 3 :
 $36 : 3 = 12$ (cây nấm).

Việc giải quyết tình huống trên giúp đưa đến khái niệm về số trung bình cộng một cách tự nhiên, đồng thời cũng cho biết luôn cách tìm số trung bình cộng của 3 số.

HS trong mỗi nhóm có thể cùng nhau viết các số thích hợp vào chỗ chấm.

HD 2. Tìm hiểu về số trung bình cộng và cách tìm số trung bình cộng

– HS cùng nhau đọc kĩ đoạn trình bày để hiểu thế nào là trung bình cộng của ba số 11, 15 và 10.

Có ba số 11, 15 và 10.

Lấy tổng của cả ba số chia cho 3, ta được 12.

Khi đó 12 được gọi là số trung bình cộng của ba số 11, 15 và 10.

– Các bạn trong nhóm thống nhất cách viết tiếp số thích hợp vào chỗ chấm :

Số trung bình cộng của hai số 24 và 26 bằng $(... + ...) : 2 = \dots$

Đồng thời đọc và giải thích trong nhóm đoạn sau :

Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số, ta tính tổng của các số này, rồi chia tổng đó cho số các số hạng.

– HS luyện tập theo cặp tìm số trung bình cộng của nhiều số :

a) 20 ; 30 ; 10 ;

b) 4 ; 3 ; 8.



HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

Từng HS thực hành tìm số trung bình cộng và giải toán về số trung bình cộng

HD 1. Tìm số trung bình cộng của các số sau :

a) 46 và 24 ;

b) 35 ; 17 và 38 ;

c) 12 ; 23 ; 5 và 44.

HD 2. Giải bài toán : Số dân của xã Đại Hoàng trong 3 năm liên tiếp lần lượt là 99 ; 85 và 74 người. Hỏi trung bình mỗi năm dân số của xã đó tăng thêm bao nhiêu người ?

HD 3. Giải bài toán : Trong 4 năm liên, xã Hoà Bình làm thêm được các đoạn đường bê tông có chiều dài lần lượt là 5km, 7km, 12km và 8km. Hỏi trung bình mỗi năm xã đó làm thêm được bao nhiêu ki-lô-mét đường bê tông ?

Với bài tập 4, cần có sự thảo luận của cặp đôi HS, trường hợp vẫn chưa giải quyết được thì thảo luận trong nhóm.

HD 4. Giải bài toán : a) Trung bình cộng của hai số là 9. Biết một trong hai số đó là 14, tìm số kia.

b) Trong 3 năm liền, trung bình mỗi năm nhà bác Hùng thu hoạch được 14 tạ thóc. Năm thứ nhất bác thu hoạch 10 tạ thóc, năm thứ hai bác thu hoạch 16 tạ thóc. Hỏi năm thứ ba, bác Hùng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ?



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

HS hỏi chiều cao của bố và mẹ rồi tính chiều cao trung bình của cả hai người. Số đo chiều cao có thể là gần đúng.

DẠNG 3. TÌM HAI SỐ BIẾT TỔNG VÀ HIỆU HAI SỐ ĐÓ ; TÌM HAI SỐ BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ ; TÌM HAI SỐ BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ.

1. Các hoạt động tự học chủ yếu

HD 1. Khởi động luyện tập vẽ sơ đồ tóm tắt bài toán

Tạo hứng thú học tập, khai thác kinh nghiệm đã có của HS, củng cố một số kiến thức, kỹ năng liên quan tới việc giải dạng toán mới (chẳng hạn luyện kỹ năng xây dựng tóm tắt bài toán bằng sơ đồ, hoặc từ sơ đồ tóm tắt đã cho, phát biểu bài toán tương ứng ; Những kỹ năng này là rất quan trọng đối với hoạt động toán học hoá tình huống thực tiễn).

HD 2. Tìm hiểu dạng toán mới, cách giải và cách trình bày bài giải dạng toán mới

– HS làm việc theo nhóm : đọc đề hiểu đề toán, tìm hiểu bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì ; Thảo luận để tìm hiểu dạng toán mới (thông qua việc tóm tắt bài toán bằng sơ đồ đoạn thẳng), thống nhất với nhau các bước giải toán, đồng thời trình bày bài giải.

– GV chốt lại các vấn đề cơ bản : dạng toán (trong đó có thể phải lập sơ đồ đoạn thẳng tương ứng) và cách giải, trình bày lời giải.

HD 3. Thực hành luyện tập giải các bài toán thuộc dạng vừa học

HD 4. Ứng dụng dạng toán vừa học với các tình huống, các số liệu có thật trong đời sống hằng ngày của học sinh

2. Ví dụ minh họa

Bài 22. TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU HAI SỐ ĐÓ

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết :

- Cách tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.
- Bước đầu giải bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.



HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. Khởi động : Thi vẽ sơ đồ

– Mỗi nhóm được nhận một phiếu có nội dung một bài toán nào đó, yêu cầu vẽ sơ đồ tóm tắt bài toán.

– Các bạn trong nhóm thảo luận và vẽ sơ đồ đoạn thẳng thể hiện các số đã cho, số phải tìm. Chú ý rằng, việc vẽ sơ đồ đoạn thẳng không cần chính xác tuyệt đối.

– GV cần thiết kế nhiều phiếu học tập, mỗi phiếu ghi một bài toán có nội dung ngắn gọn và bộ phiếu sẽ có đủ các dạng, nên tập trung vào bài toán khi giải cần 2 bước tính. Cần có một số bài toán dạng "tổng – hiệu" để tiếp cận với bài mới.

HD 2. HS đọc tài liệu và giải thích trong nhóm về cách tìm hai số

– Cách tìm số lớn trước.

– Cách tìm số bé trước.

Đây là bài không dễ đối với HS. HS sẽ cần phải thảo luận, tranh cãi nhiều. Trong tình huống này, GV cần quan tâm để có hỗ trợ các nhóm.

– GV cùng cả lớp chốt lại phương pháp giải dạng toán này.

B**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH**

Từng HS làm các bài tập, GV quan sát và hỗ trợ những HS gặp khó khăn.

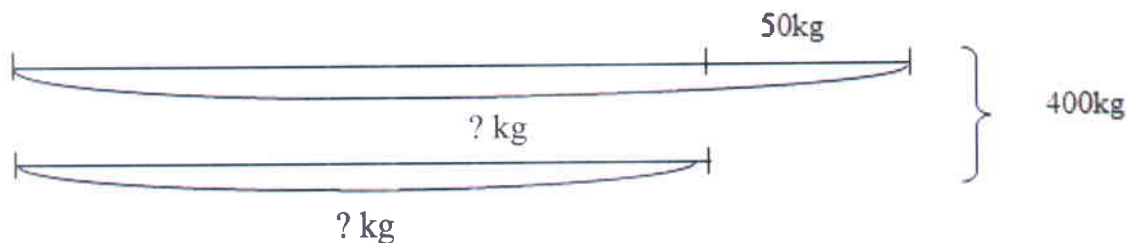
C**HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG**

HS tập đặt ra bài toán theo sơ đồ đã cho (với các số liệu có thật trong đời sống hằng ngày của HS) rồi đố người lớn để cùng giải hoặc HS điền số liệu thích hợp vào bài toán rồi giải bài toán đó. Chẳng hạn :

"Tổng số gà và vịt nuôi được là con. Số gà hơn số vịt là ... con. Hỏi có bao nhiêu con gà ? Bao nhiêu con vịt ?"

Chú ý :

GV có thể cho HS tự đặt bài toán theo sơ đồ cho trước, rồi giải bài toán của mình, chẳng hạn :



Bài 93. TÌM HAI SỐ KHI BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ

GV cho HS đọc mục tiêu :

Mục tiêu

Em biết cách giải bài toán Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.

A

HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

HD 1. Khởi động đặt bài toán theo sơ đồ cho trước

Trò chơi : nghĩ bài toán theo sơ đồ.

Mỗi bạn có 1 phiếu học tập, trong mỗi phiếu có vẽ sơ đồ bài toán "tổng – tỉ". Mỗi bạn nghĩ một bài toán ứng với sơ đồ đã cho.

(GV cần chuẩn bị nhiều sơ đồ khác nhau)

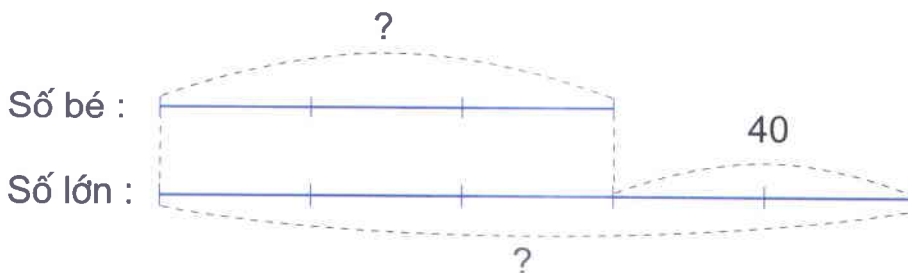
HD 2. Hoàn thiện bài giải của bài toán dạng "hiệu – tỉ", từ đó nắm được cách giải dạng toán này

HS đọc bài toán và viết tiếp vào chỗ chấm trong bài giải

Bài toán 1 : Hiệu của hai số là 40. Tỉ số giữa hai số là $\frac{3}{5}$. Tìm hai số đó.

Bài giải

Ta có sơ đồ :



Hiệu số phần bằng nhau là :

$$5 - 3 = 2 \text{ (phần)}$$

Giá trị mỗi phần là :

$$40 : 2 = 20$$

Số bé là :

$$20 \times 3 = 60$$

Số lớn là :

$$20 \times 5 = 100$$

Đáp số : Số bé : 60

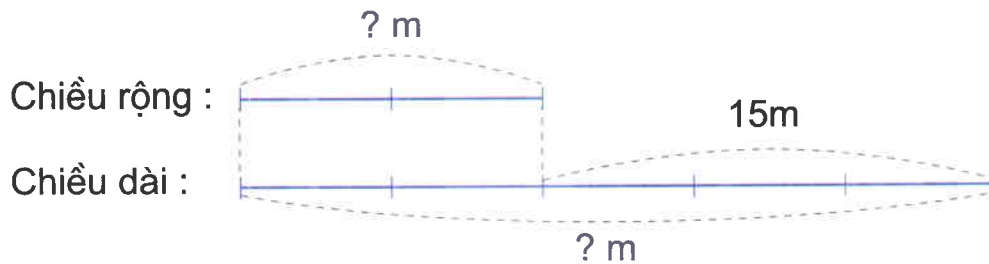
Số lớn : 100

– Đọc bài toán 2, viết tiếp vào chỗ chấm trong bài giải.

Bài toán 2 : Một hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 15m. Chiều dài bằng $\frac{5}{2}$ chiều rộng. Tìm chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật đó.

Bài giải

Ta có sơ đồ :



Theo sơ đồ chiều dài hơn chiều rộng số phần là :

$$5 - 2 = 3 \text{ (phần)}$$

Mỗi phần là :

$$15 : 3 = 5 \text{ (m)}$$

Chiều dài là :

$$5 \times 5 = 25 \text{ (m)}$$

Chiều rộng là :

$$5 \times 2 = 10 \text{ (m)}$$

Đáp số : Chiều dài : 25m ;

Chiều rộng : 10m.

GV cùng cả lớp chốt lại cách tìm hai số.

– HS thảo luận theo cặp giải bài toán sau : Hiệu của hai số là 28. Tỉ số của hai số là $\frac{3}{5}$. Tìm mỗi số.



HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

HS tự giải các bài toán sau :

1. Hiệu của hai số là 100, tỉ số của chúng là $\frac{7}{3}$. Tìm mỗi số.

2. Số nữ thôn Đoài nhiều hơn số nam là 60 người. Số nam bằng $\frac{7}{8}$ số nữ. Hỏi thôn

Đoài có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ ?

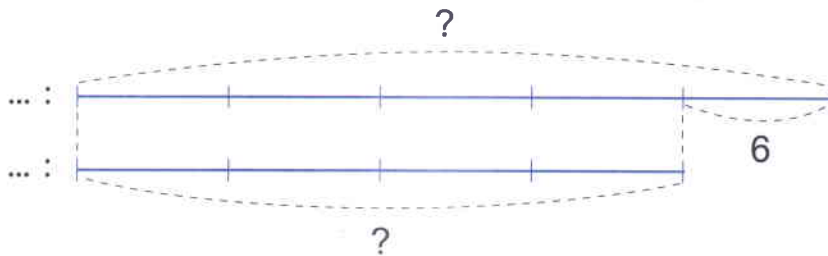
3. Số cây cam trong vườn ít hơn số cây chanh là 110 cây. Tỉ số của số cây chanh và cây cam là $\frac{7}{5}$. Hỏi trong vườn có bao nhiêu cây cam ? Bao nhiêu cây chanh ?

Trong tình huống này, có một số HS sẽ lúng túng trong giải bài toán, cần có sự hỗ trợ lẫn nhau, HS khá giúp các bạn gặp khó khăn trong nhóm.



HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

HS dựa vào sơ đồ có sẵn, "sáng tác" nêu bài toán theo sơ đồ rồi giải bài toán đó :



MỤC LỤC

Trang

PHẦN THỨ NHẤT. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 4 VNEN	6
I. Một số đặc điểm của dạy học môn Toán lớp 4 VNEN	7
I.1. Một số định hướng chung	7
I.2. Một số đặc điểm cụ thể	7
II. Kế hoạch, nội dung dạy học môn Toán lớp 4 VNEN	9
II.1. Thời lượng dạy học môn Toán lớp 4 VNEN	9
II.2. Nội dung dạy học môn Toán lớp 4 VNEN	9
II.3. Phân phối kế hoạch bài học trong chương trình môn Toán lớp 4 VNEN.....	13
III. Phương pháp dạy học môn Toán lớp 4 VNEN	28
III.1. Năm bước giảng dạy theo mô hình VNEN	28
III.2. Mười bước học tập của VNEN	35
IV. Đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy học môn Toán lớp 4 VNEN ...	41
IV.1. ĐGKQHT của HS theo mô hình VNEN	41
IV.2. ĐGKQHT của HS trong dạy học môn Toán theo mô hình VNEN	41
V. Một số vấn đề khác trong dạy học môn Toán lớp 4 VNEN.....	45
V.1. Về phương tiện và thiết bị dạy học	45
V.2. Vận dụng, điều chỉnh, bổ sung nội dung và phương pháp dạy học cho phù hợp đối tượng HS và điều kiện vùng miền	48
PHẦN THỨ HAI. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI CƠ BẢN TRONG MÔN TOÁN LỚP 4 VNEN	50
Chủ đề 1 : Số tự nhiên	51
Chủ đề 2 : Dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3	69
Chủ đề 3 : Các phép tính với số tự nhiên	75
Chủ đề 4 : Phân số	98
Chủ đề 5 : Các phép tính với phân số.....	116
Chủ đề 6 : Đại lượng và đo đại lượng	124
Chủ đề 7 : Biểu đồ	138
Chủ đề 8 : Các yếu tố hình học	148
Chủ đề 9 : Tỉ lệ bản đồ và ứng dụng	157
Chủ đề 10 : Giải bài toán có lời văn.....	167

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGƯT. NGÔ TRẦN ÁI
Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS. VŨ VĂN HÙNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học PHẠM NGỌC ĐỊNH

Phó Tổng biên tập NGÔ ÁNH TUYẾT

Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập nội dung :

VŨ MAI HƯƠNG

Trình bày bìa :

NGUYỄN HOÀNG

Sửa bản in :

VŨ MAI HƯƠNG

Chế bản :

NGUYỄN HOÀNG

Tài liệu hướng dẫn giáo viên

MÔN TOÁN LỚP 4

Mã số : T4T48A4

Số ĐK KHXB : 290-2014/CXB/44-188/GD

In 6.720 bản (QĐ: 81TK-DA), khổ 20,5 x 27cm

In tại Công ty cổ phần In Hà Nội - Cụm công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

QĐXB số: 6695/QĐ-GD ngày 25 tháng 12 năm 2014

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2014